

SỐ 22 NGÀY 1-12-1965

BACH KHOA T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO Nhật Bản và hội nghị Á-Phi * LÊ VĂN HẢO
đối tượng và mục đích dân tộc học * ĐOÀN THÈM thắng
và công trong kiến trúc hiện đại * VŨ QUANG YẾN
trên trời có gì lạ ? * ĐỖ TRỌNG HUỀ trường Pháp hay
trường Việt ? * NGUYỄN VĂN TRUNG biện hộ cho trẻ
con hay là huyền thoại người lớn * VŨ DZŨNG những
khung trời ngỏ * NGUYỄN NHƯ kinh tế nước nhà bị bội
thực * DUY một biện pháp kinh tế * THANH TÂM TUYẾN
cát lầy * VŨ HẠNH có huyền thoại người lớn không ? *
NG. T. THỤY VŨ mèo đêm * **SINH HOẠT** cộng đồng các
nhà văn Châu-Âu * ba cuộc
nói chuyện kỷ niệm 200 năm
Nguyễn-Du * nhu cầu một
đường hướng giáo dục mới



214

Thanh thoát
Fine
Dịu dàng
Racée
Tonique

NUỐC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{ME} DES DISTILLERIES DE L'ÉTOILE DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên dè dặt kiểm
sốt lại nắp chì ngửa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 214 ngày 1 - 12 - 1965

VŨ-BẢO <i>Nhật-bản tại Hội-nghị Á-phi</i>	3
LÊ-VĂN-HẢO <i>đối-tượng và mục-đích dân tộc học</i>	13
ĐOÀN-THÊM <i>thẳng và cong trong kiến-trúc hiện-đại</i>	19
VÕ-QUANG-YẾN <i>trên trời có gì lạ ?</i>	27
NGUYỄN-VĂN-TRUNG <i>biện hộ cho trẻ con hay là huyền thoại người lớn</i>	33
ĐỖ-TRỌNG-HUỆ <i>chương trình Pháp hay chương trình Việt ?</i>	39
VŨ-DZŪNG <i>những khung trời ngỏ (Hồi ký)</i>	43
NGUYỄN-NHƯ <i>kinh tế nước nhà bị bội thực ?</i>	53
DUY <i>một giải pháp kinh tế</i>	57
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	61
VŨ-HẠNH <i>có huyền thoại người lớn không ?</i>	71
NG.-THỊ-THỤY-VŨ <i>Mèo đêm (truyện ngắn)</i>	74
SINH HOẠT	
<i>Cộng đồng các nhà văn Châu-Âu (hội nghị Thứ 3)</i>	82
<i>Ba cuộc nói chuyện kỷ-niệm 200 năm Nguyễn Du</i>	
<i>(diễn giả : Nguyễn Đăng Thục Đào Đăng Vỹ) T.T. Thích Thiên Ân</i>	85
<i>Nhu cầu một đường hướng giáo dục (Thuyết trình viên : nhà giáo dục Thiên Giang trong cuộc hội thảo do «H.Đ. Bảo vệ Tinh thần Thanh Thiếu Nhi» tổ chức)</i>	88

BÁCH-KHOA THỜI - ĐẠI

trong những số tới

Cuộc bầu cử tại Phi-luật-Tân

Đẹp trong kiến-trúc hiện đại

Kinh-tế du-kịch chiến

Máy tính điện-tử trong đời sống ngày nay

Vài điều nên lưu ý về Thời-biểu

Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt-văn

Nỗi hoài nghi của Cézanne (dịch Merleau-Ponty)

Nhạc Jazz

Hôn nhân dị chủng (lá thư Ba Lê)

Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê

Những khung-trời ngỏ (ký sự)

Chiều trong làng (truyện ngắn)

Hoạt cảnh II (truyện ngắn)

VŨ-BẢO

ĐOÀN THÊM

DUY

BỬU-CHÁNH

NGUYỄN-PHƯƠNG

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

TRẦN-VĂN-KHÉ

MỘNG-TRUNG

NGUYỄN-NGU-Í

VŨ-DZŪNG

Y-UYÊN

VŨ-PHIẾN

Nhật-Bản và Hội-nghị Á-Phi

Do vị-trí địa-dư của mình Nhật-Bản là một phần Châu-Á, nhưng bước vào phòng nhóm của Hội-nghị Á-Phi, Nhật-Bản vẫn lúng túng như một anh vào nhầm nhà...

Kết quả bất ngờ nhất của Hội nghị Á Phi chưa họp đã tan tại Alger trong những ngày vừa qua là nước nào cũng tìm được một an ủi riêng trong sự thất bại chung.

Algérie, nước đứng ra tổ chức đã bỏ ra 15 tỷ quan để tiếp đón các phái đoàn. tuy không thu hoạch được những thành công tương xứng, cũng mừng thầm thấy rằng dầu sao thì cũng đã có họp, chứ còn như hồi tháng sáu, khi Ben Bella mới bị lật đổ có ai dám tin rằng rồi cũng có tới 48 phái đoàn phó hội ?

Trung Cộng đã tưởng phen này thao túng được 64 nước Á Phi chẳng dè

tình thế lại quay sang chiều bất lợi cho mình, đã tự lấy làm bằng lòng khi vận động được cho Hội nghị thượng đỉnh hoãn lại vô thời hạn.

Nga Sô đang chờ đợi bị Trung Cộng kiếm cách đẩy ra khỏi phòng nhóm của những dân tộc màu da đen, vàng nay lại sung sướng đã ghi được một thắng lợi đáng kể là đa số các nước Á-Phi đều mong muốn có sự tham dự của các đại biểu từ Mạc-tư-khoa tới.

Các phái đoàn các nước khác đi họp có vài ngày chỉ để tuyên bố là Hội nghị thượng đỉnh sẽ đình hoãn, cũng có dịp trở về làm báo cáo với chính phủ mình là đã tranh đấu thắng lợi, vì nếu không

quyết định như vậy, khối Á Phi sẽ rạn vỡ, nghĩa là công lao của phái đoàn đối với nhân loại thật là lớn vậy.

Ngay các chính khách Việt Nam cũng lấy làm mãn nguyện. Người ta còn nhớ dưới thời Chính phủ dân sự Phan Huy Quát, cả một chiến dịch ngoại giao hùng hậu đã được tung ra để cho Việt Nam phải được mời phó hội. Kết quả là chúng ta vẫn ngồi nhà nhưng Hội nghị Á Phi cũng chẳng vì thế mà họp nổi đến đâu đến đâu. Chắc hẳn các vị đó bây giờ đang rung đùi vì hoạt động ngoại giao của mình đã có kết quả là « bất chiến tự nhiên thành ».

Có thể nói là ngoại trừ Ấn-độ cay cú không được lên diễn đàn vạch mặt chỉ tên đứ đũa hàng xóm Trung Cộng hiếu chiến, còn thì làng nước ai cũng lấy làm hỉ hả về cái Hội nghị đầu voi đuôi chuột kia.

Một điều ít ai ngờ tới là có một nước tuy ngồi im thin thít nhưng lại hỉ hả ít ai bằng, đó là nước Nhật Bản.

Danh chính mà làm sao ngôn không thuận ?

Nhật Bản không cần xuất trình thẻ căn cước với anh gác cổng Hội nghị mới được công nhận là một nước Á Phi. Do vị trí địa dư của mình, Nhật Bản là một phần Châu Á, nhưng bước vào phòng họp, Nhật Bản vẫn lúng túng như một anh vào nhầm nhà.

Tất cả những ai trong chúng ta đã từng sống ở nơi đồng ruộng, chắc chưa quên hình ảnh những buổi họp việc

làng với các bộ râu dài, tóc búi, khăn đóng, áo chùng. Nếu trong buổi họp như vậy mà có một anh đầu húi kiêu bàn chải, quần áo Tây cũn cũn, tay đeo đồng hồ vàng, miệng ngậm bót thuốc lá, cầm cộp giầy da đi vào thì làm sao mà các chức sắc trong làng có thể coi anh ta là người đồng điệu !

Hình ảnh trên đây áp dụng cho Nhật Bản đi dự Hội nghị Á Phi cũng không có gì là quá đáng. Hầu hết các nước Á Phi giống nhau ở hai điểm chính :

— Về kinh tế, còn ở trong tình trạng kém mớ mang.

— Về chính trị, mới thâu hồi độc lập.

Cả hai điểm đó đều không tìm thấy ở Nhật Bản.

Kỹ nghệ đứng hàng 5 của thế giới.

Về phương diện kinh tế, Nhật Bản đã phát triển tới mức mà các hội viên Á Phi khác khó lòng có thể coi đó là kẻ đồng bệnh của mình, cùng chia sẻ những thiếu thốn và tủi nhục chung. Trong khi tại nhiều nước Á Phi, lợi tức đầu người mỗi năm còn ỉ ạch ở mức vài chục Mỹ kim thì tại Nhật Bản lợi tức đầu người đã lên tới 560 Mỹ kim. « Á Phi » kiểu gì mà lại cứ 100 gia đình thì 88 nhà có vô tuyến truyền hình và 62 nhà có máy giặt ? « Á Phi » kiểu gì mà về sản xuất kỹ nghệ chỉ thua có Hoa Kỳ, Nga Sô, Tây Đức và Anh Quốc ? « Á Phi » kiểu gì mà nhất thế giới về máy ảnh, radio, nhi thể giới về

kỹ nghệ điện tử, thứ ba trong thế giới về hóa học, thép, và ấn loát, thứ năm thế giới về kỹ nghệ xe hơi?

Không, Á-Phi mà như thế thì người béo, kẻ gầy khó nói chuyện với nhau lắm, quyền lợi kinh tế không giống nhau, làm sao mà đoàn kết tranh đấu cho những mục tiêu chung? làm sao mà cộng đồng đồng tiến? Đúng là Nhật Bản khi bước vào phòng họp của Hội nghị Á-Phi đã mang một tâm tư khó tả, bị chia sẻ bởi nhiều ý nghĩ khác nhau, không đi họp thì như thiếu sót một bên phận, mà đi họp thì lại lo vì sự cường thịnh của mình giữa những nước nghèo đói đang bối rối về các vấn đề kinh tế.

Cho nên các phản ứng của Nhật Bản về Hội Nghị Á-Phi cũng ngập ngừng như cái tâm trạng nói trên. Tháng 6, Hội-Nghị phải hoãn lại sau khi Boumedienne lật đổ Ben Bella thì Nhật Bản mong cho Hội Nghị tái nhóm. Tháng 11 khi các ngoại trưởng nhóm lại rồi định hoãn vô hạn định, thì Nhật Bản lại thở phào một cách nhẹ nhõm.

Một căn cứ then chốt

Vì nếu còn họp thì Nhật Bản không khỏi bị một số phái đoàn nói cạnh hay bị liên lụy khi người ta chỉ trích tấn công kẻ khác. Một trong những mục tiêu của Hội-Nghị Á-Phi, ít ai nói ra nhưng là mục tiêu chính đối với một số nước phó hội là lên án « đế quốc Hoa Kỳ ». Nay Nhật Bản lại đến họp với sự phồn thịnh « Made in U.S.A. » của mình thì còn làm sao trách được người ta đã làm làm áo mình trong lúc say sưa

ném bùn lên kẻ thù chính. Vì Nhật Bản đã nhận được trên 2 tỷ mỹ kim viện trợ và trong vài khu vực kỹ nghệ đã trang bị bằng máy móc Hoa Kỳ nhưng lại còn tối tân hơn cả Hoa Kỳ. Đến nỗi có một số kỹ nghệ gia người Mỹ trước khi trang bị nhà máy, muốn biết các máy móc Hoa Kỳ chế tạo năng xuất ra sao, đã sang Nhật Bản để xem các máy đó hoạt động thế nào vì ở Hoa Kỳ hãy còn mới quá chưa ai dùng cả!

Nhưng còn một điều nữa mà các nước Á-Phi khó tha thứ cho Nhật Bản là trong khi toàn khối nhược tiểu đều không chấp nhận những tổn thương tới chủ quyền của mình, dù là nhỏ nhất, thì Nhật Bản lại đề cho Hoa Kỳ đặt ềnh ềnh một căn cứ quân sự tại đảo Okinawa. Mà nào có phải là một căn cứ nhỏ cho cam : 3 phi trường lớn, một phi trường Naha mỗi tháng một vạn phi cơ lên xuống, 5 tiểu đoàn phi đạn nguyên tử, Okinawa chỉ cách Trung Cộng có 2 giờ bay và xòe cái dù vĩ đại của nó ra có thể bảo vệ cho Nhật Bản, Cao Ly, Đài Loan, Phi Luật Tân, Việt Nam. Ngay chính người Nhật mà còn phải thốt ra : « Không biết căn cứ Hoa Kỳ nằm trên đảo Okinawa hay là Okinawa nằm trên căn cứ Hoa Kỳ. » Như vậy tránh làm sao khỏi trong Hội nghị không có kẻ gói chung trong một lời mạt sát cả « đế quốc Hoa Kỳ » lẫn Nhật Bản là nước đã tiếp tay cho « đế quốc » này thực hiện « mộng xâm lược » Á-châu, bằng cách nhường lãnh thổ mình cho Hoa Kỳ đặt căn cứ quân sự. Và cũng vì thế mà Hội Nghị có thể coi là ngoài vị trí địa dư ra, Nhật Bản không

đầy đủ tư cách để có thể trọn vẹn làm một hội viên Á-Phi xứng đáng với danh hiệu này.

Do đó mà Hội Nghị có không nhóm họp, hay chỉ họp vài ngày rồi lại hoãn thì không những Nhật Bản đã chẳng thiệt hại gì mà lại còn tránh được những sự đối chất nặng nề.

Tự nhiên hưởng lợi

Còn một lý do nữa đã khiến cho Nhật Bản mừng thầm trong bụng khi thấy tại Alger cả một khối rúi Á Phi đã không đề nghị được một con chuột nhất: đó là sự thất bại chua cay của Trung Cộng. Vừa mới tháng 6 năm nay Trung Cộng vận dụng cả một chiến dịch rầm rộ để cho Hội Nghị được nhóm họp đúng ngày nêu cao được sự đoàn kết nhất trí của khối Á Phi. Trung Cộng đã chắc mẫm là sẽ gạt được Nga Xô ra ngoài, thao túng được tất cả 64 phái đoàn phó hội rồi mặc sức tấn công Hoa Kỳ và bọn "xét lại chủ nghĩa". Nhưng chỉ có 4 tháng sau, chính Trung Cộng lại từ chối đây đây không nhóm họp, lần này với lý do là để cho sự nhất trí của khối Á-phi khỏi bị đổ vỡ. Nhưng thực ra nếu có một cái chi đổ vỡ thì chính là một âm mưu của Trung Cộng và kẻ tự nhiên hưởng lợi lại là Nhật Bản. Vì Trung Cộng đã tính toán sẵn là Hội Nghị Á Phi dời lại đến tháng 11 năm 1965, sẽ khai mạc giữa khóa Đại hội Đồng thường niên lần thứ 20 của Liên hiệp Quốc, trước khi các nước Hội viên thảo luận về sự gia nhập của Trung Cộng vào tổ chức quốc tế này.

Do đó mà Trung Cộng đã hết sức chăm lo củng cố hàng ngũ phe mình và đã hy vọng rất nhiều vào cái trục Djakarta - Hà Nội, - Bắc Kinh, - Bình Nhưỡng. Nếu cái trục giữa 4 nước đều không phải là hội viên Liên Hiệp Quốc này mà thành công tại Alger thì chắc chắn khi thảo luận về vấn đề Trung Cộng gia nhập Liên Hiệp Quốc, sẽ có rất nhiều nước Á Phi bỏ phiếu thuận cho Trung Cộng.

Nhưng Hội nghị Alger đã phải chịu một số kiếp dang dở, trục 4 nước rời rạc một cách thảm hại, Nam Dương đảo chính bất thành, Trung Cộng thất bại liên tiếp, Bắc Việt và Bắc Cao thì bắt đầu hối hận đã theo Trung Cộng mà hờ hững với Nga Xô. Tại Đại hội đồng Liên hiệp Quốc, đa số các hội viên đã chống lại sự có mặt của Trung Cộng.

Mặt trời tỏ rạng

Mà vắng mặt cái anh hàng xóm khổng lồ này thì Nhật Bản tự nhiên đóng vai số 1 dẫn đầu các nước Á Phi. Ngôi sao của Bắc Kinh lu mờ thì mặt trời Phù Tang càng tỏ rạng. Nên có thể nói rằng trong những năm gần đây, đường lối ngoại giao của Nhật Bản là kim đáo ngăn cản không cho Trung Cộng gia nhập Liên hiệp Quốc. Và sự dang dở của Hội nghị Á Phi đã gián tiếp giúp cho Nhật Bản đạt được mục đích, như vậy hỏi Nhật Bản không hài lòng sao được?

Trung Cộng mà vào được Liên hiệp Quốc thì sẽ có một uy tín hết sức lớn lao với các nước Á Phi. Đại biểu Bắc Kinh sẽ chễm chệ ngồi vào ghế Trung Hoa

trong 5 ghế hội viên thường trực của Hội Đồng Bảo An, tất cả các nước khác chỉ được bầu chọn lấy 6 người vào ghế bất thường trực trong một thời hạn 2 năm. Nghĩa là Nhật Bản sẽ đương nhiên bị đẩy xuống hạng nhì.

Hơn nữa lập trường và an ninh của Đài Loan sẽ bị đe dọa nặng nề làm đảo lộn cả việc phòng thủ của chính ngay Nhật bản. Đã bao nhiêu năm nay Nhật bản không phải lo nghĩ gì đến các việc chi tiêu quốc phòng, dốc hết ngân sách vào việc đầu tư kinh tế và dân chúng chỉ thấy nói là có một tàu ngầm nguyên tử muốn ghé một hải cảng xa xôi của Nhật, là cũng đủ nổi giận xuống đường rồi. Trung Cộng mà vào được Liên hiệp Quốc, Đài Loan không đứng vững nổi nữa, thì chắc chắn là người Nhật sẽ phải nghĩ khác.

Cho nên chạy đua với Trung Cộng trong việc gây uy thế với các nước Á Phi là một điều thật cần thiết đối với Nhật Bản.

Hồ khẩu hiệu hay bốn phân.

Gần đây, Trung Cộng với hai trái bom nguyên tử đã làm lóa mắt nhiều dân tộc nhược tiểu. Nhật Bản lẽ tất nhiên không thể nghĩ tranh tài với Trung Cộng về phương diện đó nhưng cũng luôn đề cho các nước Á-Phi hiểu rằng Nhật Bản tôi đây mà muốn làm bom thì các ông thừa biết đâu có phải là một điều khó. Không làm bom là vì một nguyên tắc, không phải là do vấn đề kỹ thuật. Nhưng các ông đón

coi chúng tôi sẽ đứng hàng ba thế giới về vấn đề chinh phục không gian và các vệ tinh có vẽ hình mặt trời trong những ngày tới sẽ thám hiểm vũ trụ của thái dương hệ. Hơn nữa ngay từ bây giờ chúng tôi đã thành công rõ rệt về phát triển kinh tế bằng đường lối dân chủ nghĩa là qua sự tự do kinh doanh.

Chúng tôi không có một chủ nghĩa chính trị nào đề xuất cả. Nhưng các ông hãy tin chúng tôi. Các khẩu hiệu rỗng tuếch không giải quyết được gì đâu. Vấn đề then chốt của khối Á Phi là vấn đề kinh tế. Đừng có tranh luận dông dài về ý thức hệ nữa. Bắt tay vào mà bốn phân ruộng, xây đập nước, lập xưởng kỹ nghệ, đào tạo chuyên viên đi. Và trong những công cuộc đó chúng tôi có thể giúp các ông được.

Dũ bỏ mặc cảm

Đó là nội dung đường lối ngoại giao của Nhật Bản đối với các nước Á Phi. Sự thực thì Nhật Bản cũng chỉ mới bắt đầu trở lại chính trường quốc tế. Sau thế chiến thứ hai, phần thì mất tự tin vì thất bại, phần thì tủi nhục vì bị chiếm đóng, Nhật Bản ngại ngùng không muốn gặp lại những nước trong Đại Đông Á, một khu vực 8 triệu cây số vuông và 450 triệu dân mà Nhật Bản đã từng nuốt trứng trong thời gian kỷ lục không đầy 4 tháng. Đại sứ Hoa Kỳ tại Đông Kinh, ông Reischauer đã vì Nhật Bản thời hậu chiến như đũa

học trò người cao lớn mà phải học lớp nhỏ nên đã chọn ngồi một góc tận cuối lớp để không ai để ý tới mình.

Nhưng dần dần với phần thịnh kinh tế, Nhật Bản tìm được trở lại sự tự tin, cậu học trò to sác ngồi mãi xó tối tăm đã thấy ngửa ngáy. Thời gian «sám hối» đã kéo dài 20 năm, Nhật bản cho rằng đã tới lúc có thể rũ bỏ mọi mặc cảm, phục hồi niềm kiêu hãnh quốc gia và tái thiết cá tính dân tộc. Điều đó giảng nghĩa được sức quyến rũ của những tổ chức tôn giáo như Soka Gakkai, chính trị như Komeito mà chủ trương là đi tìm lợi lộc ở trong sự cầu nguyện và mang thanh khiết vào chính trị theo tinh thần của đạo Thiên. Điều đó cũng giảng nghĩa được tại sao tại Nhật bản đang có cả một phong trào phục hồi danh dự cho tướng Đồng Điều và một số quân phiệt đã bị xử như là tội phạm chiến tranh nhưng nay lại được một phần dư luận coi là những con đẻ kiêu hùng của dân tộc mà phải gánh chịu tất cả bất công và sỉ nhục của việc bại trận.

Phân biệt chính trị với kinh tế

Trong công cuộc gây lại thanh thế của mình trên chính trường quốc tế, Nhật-Bản không gặp một khó khăn nào về phía Tây Phương. Trong các cuộc tiếp xúc ngoại giao, giữa các hội nghị hay các tổ chức quốc tế, về đủ các phương diện chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ nghệ, kinh tế, Nhật Bản đều góp tiếng nói chững chạc của mình và đã trở

thành một hội viên chính thức của «Câu Lạc Bộ các nước tiên tiến». Nhưng trở về khối Á Phi, khối cửa nơi chôn nhau cắt rốn, thì Nhật Bản lại vấp phải các trở ngại đã nói trên đây và thứ nhất là Nhật Bản lại gặp Trung Cộng cũng tranh giành ảnh hưởng. Cuộc tranh đua giữa Trung Cộng và Nhật Bản tuy khác tính chất với sự xung đột giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa hay sự xích mích giữa Bắc Kinh và Tân Đê Li, nhưng cũng thật là ráo riết dưới một bề ngoài kín đáo hơn.

Hội nghị Á Phi thất bại là Nhật Bản tránh được những phút khó ăn khó nói khi bị ám chỉ là toa rập với đế quốc, cầu kết với Hoa Kỳ hay là phát triển theo một kiểu mẫu xa lìa với cá tính dân tộc. Nhật Bản lại ghi thêm được một điểm nữa khi Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thêm một lần từ chối sự gia nhập của Trung Cộng và trong tổ chức quốc tế này, Nhật Bản vẫn giữ vẹn được vai trò tiên thủ của khối Á Phi.

Có một điều đáng chú ý là trong khi vận động để chặn đường Trung Cộng vào Liên Hiệp Quốc, Nhật Bản không bao giờ nói trắng ra là mình phản đối sự có mặt của «Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa», Nhật Bản chỉ nói một cách nhỏ nhẹ là mình phản đối sự gạt bỏ «Trung Hoa Dân Quốc» ra ngoài. Mà không muốn Đài Loan ra tức là phải hiểu là không muốn Bắc Kinh vào.

Tại sao mà Nhật Bản vẫn nung nhe như vậy, khi quyền lợi rõ rệt của Nhật-

Bản chỉ có thể duy trì nếu vắng mặt Trung Cộng. Lý do là Nhật Bản vẫn muốn giao thương với Trung Cộng và như Thủ tướng Sato hay ngoại trưởng Shiina đã nhiều lần tuyên bố, Nhật Bản « phân biệt chính trị với kinh tế ». Theo chính sách này thì hai nước có thể có những đường lối chính trị trái ngược nhau mà vẫn trao đổi buôn bán với nhau được. Cách đây 5 năm, khối lượng hàng hóa trao đổi giữa Trung Cộng và Nhật Bản trị giá dưới 25 triệu Mỹ Kim, năm 1964 đã vượt 300 triệu Mỹ Kim và Nhật Bản hy vọng rằng trong năm 1965 sẽ tiến tới 400 triệu Mỹ Kim.

Đâu là những vấn đề chung

Trong những ngày sắp tới, chắc chắn Nhật Bản sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để hoạt động ngoại giao một cách có hiệu quả giữa các nước Á Phi. Vì 10 năm sau Bandoung, Hội nghị Alger đã chứng tỏ một điều : sự đoàn kết chính trị của khối Á Phi đã trở thành một huyền thoại. Không làm gì còn có sự nhất trí chống kẻ thù chung là Đế quốc Tây phương nữa. Vì chính kẻ thù chung này ngày nay đã mất hẳn, hay đã thích ứng kịp, hay đã biến thể, hay đã không nhất thiết phải là Tây Phương. Đối

tượng tranh đấu không còn là một nữa nên mặt trận chính trị tự nhiên đâm ra lỏng lẻo rã rời. Nếu giữa các nước Á Phi còn có một điểm giống nhau nào đó chỉ là tình trạng kém mở mang và ý chí chung muốn thoát ra khỏi tình trạng đó.

Trong tương lai, Hội nghị Á Phi mà còn nhóm họp sẽ không có thể nào giữ mãi thẻ tài Bandoung hay Alger. Nó sẽ phải lột màu chính trị và đậm nét kinh tế nếu nó còn muốn là diễn đàn cho các vấn đề chung của khối nhược tiểu.

Mà nói đến kinh tế tức là nói đến thế ưu thắng của Nhật Bản so với Trung Cộng và vai trò lãnh đạo của Nhật Bản trong những mối tương quan giữa khối Á Phi ngày mai.

Cho nên mặc cho các phái đoàn phó hội tuyên bố huyênh hoang, chúng ta thấy rõ là tại Alger các nước Á Phi đã thực sự thất bại. Chỉ có một nước có thể vui mừng là đã thắng lợi : Đó là Nhật Bản. Nhưng nước đó lại nín thinh không nói gì hết. Vì Nhật Bản đã làm theo đúng câu của thi hào Shakespeare :

« Im lặng là cách diện tả hùng hồn nhất của sự sung sướng ».

VŨ BẢO

BÁO MỚI

Chúng tôi được tin :

Tuần-San TÂN-THIẾU-NIÊN do Tam-Khôi, Thái Bạch, Phương Hữu chủ trương biên tập, ra mắt độc giả vào sáng chúa nhật 21 tháng 11 năm 1965 (29 tháng 10 Âm lịch) này. Trụ sở đặt tại 9/15 đường Thánh Mẫu (Chí Hòa).

Xin chúc bạn đồng nghiệp mạnh tiến trên đường ngôn luận và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả BÁCH-KHOA.

V
i
ệ
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHƯ THẾ-GIỚI
của
ĐƯỜNG BAY

Hoasen VIỆT-NAM 

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÈM-ÁI · MÁT-MỀ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lich hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116, NGUYỄN-HUỆ SAIGON. 21.624-625 ĐÀI

HÀNH TRÌNH ĐI VÀO DÂN TỘC HỌC (2)

LÊ VĂN HẢO

đối tượng và mục đích DÂN TỘC HỌC

- 1.— Con người, hiện tượng người : đối tượng chung của ngành nhân học.
- 2.— Những đối tượng riêng của dân tộc học : một số khía cạnh văn hóa vật chất và tinh thần.
- 3.— Mục đích gần và mục đích xa của dân tộc học : một khoa học có ích ? Một khoa học cần thiết ?
- 4.— Giữa lý thuyết và thực dụng : dân tộc học, một khoa học « nhập cuộc » ?

I.— Đối tượng chung của ngành nhân học : con người

Con người, hiện tượng người phát sinh và tiến hóa trong khung cảnh thời không gian là đối tượng chung cho cả ngành nhân học. Trong bản kê sau đây, mỗi bộ môn nhân học nhằm nghiên cứu một khía cạnh sinh hoạt, một chiều hướng diễn biến của con người :

- Sử học
- Địa lý học
- Chính trị học
- Luật học
- Kinh tế học
- Tâm lý học
- Xã hội học
- Dân số học
- DÂN TỘC HỌC

và — nhân loại học (1)

1/ *Sử học* dựa trên những tài liệu bút ký để vẽ lại quá trình tiến hóa của con người ; loại tài liệu này bổ túc những tài liệu sống động của dân tộc học ;

2/ *Địa lý học* dựa trên quan sát trực tiếp để mô tả mặt đất là môi trường sinh hoạt của con người, môi trường ghi dấu những tác động của hiện tượng thiên nhiên và những phản ứng và tác dụng của đời sống sinh vật ;

3/ *Chính trị học* là khoa học về sự điều khiển những tập đoàn người đã kết hợp thành một nước, một liên bang ; *pháp luật học* là toàn bộ những luật lệ, phép tắc qui định đời sống xã hội. Những biến cố chính trị, những định chế pháp lý có thể ảnh hưởng lớn lao trên nếp sinh hoạt cổ truyền ;

4/ Khoa học về sản xuất, phân phối và tiêu thụ của cải gọi là *kinh tế học* ; những định chế, hành vi, lễ lối sống của con người, liên quan đến lao động (lao động chân tay và lao động trí óc) và đến sản xuất (sản xuất của cải và dịch vụ) để thỏa mãn nhu cầu đến mức tối đa với những cố gắng khó nhọc tối thiểu trong quá trình khai thác thiên nhiên, đó là đối tượng của kinh tế học, là khía cạnh kinh tế của sinh hoạt loài người ;

5/ Khoa học về các sự kiện tâm linh (trí tuệ, tâm thức, tình cảm...) gọi là *tâm lý học*, với mục đích tìm hiểu nội

tâm con người cá nhân ; một khuynh hướng khần yếu của con người cá nhân là gia nhập đời sống đoàn thể : những hiện tượng xã hội, nghĩa là những định chế sống động đang hình thành, tác dụng, diễn biến và đang chi phối đời sống tập thể, đó là đối tượng của *xã hội học*. Học hỏi về những khía cạnh định lượng của các đoàn thể người là phạm vi của *dân số học*. Số dân, cơ cấu của đoàn thể tính theo tuổi, theo giống, số người sinh, số người mất, số người kết hôn, (sinh số, tử số, hôn số) ; những yếu tố sinh lý, kinh tế và xã hội khả dĩ giảng giải sự biến đổi định lượng của số dân, đều là đối tượng của dân số học.

6/ Còn lại hai bộ môn chính cuối cùng của ngành nhân học ; *nhân loại học* là một khoa học tổng hợp nhằm phán đoán về bản chất con người, về đời sống xã hội và cuộc tiến hóa loài người, dựa trên những kiến thức và lý giải căn bản của *dân tộc học*, một khoa học phân tích cùng cru mang một tham vọng như sử học, là vẽ lại quá trình tiến hóa của con người, nhưng khác với sử học — chủ yếu dựa trên những tài liệu sống động rút ra từ nếp sống và nếp nghĩ của các dân tộc không lấy *chữ viết* làm phương tiện chính để chuyển vận văn hóa. Bản chất đặc biệt của tài liệu cũng như của phương pháp thu thập tài liệu (2) làm

(1) Xem bản kê danh từ dân tộc học và phần đối chiếu Việt Pháp ở cuối bài này.

(2) Vấn đề phương pháp dân tộc học sẽ được đề cập trong một chương khác.

cho dân tộc học khác với các bộ môn vừa kể trên về mặt đối tượng và mục đích.

II.—Những đối tượng riêng của dân tộc học

Có thể kể ra các thành phần chính của bộ môn dân-tộc-học trong bản kê sau đây :

- Tiền sử học
- Chủng tộc học
- Kỹ thuật học
- Phong tục học
- Tín ngưỡng học
- Văn-học dân-gian
- Dân-tộc ngữ-học
- Dân-tộc nhạc-học
- Dân-tộc mỹ-học
- Dân-tộc động-vật-học
- Dân-tộc thực-vật-học (1)

Mỗi một thành phần nhằm nghiên-cứu một số đối tượng chuyên biệt của dân tộc học.

Vẽ lại quá trình tiến hóa của các xã hội người thời khuyết sử, nghĩa là trước khi chữ viết được phát minh, đó là tham vọng và công trình của nhà *tiền sử học*.

Học về các *chủng tộc* người trước hết là học về nguồn gốc loài người, từ những hình thức sinh vật càng ngày càng giống người trong quá trình diễn tiến của thời đại địa chất đệ-tứ-kỷ cho đến những chủng tộc thời khuyết-sử rồi thời lịch-sử ; sau vấn-đề nguồn gốc loài người là vấn đề hình thành và phân-phối

các chủng tộc trên mặt đất, vấn-đề phân loại và mô-tả các chủng-tộc dựa trên những tiêu-chuẩn giải-phẫu học, sinh - lý học, bệnh - lý học và di-truyền học.

Kỹ thuật học là khoa học về các dụng cụ, cách thức chế tạo dụng cụ và phương pháp khai - thác thiên-nhiên trong những công tác công-nghệ và kỹ-nghệ. Những kỹ-thuật chính được sử-dụng là: *kỹ-thuật của thân-thể* (cách đi, chạy, nhảy, trèo, đứng, ngồi, nghỉ, ăn-ái) ; *kỹ-thuật chế tạo* (dụng cụ, vũ khí); *kỹ-thuật thu-thập* (chăn nuôi, làm rẫy, cày cấy...); *kỹ-thuật tiêu thụ* (ăn uống, quần áo, nhà cửa).

Phong tục học là khoa học về các hình thức tổ chức xã hội trong các đoàn thể người cổ sơ và cổ truyền : cơ cấu của gia đình, bộ lạc, thị tộc, thôn xã ; ý-nghĩa của hội-hè, của trò chơi,...

Tín ngưỡng học là khoa học về các hiện tượng khởi nguồn cho tôn giáo : tín ngưỡng và nghi lễ bao hàm trong thần thoại, đạo thờ hồn, đạo thờ thiên nhiên, đạo thờ vật tổ, đạo thờ tổ tiên, đạo đồng bóng,... quan niệm về linh-thiên, cấm kỵ ; tính cách tượng trưng, huyền bí của thời gian không gian,...

Văn học dân gian chỉ toàn bộ các sáng tác văn chương truyền miệng như truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, khôi hài, ngụ ngôn, như tục ngữ, ca dao, như phần văn chương của nghệ thuật sân khấu...

(1) Xem thêm bản kê danh từ dân tộc học và phần đối chiếu Việt. Pháp ở cuối bài.

Tiếng nói của mỗi một dân tộc, những thờ ngữ, những thuật ngữ dùng để chỉ định các chi tiết của sự vật thông thường, đó là đối tượng của nhà dân tộc ngữ học.

Dân tộc nhạc học là bộ môn nghiên cứu đặc biệt về : âm nhạc của xã hội cổ sơ, âm nhạc dân gian của các xã hội tân tiến và âm nhạc bác học của các nền văn minh thuộc mấy châu Á, Phi, Mỹ ; các loại thanh nhạc và khí nhạc, cơ cấu và cách sử dụng các nhạc khí, những điều kiện hình thành và lưu truyền của các nền dân tộc nhạc ấy, những phương pháp kỹ thuật và những sự kiện phong tục liên hệ.

Dân tộc mỹ học là khoa học về những sáng tác mỹ thuật trong các xã hội cổ sơ và cổ truyền : những sáng tác phẩm của nền công nghệ địa phương, những điệu múa, những tranh vẽ bình dân, (tranh dân gian), những pho tượng có tính cách tôn giáo...

Sau hết dân tộc động vật học và dân tộc thực vật học là hai khoa học nhằm ghi chép và giải thích tất cả những thuật ngữ dùng để chỉ định loài vật và cây cối của một địa phương, cùng những tục ngữ, ca dao, thần thoại, truyền thuyết, tin ngưỡng và những kỹ thuật liên hệ.

Tất cả các khía cạnh sinh hoạt nói trên đều phức tạp và tương quan ảnh hưởng, vì thế các thành phần của bộ môn dân tộc học phải kêu gọi sự bổ túc hỗ

tương của nhiều khoa học khác. Sau đây là bản kê các khoa học bổ túc ấy :

— Khảo cổ học, địa chất học, địa lý nhân văn, cổ động vật học, cổ thực vật học, nhân loại cổ sinh vật học, nhân loại sinh vật học bổ túc cho tiền sử học và chủng tộc học ;

— Thần thoại học, tôn giáo sử, phân tâm học bổ túc cho phong tục học và tín ngưỡng học ;

— Văn học, nhạc học, mỹ học, ngữ học bổ túc cho dân tộc nhạc học, dân tộc mỹ học, dân tộc ngữ học.

Ngần ấy bộ môn khoa học thuộc các ngành khác nhau học về sự sống, về trái đất và con người đã phải hợp sức, đóng góp phương pháp và thành quả nghiên cứu để vươn tới sự quán triệt dài hạn các đối tượng chung riêng của ngành nhân học và của bộ môn dân tộc học.

III.— Mục đích gần và mục đích xa của dân-tộc học

Vấn đề mục đích của dân tộc học đã từng được thảo luận dài dòng và đưa đến khá nhiều giải đoán khác nhau trong học giới Âu-Châu.

Bởi vì nhà dân tộc học đã khánh thành bộ môn này bằng cách dành riêng cảm tình và nỗ lực nghiên cứu của mình cho những nền văn hóa cổ sơ và cho các hình thức cổ truyền, các hình thức dân gian của những nền văn hóa lớn hiện kim nên người ta đã tưởng rằng

dân tộc học là khoa học về những khía cạnh lạ lùng, ly kỳ trong nếp sống của các dân tộc khác, khía cạnh khá thích thú hào hứng, do *phong vị ngoại lai* đem đến; người ta không ngờ rằng đó chính là khoa học hướng về những bề thế cao rộng nhất của con người (1).

a) Mục đích gần nhất của dân tộc học thỏa mãn tánh hiếu kỳ nhưng đây có thể không phải là óc tò mò nông nổi, phù phiếm, vô thưởng, vô phạt nhưng là niềm hy vọng so sánh những nếp sống khác nhau để hiểu thêm nếp sống của chính mình và hiểu thêm về con người nói chung. Nếu dân tộc học là một khoa học hiếu kỳ thì cũng nên ghi nhận thêm rằng sự hiếu kỳ, kinh ngạc là nguồn gốc của mọi cố gắng tìm tòi nghiên cứu, là động cơ thúc đẩy mọi công tác khoa học.

b) Công tác dân tộc học nhằm tìm hiểu những khía cạnh đời người khác nhau trong không gian thời gian để đi đến một nhận thức về khả năng và giới hạn con người trong nỗ lực xây dựng những xã hội người quân bình và đích thực; nói cách khác, dân tộc học đưa đến sự hiểu biết về những định luật chi phối nếp sống của những đoàn thể người ý thức được tính cách thuần nhất của *bản vị dân tộc*, tính cách quân bình của mỗi *đơn vị xã hội* từ thời đại khuyết sử đến giai đoạn lịch sử ngày nay (2). Đóng góp vào công cuộc vẽ lại quá trình tiến hóa của con người và phê phán những giải pháp do vấn đề sinh hoạt tập thể nêu ra, dân-tộc học là một khoa học có ích.

c) Đi xa hơn nữa, sự hiểu biết này còn có thể đưa đến sự kính trọng phẩm giá con người và đề cao vinh dự làm người khi ta hiểu rằng con người cùng có một *bản chất* nhân đạo chung mà các *sắc thái* văn hóa riêng chỉ nói lên sự phong phú đa hình trạng của một loài sinh vật đang ở trong đà bành trướng và sáng tạo trên những môi trường đất đai khác nhau. Nếu ta xem sự cố gắng xây dựng lại *thế quân bình* trong mỗi hình thức xã hội người bất đồng chủng tộc như là một cứu cánh, một nẻo ra, một chung quả của tiến bộ thì dân tộc học trở thành một khoa học cần thiết, một khoa học có tính cách *nhân bản* khả dĩ hướng dẫn con người trở về những gì là quân bình và đích thực bằng bạc trong tình người, tình nhân đạo.

Có thể nói được rằng dân tộc học là một trong những bộ môn của ngành nhân học có khả năng cho ta thấy rõ nhất *chiều hướng đi lên* của văn hóa vật chất và tinh thần như là khuynh hướng căn bản của tiến hóa tập thể và của tinh thiện hóa cá nhân

IV.— Dân-tộc-học một khoa-học ‘nhập cuộc’?

Kiểm điểm lại thành quả của hơn hai thế kỷ dân tộc học ta thấy tác giả của các nền văn minh tiền sử, cổ sơ và cổ

(1) A. Leroi-Gourhan, *L'ethnologie*, trong *Revue de l'Enseignement Supérieur* n° 3/1965 trang 8. Paris.

(2) Như trên và Cl. Lévi-Strauss, *Anthropologie Structurale*, sách đã dẫn, trang 400-403.

truyền đã đem lại rất nhiều cho chúng ta về mặt lý thuyết và kiến thức khoa học : những mục tiêu đầu tiên của cuộc tiến hóa kỹ thuật ; những biểu lộ đầu tiên của tư duy và tín ngưỡng ; tiếng nói, truyền thống văn hóa, quan niệm và thái độ trước cuộc đời, trước vũ trụ... nhưng có thể hỏi ngược lại : nhà dân tộc học và con người của văn minh kỹ thuật đã đem lại được những gì cho các xã hội người cò sơ và cò truyền về mặt thực dụng ?

Đã tiến hóa vật chất của thời đại đã đặt những đoàn thể người ấy (bộ lạc, dân-tộc thiểu-số, xã-hội nông-thôn, trước những vấn-đề đáng lo-sợ, có thể nói được những vấn-đề sống chết : cò-lập, nghèo khó, bất an, mất vận.

Phải hy vọng và đồng thời phải đòi hỏi rằng, qua cuộc miêu thuật sống động và giải thích khách quan về những hiện-tượng xã-hội văn-hóa hiện-hữu bên lề đời sống của văn minh kỹ thuật tân-tiến, nhà dân tộc học nói lên được tiếng nói của những con người muốn nói mà không nói được ; nhà dân-tộc-học phải làm cho tâm sự và nhu cầu của con người cò sơ hay con người cò truyền trở thành một vấn đề hiện diện thường xuyên trong tâm thức những con người thiện chí và trách nhiệm. Ngay trên đất Việt chúng ta đó là vấn đề sống còn của dân tộc thiểu-số và của tầng lớp nông dân.

Ước mơ thầm kín nhất của nhà dân tộc-học khi quan-sát và gọi lại những

khía cạnh sinh hoạt tập thể bằng những phạm-trù và ngôn-từ khoa học cũng là ước mơ của nhà sáng tác văn nghệ, nói lên giới-hạn ; tiềm-năng và khả-năng con người : khả-năng hạnh-phúc và khả-năng khổ-đau gắn liền với nỗi-niềm vinh-nhục của thân phận người, thành công trong cố-gắng hiện thực hóa và bi đát hóa thân phận người, đạt đến những nét khái quát và tượng trưng tiềm ẩn trong trường hợp sinh hoạt cụ thể, tầm thường ; đạt đến một ý nghĩa khách quan về chiều hướng đi lên của sự sống qua nếp sống và nếp nghĩ của con người thuở xa xưa cũng như của con người hôm nay ở những miền hoàn toàn cách biệt nhau trên mặt đất.

Những tác phẩm dân tộc chí, những công trình danh tộc học thành công và nổi tiếng như «*Miền nhiệt đới u buồn*» (1) hay «*Chúng ta đã ăn rừng*» (2) đã khám phá được nhiều hình tượng khó quên nối liền hiện hữu với thân phận, cũng như nhà nghệ sĩ khi sáng tạo nên hình tượng tượng trưng cho nhân vật A. Q. (3) đã đưa kinh nghiệm sống của người nông dân Trung Hoa thời loạn lên hàng một bài học về số kiếp người.

(1) Cl. Levi-Strauss, *Tristes Tropiques* (được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới).

(2) G. Condominas, *Nous avons mangé la forêt*. (bản dịch tiếng Anh, tiếng Ý tiếng Nga, tiếng Ba Lan...)

(3) Lỗ-Tấn, *A. Q. chính truyện*, bản dịch tiếng Việt của Đ.T.M. và Trương Chính.

Tóm một câu, nghiên cứu và sáng tác dân tộc học trong thời buổi này, trong thế giới khắc khoải của chúng ta, vừa là đóng góp vào sự nghiệp của nền nhân học, vừa là tham gia vào cuộc đấu

tranh bằng ngòi bút trong công tác thức tỉnh lương tri con người về thân phận làm người, sau khi khước từ cuộc định cư thường xuyên trong tháp ngà kiến thức thuần túy để thể nhập vào cuộc đời.

DANH TỪ DÂN TỘC HỌC

hiện tượng người :	phénomène humain	tiền sử học :	préhistoire
đối tượng :	objet d'étude	chủng tộc học :	raciologie, anthropologie
nhân học :	sciences humaines		physique
tiến hóa :	évoluer, évolution	kỹ thuật học :	technologie
sử học :	histoire, science historique	phong tục học :	éthologie, science des mœurs
địa lý học :	géographie	tín ngưỡng học :	science des croyances
chính trị học :	science politique	văn học dân gian :	littérature populaire
luật học :	droit, science juridique	dân tộc ngữ học :	ethno-linguistique
kinh tế học :	économie politique, science économique	dân tộc nhạc học :	ethno-musicologie
tâm lý học :	psychologie	dân tộc mỹ học :	ethno-esthétique
xã hội học :	sociologie	dân tộc động vật học :	ethnozoologie
dân số học :	démographique	dân tộc thực vật học :	ethnobotanique
dân tộc học :	ethnologie	thành phần :	partie, composante
nhân loại học :	anthropologie	thời khuyết sử :	époque préhistorique
tài liệu bút ký :	documents écrits	đệ tứ kỷ (thời) :	quaternaire (ère)
tài liệu sống động :	documents vivants	chủng tộc :	race
môi trường :	milieu	dân tộc :	ethnic
hiện tượng :	phénomène	« bản vị dân tộc » :	« personne ethnique »
tác động và phản ứng :	action et réaction	giải phẫu học ;	anatomie
tác dụng :	action, effet, agir	sinh lý học :	physiologie
luật lệ, phép tắc :	règle, règlement	bệnh lý học :	pathologie
qui định :	réglementer	di truyền học ;	génétique
định chế :	institution	kỹ thuật của thân thể :	techniques de corps
của cải và dịch vụ :	biens et services	kỹ thuật chế tạo :	techniques de fabrication
định lượng :	quantité, quantitatif	kỹ thuật thu thập :	techniques d'acquisition
nếp sống :	genre de vie	kỹ thuật tiêu thụ :	techniques de consommation
nếp nghĩ, tư duy :	mentalité		

cổ sơ :	primitif, archaïque	địa lý nhân văn :	géographie humaine
cổ truyền :	traditionnel	cổ động vật học :	paléontologie animale
cơ cấu :	structure	cổ thực vật học :	paléontologie végétale
bộ lạc :	tribu	nhân loại cổ sinh vật học :	paléontologie humaine
thị tộc :	clan	nhân loại sinh vật học :	biologie humaine
tín ngưỡng :	croyance	thần thoại học :	mythologie
nghi lễ :	rite, rituel	tôn giáo sử :	histoire des religions
thần thoại :	mythe	phân tâm học :	psychanalyse
đạo thờ hồn :	animisme	quán triết :	maitriser, pénétrer profondément
đạo thờ thiên nhiên :	naturisme	phong vị ngoại lai :	exotisme
đạo thờ vật tổ :	totémisme	bề thế :	dimension
vật tổ :	totem	quân bình :	équilibre ; équilibré
đạo thờ đồng bóng :	chamanisme, médiumnisme	đích thực :	authentique, authenticité
linh thiêng :	sacré	tính cách thuần nhất :	unité, identité, homogénéité
cấm kỵ :	interdit, tabou	sắc thái :	nuance
thổ ngữ :	dialecte, langue vernaculaire	đa hình trạng :	multiforme, protéiforme
thuật ngữ :	terme technique	tính thiện hóa :	perfectibilité
thanh nhạc :	musique vocale	nhập cuộc :	engagé
khí nhạc :	musique instrumentale	mạt vận :	décadence
nhạc khí :	instrument de musique	phạm trù :	catégorie
khảo cổ học :	archéologie		
địa chất học :	géologie		

MUỐN CÓ NHIỀU SÁCH HAY
GIÁ ĐẶC - BIỆT (GIÁ 1. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính-trị, Triết-học,
Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

THẰNG và CONG

trong kiến-trúc hiện-đại

● ĐOÀN THÊM

Ở Kiến-trúc cũng như ở Hội-họa, các nhà nghiên-cứu đều nhận định hai xu hướng chính: thiên về *Thẳng*, hay ngã về *Cong*.

Vạch thẳng ở góc, mặt, và khối, là đặc-tính của các nghệ-thuật căn cứ vào trí-tuệ phân-minh, như của Thượng-Cồ Hy-Lạp và Cồ-Điền Âu-Châu: cân đối thẳng-bằng, và giản-dị là những điều-kiện ràng buộc như qui-lệ, của sự Đẹp giữa những xã-hội tôn trọng trật-tự.

Đường cong, trái lại, thường hiện ra một phản-ứng của những thời-kỳ chán qui-củ và lý-trí. Khi đó, con người ít ưa nghiêm-khắc và cương-trực, muốn uyển chuyển, tìm vui-sống hơn là lành-mạnh; nghệ-thuật rẽ sang các giai đoạn phá cách và dễ đi tới phóng túng như Baroque thái-quá, hoặc Roccoco cầu-kỳ ở thế-kỷ XVIII.

Trong hiện-đại, và ở lãnh-vực kiến-trúc, mọi sự thay đổi cũng không thoát khỏi thứ định-luật tâm-lý như trên.

Duy có hai đặc-điểm đáng chú ý:

— cả hai trào-lưu Thẳng và Cong đều mạnh, chưa có sự thẳng bại rõ-rệt;

— ngoài ra nếu lăm Thề mới do nghệ-sĩ cố ý tìm tòi, thì ở nhiều trường-hợp, chỉ là kết-quả tự-nhiên của sự áp-dụng toán pháp trong kỹ-thuật để đáp ứng nhu-cầu thiết-thực.

Về phương-diện tạo hình (plastique) quan niệm Ứng-Dụng đã đưa tới những thể không hấp dẫn của chiếc hộp.

Song-nhược-điềm này hầu như đã mất, nhất là sau Thế-Chiến-II, nhờ nhiều cách xử dụng đúng chỗ các đường thẳng, mặt bằng, và khối phẳng.

Về trơ đã biến, nhờ nhiều nét chạy dài song song, của các phiến, các then, các hàng, các tầng; *nhịp điệu* của các dãy cột thời xưa, lại hiện ra nhẹ-nhàng hơn, ở tiền-diện các ngôi nhà lớn, học-hiệu, chúng-cư, khách-sạn, kịch-trường, cao-ốc kích-thiên... (hình số 1)

Nhịp điệu đó dễ lộ ra khi kiến-trúc-sĩ không cần che giấu dưới lớp xi-măng nhẵn-nhụi, bộ cốt hay bộ khung nhà; có khi phơi trần các thanh bằng thép cho thấy vững mạnh hơn: đó là trường hợp nhiều nhà bằng kim-khí lồng kính, của những nghệ-sĩ được liệt vào nhóm «Cơ-Cấu, Structure» Lối tạo-hình như vậy, lấy *đường nét* làm chủ-yếu (architecture de ligne) chịu ảnh-hưởng rõ-rệt của các tạo-tác công-chính, cũng đạt mỹ-thái riêng và mới, tương-tự như của những nhịp cầu treo giống sắt. (hình số 2)

Về đẹp tân-kỳ còn có thể xuất

— từ sự kết-hợp các *bình diện* (jeu de plans) của mọi bộ-phận ngôi nhà: mái, tường, cửa, bao-lan như biệt-thự của Rietveld, hình số 3.

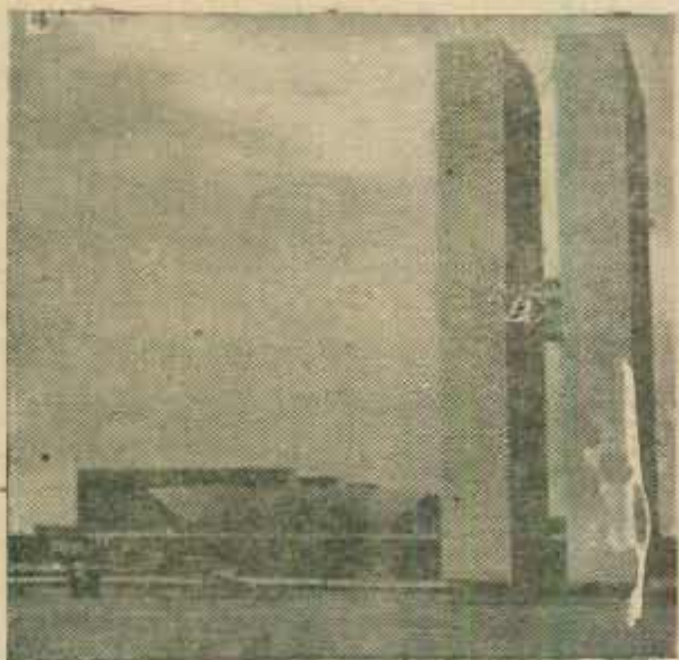
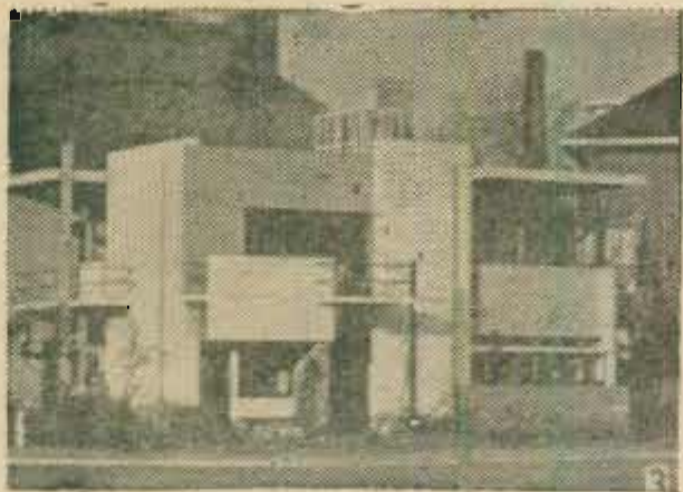
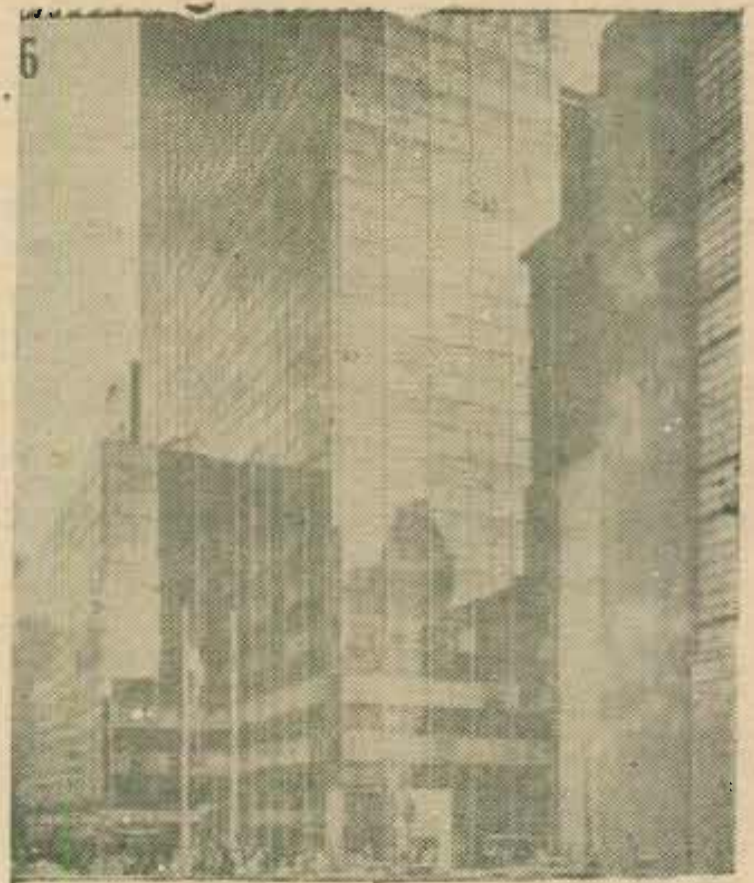
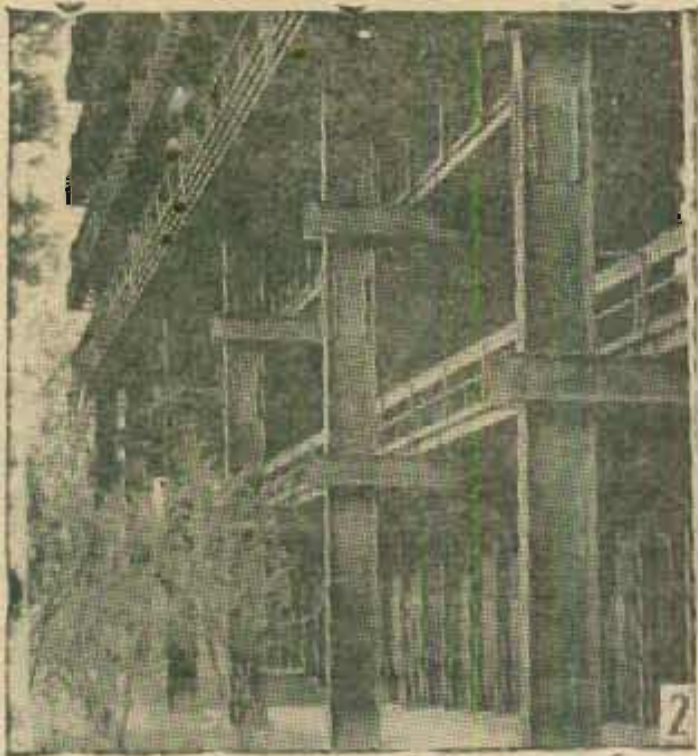
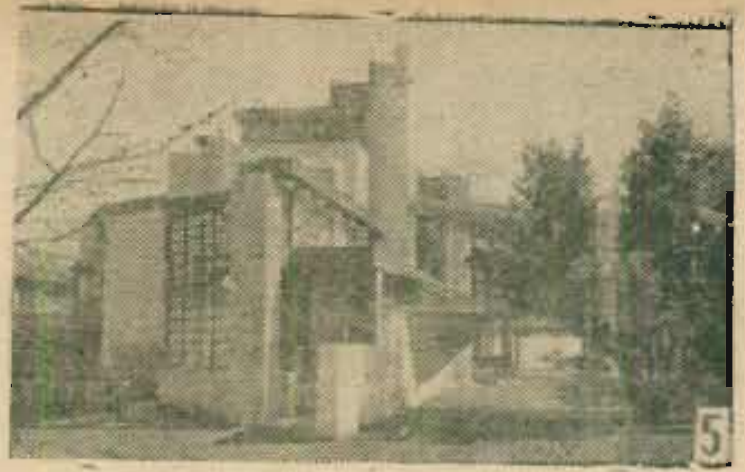
— hoặc từ lối xếp đặt gần nhau các thứ hình *khối* (jeu de volumes) khối vuông, khối dài, khối chéo, khối tròn như của Niemeyer, hình số 4.

Tuy nhiên, sự cố gắng tìm Thể như trên cũng đã dẫn đến những kết-quả không thỏa mãn nhiều người:

Nhà Casa Veritti 1959 của Scarpa bên Ý, hình số 5, cho cảm-tưởng là nghệ-sĩ muốn đùa rỡn với các Khối không đều nhau: tròn, vuông, rồi chéo, phòng tam-giác với những góc nhọn, quá nhiều bậc nhiều lớp nhô ra thật vào: Cổ chống với bình-thần, thì rơi vào cầu-kỳ; mắt khán-giả khó bao quát vì gặp sự chấp nối lủng-củng.

Dụng-ý bố trí và cấu kết chỉ đưa tác-giả xa cái đẹp thuần-nhã của Rietveld, lại không cho đạt bề-thể hùng-vĩ và hòa-hợp của Niemeyer dù kết mặt bằng hay kết các khối, hề thiếu giản-dị là chẳng thành công.

Một số kiến-trúc-sĩ tiền-phong đã theo vạch thẳng mà lên tới Đẹp thép-kính táo-bạo của thời-đại: cao hàng trăm thước, to nhưng vẫn nhẹ, ban ngày sáng bóng như gương, ban đêm hàng ngàn ánh đèn lấp lánh như ở nơi dạ-hội (hình số 6) so với các ngôi trọc giờ nặng-nề kiểu cũ, thì quả đã tiến nhiều. Khốn thay, đa-số nghệ-sĩ hạng ba hạng năm đã ò theo lối mới, đến nổi ở bất-cứ xứ nào, cũng có thể thấy mọc lên những thứ hộp chữ Nhật; nếu không còn là hộp vuông, những lồng kính giống nhau như đúc, khó lòng tìm được đặc-sắc của tác-phẩm và biệt-tài của tác-giả. Một ngôi trụ-sở thép-kính 39 tầng của Liên-Hiệp-Quốc khi mở



Số 1. Nhịp điệu — nhà Miami Herald (Hoa-Kỳ) — Số 2. Cơ-cấu Structure thép của Saarinen — Số 3. Bình diện kết hợp của Rietveld — Số 4. Các khối kết hợp của Niemeyer. Trụ-sở Quốc-Hội và Chánh-Phủ tại Brasilia. — Số 5. Ghép các khối của Carlo Scarpa — Số 6. Nhà thép-kính ở Đại-Lộ số 5 Nữ-Uớc — Số 7. Tò-vò của Yamasaki — Nhà hăng IBM ở Seattle.

xây lên, có giá-trị tiêu-biểu cho nghệ-thuật thế-kỷ XX ; nhưng từng dãy phố như vậy ở khắp thế-giới, thì chỉ cho liên tưởng đến một bệnh dịch, một thứ khuôn-sáo không hồn (Académisme).

oOo

Ngang-bằng-sờ-ngay thì dễ bắt chước, dễ phổ biến, nên dễ bị chán. Bởi vậy, từ vài năm nay, đường cong khối tròn lại trở về uốn éo với những chất liệu cứng rắn nhất là sắt và bê-tông, ở một vài bộ-phận hoặc trên toàn-thể ngôi nhà.

— Những mái cong và những nóc tròn úp hay ngửa, đã thấy ở công-trình của những người vốn chuyên về nét thẳng : ở nhà thờ Ronchamp của Le Corbusier, ở các lâu-đài của Niemeyer tại Brasilia. Mới đây, Yamasaki, một kiến-trúc-sĩ Nhật đương nổi tiếng ở Hoa-Kỳ, lại đưa ra những hình tò-vò trên đầu hàng cột, cột chống mái hiên, hoặc cột đội mấy chục tầng lầu : các hình số 7 và 8. Hơn nữa nhiều nhà đồ-sộ được xây :

— theo vòng cung, như trường Trung-Học ở Reims, hình số 9,

— theo vòng quanh toàn vẹn, như Đài-Phát-thanh ở Paris, trụ-sở Truyền-hình của hãng BBC ở Luân-Đôn, hình số 10.

— lượn ra lượn vào không khác nào cuộn băng vải, như khu cư-xá les Courtilières ở Pantin, hình số 11.

— xoay tròn như các trồng đĩa xếp đều, thành 65 tầng lầu : 2 tháp cao của chúng-cư Marina City của Goldberg ở Chicago, hình số 12.

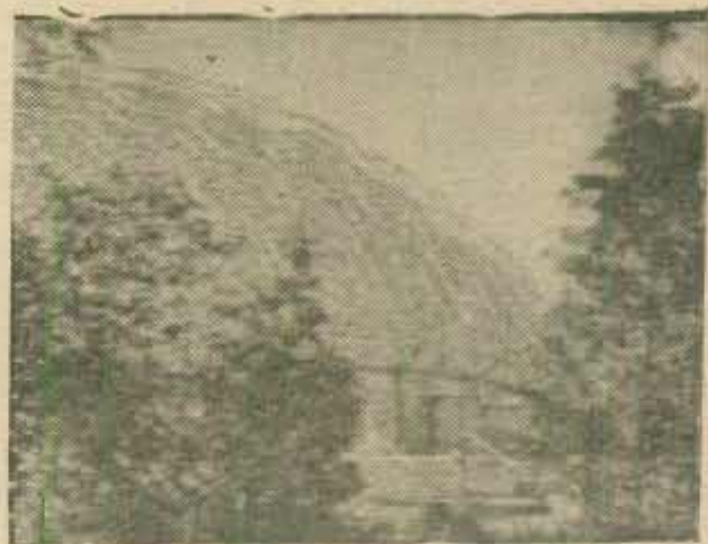
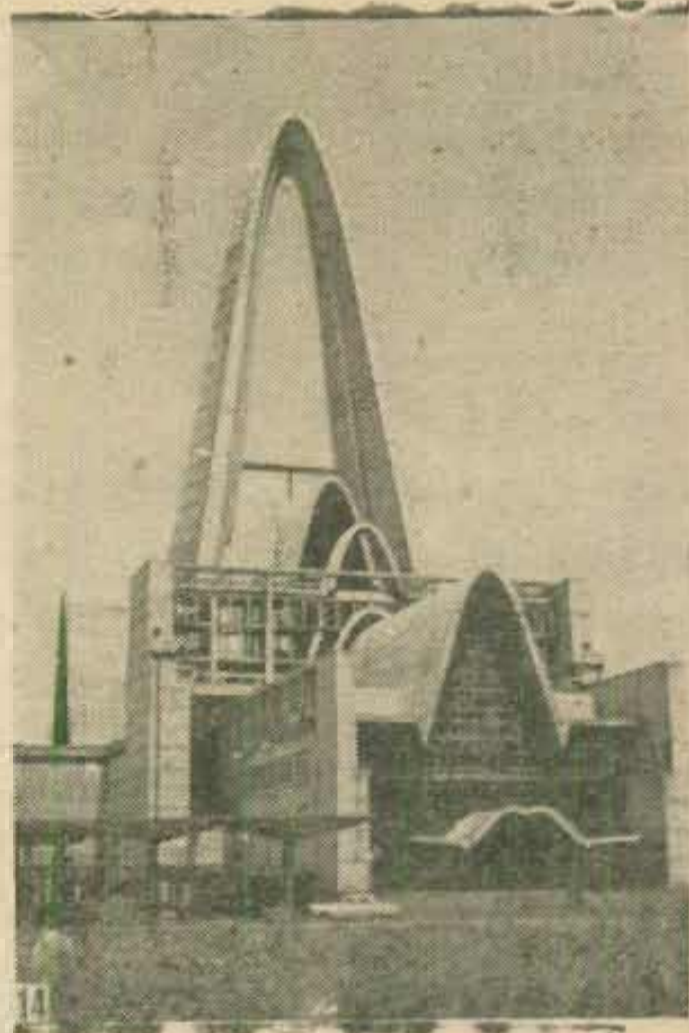
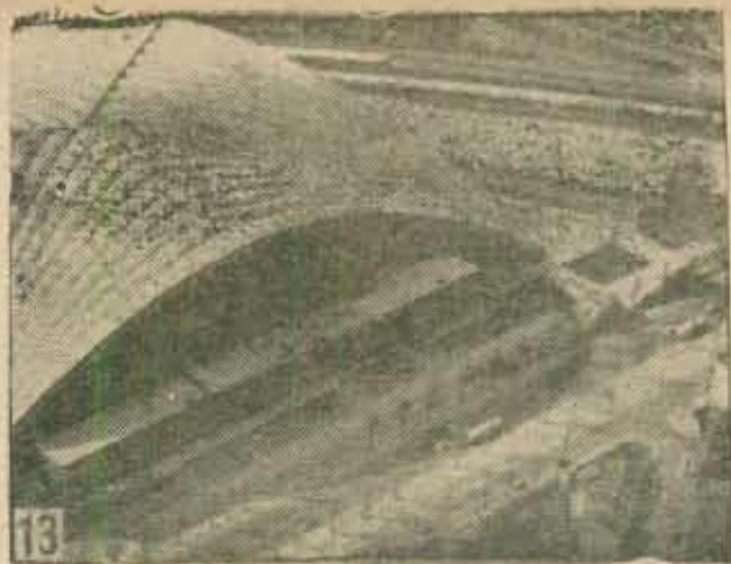
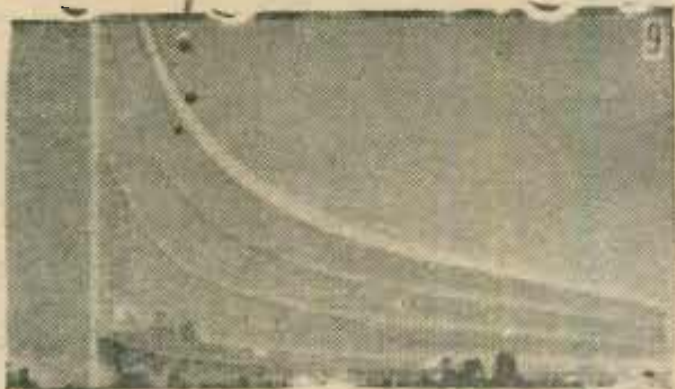
oOo

Nếu đường cong ở chi-tiết, thì nghệ-sĩ đề lộ dụng-ý tìm Đẹp tạo hình, hơn là nhằm tiện-ích : Ở hình số 7, mái nhà Ngân-hàng rất có thể bằng phẳng, sao phải uốn như mái ngôi đền cổ ở VN? Tò vò ở chúng-cư của Yamasaki cho cảm-tưởng nhẹ-nhàng, song nếu thay bằng vạch thẳng cũng không sao. Bởi vậy, có nhà phê-bình hơi nghiệt đã trách ông mắc thói làm duyên (maniérisme).

Nhưng khi những đòi hỏi thiết-thực không gặt gao, khi còn phải thỏa mãn tinh-thần, thiết nghĩ kiến-trúc-sĩ được rộng quyền cho trí tưởng-tượng bay múa : gác chuông và mái nhà thờ có thể vung lên ánh sáng (hình số 13). Nên từ 1950, những Thề kiến-trúc mới lạ nhất, lại thường thấy ở nhiều ngôi thánh-đường.

Dù sao, hình cong được chấp nhận dễ dàng, khi có công-dụng rõ rệt : Goldberg xây tháp tròn, vì đặt được ở giữa một thang máy chung cho tất cả các tầng, lại gần-gũi mọi gia-đình cư-trú, không ai phải đi xa hơn người láng giềng ; vả chăng như thế đỡ tốn hơn là làm nhiều thang, một sự khó tránh nếu nhà vuông và dài sau hết, xe hơi có thể theo đường tròn mà chạy tới nhiều tầng.

Ở nhiều trường-hợp khác, kỹ-thuật bắt buộc uốn cong : mái phẳng nào che



Số 8. Ngân-Hàng ở Mount Clemens, của Meathe.— Số 9. Trường trung học ở Reims — Số 10. Nhà truyền-hình của Hãng BBC Luân-Đôn — Số 11. Khu cư-xá Les Courtilières ở Pantin-Pháp — Số 12. Nhà tháp chung-cư Marina City của Goldberg ở Chicago. — Số 13. Mái Vòm Coquille ở Pháp Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Nghệ và Kỹ-Thuật.— Số 14. Nhà Thờ ở Saint-Domingue — Số 15. Dôme géodésique ở vườn Bách-Thảo Missouri (Hoa-Kỳ)

nổi một mạch 22.000 thước vuông của Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Thuật và Kỹ-Nghệ CNIT ở Pháp ? Bởi vậy, phải nhờ ba mảng bê-tông ghép lại, mỗi mảng hình tam-giác 216 thước mỗi cạnh, uốn vòng cung 238 thước (Centre national des Industries et Techniques, hình số 14).

Các mái cong hiện nay có nhiều loại, và đều do các kỹ-sư tìm ra công-thức xây dựng cho kiến-trúc-sĩ áp dụng mà biến thể :

Ngoài thứ « Vỏ Sò *Coquille* » như ở Trung-Tâm kể trên, còn thứ « Màng lưới *Voile* » dệt bằng những then bê-tông mỏng, xòe ra và cúp xuống như nóc Vận-động-trường La-Mã của Nervi; hoặc là giống thép uốn khung thành một bán cầu; như *dôme géodésique* ở Mỹ, của Fuller và Kelly (hình số 15).

oOo

Nhờ tiến-bộ của khoa-học và kỹ-thuật, kiến-trúc-sĩ bây giờ dư phương-tiện thay đổi hình thể, nên càng có khuynh-hướng tìm những vẻ đẹp mà đường lối Ứng-dụng chưa cho phép khám phá.

Song những mỹ-thái mới còn ít, sự quá mức còn khá nhiều trong thời-kỳ chuyên-hướng, nên những nghệ-sĩ cấp-tiến đã không thoát khỏi sự công-kích của nhóm người sở-trường về góc thẳng và mặt bằng.

Nhóm này lo ngại rằng nguyên-tắc duy-lý của kiến-trúc ứng-dụng sẽ bị gạt bỏ, và căn-bản thiết-thực của các công-trình tạo-tác sẽ phải nhường chỗ cho tính-cách phù-phiếm. Như phi-cảng Idlewild ở Nữ-Uớc, theo kiểu của Saarinen, lạm dụng nhiều « Vỏ Sò » nên che mất cả những ưu-điểm ở bên trong. Đáng trách hơn nữa, là những Thề tạo ra « đề chơi », như một số nhà nghỉ mát : có ngòai tròn và vuông như chiếc Phi cơ trực thăng, có ngòai giống một trái hột gà bóp méo... Và dù chẳng ngòai đến thế, cũng dễ rơi vào thói tô điểm khi quên ứng dụng, hoặc pha trộn kiểu tứ-phương để tạo hình kỳ cục : Viện bảo-tàng tối tân Huntington-Hartford của Stone ở Hoa Kỳ, bị chê là bắt chước miếu đền Hồi Giáo và lâu đài Venise. Chống lại trào-lưu đó, có nhiều nhà phê-bình tên tuổi như Michel Ragon ở Pháp, nữ giáo sư Sybil Moholy-Nagy ở Hoa Kỳ...

Song những kiến-trúc-sĩ muốn thoát ly Ứng-Dụng, cũng đưa ra những luận điệu đáng xét. Theo Yamasaki, kiến trúc ứng-dụng rất có giá trị, song đã lên hết mức và kiệt sức rồi; trong khi đó, con người đòi hỏi những Thề vui tươi hơn. José-Luis Sert tin rằng sự đòi chiều ngày nay hợp với khát vọng tự-do của nghệ-sĩ, và khi kiến-trúc ứng dụng đã bị tê liệt vì mắc bệnh cứng nhắc, thì sự phản ứng là lẽ tất-nhiên. Song nhiều tiếng dội hơn cả, là lời của Niemeyer, một trong những người đã xây thủ đô Brasilia : kiến-trúc theo đường thẳng đã thành công-

thức của thời-đại ; không có lý gì dùng hộp kính mà làm kiêu cho mọi thứ nhà khác nhau, nhà ở, phòng giấy, viện bảo-tàng v.v... Cứ thế mãi thì sao khỏi buồn nản ? Kiến-trúc phải đẹp, mới, và lạ (1).

oOo

Cuộc tranh luận còn dài, và chắc sẽ chẳng ai thắng hẳn : có như vậy mới dễ tiến, vì một cuộc toàn thắng ở nghệ-thuật chỉ có hậu-quả là tận diệt mọi sáng kiến và óc sáng-tạo.

Người ngoài cuộc, không có tự-ái của tác-giả, chỉ nhận rằng quan-niệm nào cũng đã đưa tới vẻ đẹp riêng mà không có qui-định hoặc tiên đoán.

Tuy-nhiên, dù nghệ-sĩ theo lối nào, các vẻ đẹp chỉ có thể hiện ra nếu vẫn có liên-quan với những nhu-cầu chính-yếu của con người, vì Đẹp ở kiến-trúc không bao giờ thuần túy như của viên ngọc hay bức tranh.

Nói một cách khác, tinh thần ứng-dụng phải còn, nếu cách dung hòa sự đẹp và sự thật cần tùy nghi biến cải.

Thẳng, vuông hoặc chéo và Cong với Tròn chẳng qua chỉ là phương thức. Ở mọi ngôi nhà đẹp, còn nhiều yếu-tố khác, với những điều kiện chung mà không nghệ-sĩ nào phủ nhận : đó là vấn-đề quan-trọng cần được xét sau.

DOÀN-THÊM

Kỳ tới : NHÀ ĐẸP HIỆN NAY.

(1) L'art rectiligne est devenu le formalisme de notre temps... C'est un art qui consiste à placer dans un même cube de verre tous les programmes, même s'ils sont très différents... Il faut que l'architecture soit la beauté, la nouveauté la surprise (theo cuộc phỏng vấn của Sylvain Zegel, báo Le Figaro Litteraire 30/9-6/10/05)

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Ngó qua các chặng đường xây dựng » của Ô. Đoàn-Thêm (BK số 212) có những lỗi sau đây, mong bạn đọc sửa giùm :

— Trang 14 : không dnhn rng la đại lộ, xin đọc là : không đáng nhìn ra đại lộ :

— Lục lộ, hoa viên, xin đọc là : Lục-lộ, hoa viên.

★ Bài : « Quan niệm ứng dụng trong kiến trúc hiện đại » (BK số 213), câu : Bức tường đục cho hình chữ nhật, xin đọc là : bức tường đục theo hình chữ nhật.

— trang 32 : của tác giả = các tác giả

— trang 35 : Nhưng muốn cho công bằng = muốn cho công bằng.

— trang 35 : Người Việt đặt ra mà, do nhiều nhà phê bình = người Việt đặt ra, mà do...

— trang 36 : Mies van der Roae = Mies Van der Rohe

— Con đề coi = còn dễ coi.

★ Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

K.B.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Trên trời có gì lạ ?

Đặt câu hỏi này vào lúc phi hành gia đã bắt đầu rời vệ tinh di chuyển trong không trung, những đài tự động liên tiếp được bắn ra thám hiểm khoảng vũ trụ xa xăm, sau những năm chộn rộn với những chuyện địa bay bí mật, với những kế hoạch gửi người lên cung trăng, sao Hỏa, câu trả lời có thể rất bao la, đề cập đến nhiều vấn đề cùng một lúc. Trong bài này, chúng tôi chỉ xin bàn đến một vật thể vô cùng kỳ lạ mà báo chí chuyên môn một dạo gần đây đã bàn tán xôn xao: những quasar, tên tắt của tiếng Âu Mỹ Quasi Stellar Objects, tức là những thiên thể tạm thời xem gần như sao, và công cuộc tìm hiểu vũ trụ phát xuất từ đây.

Đến năm 1961, thiên thể lớn nhất mà người ta tìm ra nhờ bắt được những luồng sóng điện là chòm sao khổng lồ Bouvier A, nằm cách quả đất hơn 4 tỷ năm ánh sáng. (Độ dài trong vũ trụ tính bằng cây số thì con số quá lớn nên người ta đặt ra năm ánh sáng; cứ mỗi năm có 365 ngày, mỗi ngày 24 giờ

mỗi giờ 60 phút, mỗi phút 60 giây, và cứ mỗi giây ánh sáng đi được 300.000 cây số, lần lượt nhân lên thì được độ dài của năm ánh sáng bằng cây số). Những nhà thiên văn vô tuyến điện còn bắt được những luồng sóng điện nhỏ hơn, vậy thiên thể có thể còn nằm xa hơn.

Các loại quasar.

Có thiên thể nào còn lớn hơn chòm sao Bouvier A không? Câu hỏi này phải đợi qua năm 1963 mới được trả lời: những quasar, ngoài cuộc sản xuất những luồng sóng điện, còn cho phát ra ánh sáng 100 lần lớn hơn chòm sao Bouvier A. Lúc ban đầu, những quasar được các nhà thiên văn vô tuyến điện bắt gặp. Sau đấy, những đài thiên văn ở các núi Wilson và Palomar, nhờ có kính viễn vọng lớn nhất hoàn cầu cũng đã tìm thấy.

Mạnh lớn như thế, những quasar ắt còn phải tìm được ở những khoảng vũ trụ xa xăm. Thật vậy, càng ngày người ta càng tìm ra được những quasar ở xa

hơn, trong khoảng từ 2 đến 10 tỷ năm ánh sáng. Cách đó độ dài trong vũ trụ hiện nay chưa được chính xác, nhất là ở khoảng xa, nên người ta chỉ ước chừng: quasar C 273 chẳng hạn ở xa ta 2 tỷ năm ánh sáng, quasar C 147 khoảng 6-8 tỷ năm ánh sáng. (3C là mục lục thứ ba kê những thiên thể ở Viện Đại học Cambridge; 273, 147 là những số thiên thể ở trong mục lục ấy).

Đến nay, người ta kể được khoảng 50 quasar. Theo thống kê thì trung bình cứ 10 triệu chòm sao người ta mới thấy được một. Nhưng bên cạnh cái rủi ấy lại có một cái may: nhà thiên văn học Allan Sandage ở Palomar vừa mới khám phá ra được một loại quasar khác, đặt tên là BSO (Blue Stellar Objects) hay quasar xanh, giống hẳn quasar thường về mặt quang học nhưng chẳng phát ra một luồng sóng điện nào. Theo thống kê, những quasar xanh có nhiều hơn quasar thường, gấp khoảng

500 lần. Như vậy tính ra trong vũ trụ có đến 100.000 quasar xanh.

Năng lượng quasar

Quasar thường hay xanh - đều là những thiên thể lạ lùng, đã từng đặt biệt bao câu hỏi khó trả lời. Xin dẫn ra đây hai chi tiết quan trọng. Một chòm sao thường gồm khoảng 100.000 triệu ngôi sao sắp đặt trong vũ trụ thành một khối đường kính 50.000 năm ánh sáng. Muốn phát ánh sáng mạnh lớn như một quasar, người ta phải giả thử tắt cả các ngôi sao trong chòm sao bật nổ cùng một lúc! Điều lạ này có được hay không?

Đặc biệt khác người ta nhận thấy gần đây nhiều quasar thay đổi ánh sáng trong vòng 6 tháng. Một thiên thể lớn như một chòm sao không thể thay đổi ánh sáng mau như vậy và phải hằng chục ngàn năm, ánh sáng mới chạy được quãng cuối này đến quãng cuối kia. Nhưng nếu một quasar nhỏ hơn một chòm sao và không lớn hơn quá nhiều một ngôi sao thì làm sao phát ra được năng lượng ghê gớm kia?

Rút cuộc chưa ai biết được quasar là gì. Hội Vật lý học Hoa-kỳ, đầu năm 1964 cho quasar là những đám mây khí phát quang và rung động gồm có hằng tỷ ngôi sao. Sau đây là hai nhà vật lý học Louis Gold và John Moffat ở Viện khảo cứu Martin Company tuyên bố năng lượng quasar phát ra trong mỗi giây đồng hồ lớn hơn 10^{27} quả bom nguyên tử nổ cùng một lúc!

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa đã nhận được:

— **Thơ Anh-Hoa** tập thơ của Hoa do tác-giả gửi tặng. Sách dày 126 trang gồm hai thi tập. Đường em hoa nở, Mùa Cao-Nguyên với trên 60 bài thơ, Tô Kiều Ngân và Minh-Huy đề tựa giá 65đ.

— **Anh-ngữ thực-dụng** (cấp III) lớp đệ-ngũ do Lê-bá-Kông soạn đề dùng với cuốn English for today (book 3), ban tu thư Ziên-Hồng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang, giá 45đ.

* (10^{27} là con số 1 theo sau 27 con số 0).

Vậy thì trong vũ trụ còn có những nguồn năng lượng mãnh liệt gấp bội năng lượng nguyên tử. Đối với các nhà bác học ngày nay, năng lượng ấy lạ lùng không khác gì năng lượng mặt trời đối với những nhà bác học thế kỷ 19.

Tốc độ quasar.

Bên cạnh năng lượng của những quasar, các nhà thiên văn học cũng đã ước lượng tốc độ của chúng xấp xỉ bằng nửa tốc độ ánh sáng. Vậy thì các quasar đang chạy ra xa, chứng minh cho thuyết vũ trụ bành trướng mà ngày nay hầu hết các nhà thiên văn học thế giới đều chịu công nhận.

Thật vậy, vũ trụ phồng lên như một quả bóng. Thoạt tiên, người ta nghĩ rằng kích thước vũ trụ càng ngày càng lớn lên và lúc ban đầu, khi hiện tượng bành trướng mới phát sinh, vũ trụ chỉ là một vật thể nhỏ nhưng vô cùng dày nặng: đấy là «nguyên tử sơ khai». Sau này ta sẽ thấy còn có cách nghĩ khác.

Nếu lấy thêm giả thuyết vũ trụ bành trướng điều hòa từ thủa ban đầu cho đến nay, thì cứ việc đo tốc độ ấy biết được thời gian từ lúc cuộc bành trướng bắt đầu cho đến nay. Phép tính này không phải giản dị và thay đổi tùy theo mẫu vũ trụ mà người ta gán cho nó. Tuy nhiên, một con số cũng đã được đưa ra: 10 tỷ năm hay hơn một chút.

10 tỷ năm! Hay quá, đấy chính là thời gian xa cách giữa các quasar xa xăm và quả đất ta. Vậy thì nếu phép tính của các nhà thiên văn học không quá sai, ta đang ngắm được thủa ban đầu của vũ trụ. Và những quasar khác, gần hơn, 9 tỷ, 8 tỷ, 7 tỷ,... năm sẽ là những trang lịch sử của vũ trụ.

Ai cũng biết có lịch sử khi nào có biến thiên, thay đổi. Tuy nhiên, nhiều nhà bác học cho vũ trụ là bất di bất dịch. Thuyết của vũ trụ đứng vững là của Fred Hoyle và Thomas Gold. Theo hai ông, các ngôi sao, chòm sao biến chuyển nhưng vũ trụ toàn bộ không thay đổi với thời gian, tỷ trọng vật chất luôn luôn giống nhau.

Mới nghe, thuyết này xem như không tương hợp với thuyết vũ trụ bành trướng. Nếu vũ trụ này nở thì làm sao tỷ trọng không thay đổi được? Hoyle bảo rằng khinh khí liên tục được tạo để thay thế vật chất bị xô đẩy ra xa trong cuộc bành trướng vũ trụ. Và vật chất bị xô đẩy ra đến đâu? Hoyle bảo rằng vũ trụ không có giới hạn và vật chất dần dần ra khỏi tầm mức thấy được của ta.

Lịch sử vũ trụ.

Nhưng số các nhà thiên văn học tin ở một lịch sử vũ trụ còn nhiều. Cách đây 10 tỷ năm, theo các nhà bác học ấy, vũ trụ đã là một nguyên tử sơ khai, mà khoa học hiện nay chưa giải thích được cách phát sinh. Một cuộc bùng nổ đã phân tán nguyên tử ấy thành những mảnh vụn sau này dần dần tổ chức thành chòm sao mà ta biết hiện nay. Quá khứ thì như vậy, còn tương lai vũ

trụ rồi sẽ ra sao? Có hai con đường: vũ trụ hoặc sẽ bành trướng không ngừng, hoặc sẽ gặp một thời kỳ co rút đưa về lại trạng thái nguyên tử sơ khai để rồi một ngày mai, biết đâu, lại bị nổ vỡ để lại làm thành một vũ trụ khác.

Một điều thắc mắc là làm sao viết được những trang sử vũ trụ. Nếu trong vũ trụ ta tìm được những thiên thể ở mọi độ cách so với quả đất thì ta thấy được những thời đại trung gian giữa nguyên tử sơ khai và vũ trụ hiện nay. Nhưng quá những chòm sao ở cách ta 4 tỷ năm ánh sáng, chỉ còn có một loại thiên thể là quasar. Vũ trụ xa xăm có những thiên thể tương tự những sao và chòm sao ở gần ta không? Ta không sao biết được.

Nhiều nhà thiên văn học cho rằng nhiều mảnh vụn của nguyên tử sơ khai, vì một nguyên cớ mà ta chưa biết, không phát triển như những mảnh khác thành ngôi sao, chòm sao. Nhà thiên văn học Liên-xô Zeldovitch cho quasar là những mảnh ấy. Theo Sandage thì thời kỳ phát triển thứ nhất là những BSO rồi mới qua quasar. Nhưng giữa quasar và các chòm sao ta thấy thiếu mất liên quan, thiếu mất những giai đoạn trung gian để ta viết lại bộ sử.

Con đường khảo cứu.

Trong thuyết vũ trụ bành trướng, có hai cường lực: sức bành trướng xô đẩy các chòm sao ra xa và sức hấp dẫn kéo

những chòm sao này lại với nhau. Tùy theo sức mạnh nào lớn hơn mà tương lai vũ trụ sẽ do đấy phát triển. Nếu sức bành trướng thắng thì vũ trụ thành ra vô biên, vô cực. Nhưng sức hấp dẫn có thể mạnh hơn, tốc độ bành trướng dần dần bị giảm hạ cho đến lúc dừng đứng, nhường ảnh hưởng cho cuộc co rút. Vậy thì tương lai tùy rất nhiều ở sức hấp dẫn của vũ trụ. Người ta đã ước lượng được tốc độ bành trướng của vũ trụ. Muốn biết cường độ trường hấp dẫn, cần phải biết tỷ trọng trung bình, với giả thuyết trong vũ trụ vật chất được rải rác rất đều hòa. Rủi thay, phép tính này không thực hiện được. Tỷ trọng vũ trụ thay đổi giữa 10^{-26} và 10^{-30} gam mỗi phân khối (10^{-26} , 10^{-30} là con số 1 chia cho 10^{-26} hay 10^{-30}). Các con số quá xa nhau để có thể đạt được kết quả chính xác, rõ ràng.

Không tính được tỷ trọng của vũ trụ, nhiều nhà thiên văn học đề nghị đếm các thiên thể gần xa và suy ra. Nhưng trước hết phải chú ý đến hình thể của vũ trụ: vũ trụ có thể có hình elip, ypebon hay elip. Trong một vũ trụ hình ypebon, khoảng trống rộng, tỷ trọng tất nhiên sụt xuống rất mau so với một vũ trụ elip; trái lại tỷ trọng tăng lên rất chóng trong một vũ trụ elip. Nhưng muốn biết hình thể vũ trụ cần phải biết độ dài vũ trụ trước đã. Hiện nay độ dài xa trong vũ trụ chưa sao biết được chính xác.

Tuy nhiên, chớ vội nản lòng. Các nhà thiên văn học nhờ khảo cứu những chòm sao gần, biết được đích xác độ cách và với quang huy biểu kiến, có thể tính được độ sáng thực chất. Họ tìm ra được tinh độ các chòm sao có phát luồng điện là 20,5. Tính ngược lại, người ta có thể tìm ra độ cách khi biết quang huy biểu kiến. Đam áp dụng phương pháp này qua các BSO và quasar, người ta có thể biết được độ cách của những thiên thể này. Biết được độ cách là tính được hình thể vũ trụ, do đấy tỷ trọng vật chất và suy ra ta đang ở trong một vũ

trụ dừng đứng hay bành trướng ra vô cùng, vô cực.

Jean Heidmann đã có viết : « Vũ trụ luận nay trở thành một khoa học quan sát ». Thật là đúng vậy. Khi hướng kính lên trời, nhà thiên văn hy vọng rồi đây có thể trả lời những câu hỏi từ lâu con người đã đặt ra : Vũ trụ do đâu mà ra ? vũ trụ có giới hạn hay vô biên ? vũ trụ dừng đứng hay luôn luôn biến chuyển ?

VÕ QUANG YẾN.

Tài liệu : Francois de Closets
Jacques Bergier.

tìm đọc

đất sống

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trú

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE : *Plapplachai, Bangkok*

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

oTokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

Biện-hộ cho trẻ con hay huyền-thoại người lớn (*)

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

Tôi xin kể hai trường hợp đã làm cho tôi suy-nghi và sau đó đưa ra một vài nhận xét biện-hộ cho trẻ con, đồng-thời cũng là phê-bình điều mà gọi là huyền-thoại về người lớn.

Tôi có đứa cháu trong nhà, lên 8 tuổi, học lớp Đồng-Ấu ở một trường rất có uy-tin và đảm-bảo chắc-chắn về cả học-hành lẫn giáo-dục. Một buổi chiều đi học về, nó thuật lại một cách tự-nhiên cảnh-tượng tuyên-bố kết-quả kỳ thi tam cá-nguyệt của lớp nó. Thầy giáo đọc danh sách từ đứa đứng thứ nhất, đến đứa bét. Nó tỏ vẻ sung sướng vì được điểm trung-bình, và xếp thứ 20 trong số hơn 50 đứa. Nhưng thằng Sơn, thằng Lân, ngồi bên cạnh nó, đứng cuối sò, và đọc đến tên chúng nó, thầy đọc to hơn, nhắc đi, nhắc lại, như thể cho mọi đứa biết là chúng nó đứng bét lớp. Nó nói: « Con nhìn hai đứa, con thấy chúng nó tái mặt và rơm-rớm nước mắt.» Tôi để ý nhìn nó, không thấy nó lộ vẻ thương hại gì hai thằng bạn học cùng lớp. Không hẳn là nó vô-tâm, nhưng có lẽ nổi vui mừng vì không bị điểm dưới trung-bình, còn mãnh-liệt quá, còn đang chiếm-đoạt cả tâm-trí nó

nên nó chưa kịp nghi đến số-phận bạn bè.

Nhưng lúc đó, tôi không thể không nghi đến hai thằng Sơn và Lân, bạn của nó mà tôi không hề biết mặt. Nhưng tôi có thể tưởng-tượng hai đứa bé, rơm-rớm nước mắt, ra khỏi lớp, lủi-thủi về một mình, trong lòng lo-sợ, buồn-bã: lo bị mắng, sợ không lên được lớp, buồn vì mình dốt, thua kém những đứa khác. Thực ra, chúng chỉ cảm thấy như thế, mà không hiểu tại sao. Và thầy giáo, cha mẹ chúng, có thể không hay biết gì về những âu-lo của chúng. Tôi thấy những đứa trẻ đó thật tội-nghiệp đồng-thời cũng thấy rằng nền giáo-dục chúng đang hấp-thụ quả thật là bất-nhân, là vô nhân-đạo.

Nền giáo-dục đó hành-hạ đứa trẻ, tạo cho đứa trẻ những mặc-cảm. Những mặc-cảm này có thể ám-ảnh suốt đời đứa trẻ và vì thế, có thể đánh hỏng cả cuộc đời nó.

(*) Ô. Nguyễn-văn-Trung, Giáo sư Đại Học Văn Khoa Saigon nói chuyện trên Đài phát thanh Saigon, mục « Diễn đàn Tự-do » tối 14-11-65. Xin xem tiếp bài « Góp ý với Ô Nguyễn-văn-Trung » của Vũ-Hạnh cũng trên số BK. TĐ. trong (L.T.S.)

Gần đây, một số các nhà tâm-lý học, trong một hội-nghị về giáo-dục thiếu-nhi đã đi đến chỗ nhận-định : việc xếp hạng trong các lớp Đồng-Ấu là một điều phản giáo-dục, không hợp lý. Các nhà tâm-lý học đó phân-biệt trình-độ trí-khôn và sự phát-triển đầy-đủ của trí-khôn, (maturité). Vậy có thể có hai trường-hợp :

1/ Có đứa trẻ trí-khôn trung-bình, tầm-thường, nhưng phát-triển đầy-đủ rất sớm.

a/ Ngược lại, có đứa trẻ trí-khôn rất thông-minh, nhưng phát-triển chậm.

Do đó, đứa trẻ học khá ở Tiểu-học, chưa hẳn đã là thông-minh, sáng dạ, mà chỉ vì trí-khôn phát-triển sớm hơn. Ngược lại, đứa trẻ học kém, chưa hẳn là dốt, kém trí, mà có thể rất thông-minh, nhưng chỉ chưa đến thời-kỳ nảy-nở đầy-đủ. Bằng-cớ là căn-cứ vào những thống-kê từ Tiểu-Học đến Đại-Học, những nhà tâm-lý-học trên nhận thấy có nhiều đứa trẻ rất khá, đứng nhất, nhì dưới Tiểu-Học, nhưng lên Trung-Học, Đại-Học, sụt xuống mức trung-bình. Và ngược lại, nhiều đứa trẻ xếp hạng thật kém dưới Tiểu-Học, lên Trung Học, Đại-Học, học rất giỏi và xếp hạng nhất, nhì, vì khi lớn, trí-khôn của đứa trẻ, vốn ở mức-độ thông-minh, mới đến lúc nảy-nở đầy-đủ. Căn-cứ vào những kết-quả nghiên-cứu trên, các nhà tâm-lý-học đề-nghị bỏ xếp hạng dưới Tiểu-Học, để tránh tạo ra những mặc-cảm hơn kém và do đó, tránh gây nên những bi-kịch nhỏ cho trẻ con, đồng-thời, áp-

dụng đường lối giáo-dục khuyến-khích, tạo niềm tin cho đứa trẻ cố-gắng và phấn - khởi. Thiết - tưởng, có nhận thức được sự phân-biệt trên, cha mẹ, thầy giáo mới khỏi lo lắng sốt-ruột, quát-mắng trẻ khi thấy nó chậm hiểu, vì chậm hiểu đây, chưa chắc đã là vì nó kém thông-minh, và chỉ vì trí thông-minh của nó chưa đến lúc phát triển.

Một trường-hợp thứ hai, rút ngay từ kinh nghiệm bản thân. Nhiều lần thấy trẻ con trong nhà nghịch, cãi-lộn hay đánh nhau, tự-nhiên tôi tức-giận, rồi quát mắng, hay bạt tai trẻ. Trẻ con im-lặng, chuồn đi chỗ khác, hay nếu bị tạt tai thì khóc, nhưng cũng không cãi-lại, tuy có thể ầm-ức trong lòng.

Sau đó, có lần tôi nghĩ : mắng, đánh trẻ dễ quá, vì chúng nhỏ bé, có sợ chúng nó đánh mình đâu, và do đó, làm sao không đánh trẻ mới khó. Cũng như nắm chính quyền rồi thì phạt, cấm những người làm bậy cũng dễ. Cái khó là làm sao không phạt, cấm, mà vẫn sửa trị được người có lỗi. Nhận xét đó làm cho tôi nghĩ đến những điều được coi như là hiển-nhiên, nhưng thực ra rất mơ-hồ, và sau cùng có thể còn là sai-lầm.

Cha mẹ chỉ nghĩ đến dạy trẻ con mà không nghĩ đến dạy chính mình, như thể mình có quyền, có thể dạy người khác chỉ vì mình lấy vợ, lấy chồng và đẻ con. Nói cách khác, cha mẹ ít khi nghĩ đến việc tập làm cha mẹ.

Nhưng điều trầm-trọng hơn, là cha mẹ nhân-danh tiêu chuẩn gì, mà dạy-

dỗ, mắng, phạt con cái? Cha mẹ muốn đào-tạo con cái theo khuôn-mẫu nào? Cha mẹ thường mong cho con cái giống mình. Nhân-danh những tiêu-chuẩn của xã-hội người lớn để đào-tạo con trẻ trở thành người lớn. Nhưng phải chăng người lớn là một huyền-thoại?

Người ta đề-nghị với trẻ con một lý-tưởng: trở thành người lớn. Người lớn là cái đích của học-vấn, giáo-dục. Người lớn là người hiểu biết, người hiểu đời, người trưởng-thành, người đứng-dẫn, coi việc làm-lụng, ăn nói, giao-thiệp, lập công-danh sự nghiệp là quan-trọng.

Trước khi trở thành người lớn thời trẻ con chỉ tiêu-biểu cho thời-kỳ ấu-trì, thời-kỳ chưa phải là người hoàn-toàn, về thân xác còn cần được nuôi-nấng cho lớn, và về tinh-thần, còn cần được dạy-dỗ cho khôn ngoan, hiểu đời.

Tuổi trẻ là tuổi còn vô-tư, chưa suy-nghĩ, đăn-đo, chẳng coi cái gì là quan-trọng. Do đó, dễ chỉ-thị một cách khinh-miệt tất cả những gì không phải của người lớn, người ta nói: đồ trẻ con, hay chuyện đàn bà, con nít (đàn bà trong một xã-hội mà đàn ông còn làm chủ, cũng bị coi như trẻ con).

Đứng ở quan-điểm của người lớn, và rõ hơn, của người đàn ông, tuổi trẻ không có một ý-nghĩa tự-tại, một giá-trị riêng-biệt của nó, nhưng chỉ có ý-nghĩa như một sửa-soạn tiến tới tuổi trưởng-thành, tuổi người lớn. Cho nên phải mong chóng qua thời sửa-soạn để

đến đích, tuổi trưởng thành, là người lớn, được giao-thiệp với người lớn, được ăn nói, đi lại với người lớn...

Xã-hội con người, được tổ-chức theo quan-niệm, quy-luật của người lớn và đôi khi trong một hoàn-cảnh tệ-hại hơn nữa nào của người đàn ông, về mọi phương-diện: luân lý, giao-tế, chính-trị, văn hóa, giải trí...

Giáo-dục trẻ con là dạy cho trẻ con biết những quy-luật đó và tập cho chúng giữ-gìn thực-hiện. Quan-điểm, quy-luật của người lớn chi phối, hướng-dẫn đời sống trẻ con, không những về phương-diện « những gì được coi như là đứng-dẫn: ăn học, giao-thiệp... » mà còn cả những gì về phương-diện chơi-đùa.

Người lớn coi trẻ con như mình, chỉ nhỏ hơn về thân xác mà thôi. Cho nên những đồ chơi làm cho trẻ con đúng là những đồ-dùng của người lớn, ở cỡ trẻ con: cỡ bé nhỏ. Những đồ-dùng này phản-ảnh những sở-thích, trình độ kỹ-thuật của người lớn ở một giai-đoạn nào đó, (như tàu-hỏa, ô-tô, máy bay, xe vespa, xe đạp, hỏa-tiến, súng đạn, xe-tăng, xẻng, cuốc, nhà ở, nhà thờ, thành-phố, bàn giấy, đồng-hồ; con gái thì có các poupées, các đồ thêu dệt, khâu vá, làm bếp, v.v...)

Thế-giới trẻ con là thế-giới người lớn ở cỡ nhỏ. Thế-giới đó phản-ảnh đúng hết những tương-quan xã-hội người lớn; đồ chơi nhằm làm cho con trẻ quen với thế-giới người lớn, sửa-

soạn cho nó trở thành người lính, người phi-công, người tài-xế, người mẹ, người nội-trợ... sau này.

Đồ chơi người lớn làm cho trẻ con là đồ chơi bắt-chước đồ-dùng của người lớn, lấy xã-hội người lớn làm lý-tưởng vươn tới do đó chỉ đòi hỏi trẻ con vâng phục, bắt-chước, trong khi đáng lẽ phải tạo ra những đồ chơi nhằm phát-triển óc sáng-kiến của trẻ con. Chính vì những đồ chơi bắt-chước đồ-dùng của người lớn chỉ tập cho trẻ con thành một người xử-dụng cái đã có sẵn, do đó, bóp chết óc sáng-tạo, hứng-thú của sáng-tạo, mà thực ra cũng không được xử-dụng thực sự, vì chỉ là đồ chơi; nên trẻ con chóng chán và rất dễ vứt bỏ những đồ chơi đã chán mà không thương-tiếc.

Nhưng đến đây phải hỏi, có tuổi trưởng-thành, có người lớn như một lý-tưởng không? Người lớn khác trẻ con và hơn trẻ con, vì là người đứng-dẫn, nghiêm-nghị, khôn-ngoan, dẫn-đo lịch-thiệp, sâu sắc, v.v... Nhưng có thực người lớn là đứng-dẫn, khôn-ngoan, lịch-thiệp hay chỉ là làm ra vẻ đứng-dẫn, đóng vai người lịch-thiệp, giả vờ khôn-ngoan.. trong những chức-vụ rất trịnh-trọng, đứng-dẫn: quan toà, giáo sư, cha mẹ, ông cảnh-binh, ông giám-đốc, ông bác-sĩ, ông thương-gia, ông tướng-lãnh?...

Nói cách khác, có một người lớn thật-sự không, hay chỉ có người đóng vai người lớn, nghĩa là cố mà hấp thụ lấy một số ý-tưởng, cảm nghĩ, lễ-lối ăn-mặc, cư-xử phù-hợp với tư-cách, vai trò mình đóng trong xã-hội người lớn.

Tôi là giáo-sư. Nhưng chữ «là» đây có bày-tỏ một bản-chất, như thế chức vai-trò giáo-sư gắn liền với con người của tôi, hay thực ra tôi chỉ đóng vai giáo-sư. Khi đến lớp, nghĩa là trong một tương quan xã-hội nhất định, tôi đóng vai giáo-sư, vai trò này đòi tôi phải có một số cử chỉ, thái-độ nhất định xứng-hợp với chức-vụ giáo sư. Trước khi đến lớp, tôi biết tôi sắp đóng vai giáo sư, nghĩa là tôi chỉ giả-vờ làm giáo-sư trước mặt sinh viên; nhưng vì cứ đóng mãi, đặng khác, sinh-viên cũng gọi mãi tôi là giáo sư, rút-cục tôi tưởng tôi là giáo-sư thật; tôi đã giả-vờ tin và sau cùng tin thật mình không giả-vờ. Tôi là giáo-sư, tôi là người lớn, tôi là người đứng-dẫn, như thế giáo-sư, đứng-dẫn là bản-chất con người của tôi. Nhưng thực ra đó chỉ là một thái-độ nguy-tín (mauvaise foi).

Vì thực ra, tôi chỉ giả-vờ đứng-dẫn đóng vai đạo-mạo khi giảng bài, hoặc làm quan tòa ông giám-đốc cũng thế.

Hãy thử vào một hội-trường chính-trị, một giảng-đường. Mọi người đều ngồi rất đứng-dẫn, nghiêm-trang, chăm chú nghe những lời nghị-luận rất quan trọng về chính-trị, văn-hóa, xã-hội, kinh-tế, luân-lý. Thật có vẻ người lớn lắm. Trẻ con đâu được bén-màng đến những nơi đó? Nhưng có thực họ đứng-dẫn nghiêm-trang chăm chú nghe và tin những lời nói hay, đẹp không, hay chỉ là giả-vờ đứng-dẫn, làm bộ nghiêm-trang, chăm chú nghe? Hãy để ý người lớn bàn tán chuyện buôn-bán, chuyện làm ăn, hãy xem họ giao-thiệp, ăn nói, thật khôn-ngoan, dẫn-đo, lịch-thiệp

Nhưng có thực họ là khôn-ngoan, lịch-thiệp như hòn đá là rắn, cái bàn là nhắn bóng, cục phấn là trắng không, hay họ chỉ giả-vờ khôn-ngoan, làm ra vẻ lịch-thiệp?

Một lúc sau, họ ngồi với nhau nhậu-nhẹt tự-do, thế là nào vắng tục, nào nói nhảm-nhí bần-thiểu rồi đến nói xấu người này, chửi-bới người nọ, những người mà họ vừa rất lịch-thiệp, xã-giao kính trọng. Dĩ-nhiên, đó cũng là chuyện «người lớn» không để cho đàn bà con nít nghe được. Họ nói đạo-đức nhưng đọc sách khiêu-dâm, đi xem phim dành cho những người lớn trưởng-thành và cấm trẻ em dưới 16 tuổi, để được sống theo con người đích-thực của họ trong bóng tối một chốc lát bằng ái-tình gian-lậu, bằng ngoại tình trí-óc hay ngoại-tình chân tay.

Cho nên, người lớn chỉ làm ra vẻ người lớn để dạy-dỗ, hướng dẫn, cai-trị trẻ-con, còn trong thực-tế, xã-hội người lớn thường là một xã-hội bần-thiểu, lường gạt, gian-lận giả hình và do đó xấu-xa, sa-đọa, kém hơn xã-hội trẻ con. Trở thành người lớn không phải là trở thành «con người» hơn, mà chỉ là biết đóng vai người lớn, và càng đóng khéo, giả-dối bao nhiêu, càng là «người lớn» bấy nhiêu.

Điều đó được chứng minh ngay trong việc người lớn giáo-dục trẻ con. Chẳng hạn, khi nhà có khách (có chú, bác hay người thân) đến chơi, mang quà cho trẻ con, trẻ con trông thấy thèm, muốn ăn. Cha mẹ lừ mắt. Rồi khi khách ra về, cha mẹ dạy con: «Từ nay trở đi, hễ có khách đến chơi, mang quà, thì dù có muốn ăn cũng phải lễ-phép thưa: «Con không dám ạ». Như thế mới là con nhà

có giáo-dục.» Giáo-dục như thế phải chăng chỉ là khéo giả-hình?

Do đó, có thể nói, người lớn chỉ có một sự khác-biệt với trẻ con là sự khác biệt về hình thể thân-xác. Người lớn là lớn hơn trẻ con về thân-xác mà thôi. Người lớn không có một ý-nghĩa luân-lý, không phải là một lý-tưởng để trẻ con vươn tới. Vì rằng người lớn không hề có nghĩa là trưởng-thành đầy-đủ về tinh-thần hay về luân-lý. Không bao giờ con người là «người» hoàn-toàn về nhận thức, hay về đạo-đức. Con người hoàn toàn vẫn là lý-tưởng suốt đời phải vươn tới mà cũng không đạt tới được. Cho nên vẫn phải học làm người, vẫn phải trở thành người mãi-mãi.

Như thế, phải nhìn-nhận rằng người lớn là một huyền-thoại, vì thực ra không có người lớn như một mẫu người điển hình, một lý-tưởng về con người. Huyền thoại người lớn là một công-cụ người lớn dùng để bịp trẻ con, đồng-thời, bịp cả chính mình, vì người lớn bịp mà không biết mình bịp, lừa dối người khác rồi rút-cục lại tin sự lừa-dối đó là thật.

Nếu những nhận-xét trên là xác-đáng chúng ta có thể rút ra những hệ-luận liên-quan đến thái-độ đối với trẻ con và đến quan-niệm về giáo-dục

1/ Phải trả lại cho trẻ con cái gì thuộc về trẻ con. Trả lại cho trẻ con quyền được sống đầy-đủ trọn-vẹn tuổi trẻ của chúng, chứ không phải coi tuổi trẻ chỉ là một giai-đoạn sửa soạn cần phải mau mau vượt qua để tới tuổi người lớn. Nguyên-tắc đó tất-nhiên qui-định tổ-chức xã-hội trẻ về mọi phương-diện, không còn phải theo luật-lệ, tiêu-chuẩn của xã hội người lớn, nhưng chính của xã-hội trẻ con.

a/ Giáo-dục không phải là vươn tới một lý-tưởng nào về người lớn, thực ra không có, nhưng là làm sao duy-trì được những đức-tính của tuổi thơ-ấu, không phải ở bình-diện vô thức, hồn nhiên, mà là ở bình-diện ý-thức, tự giác. Lý tưởng của người lớn không phải là sống khác trẻ con, nhưng là sống như tinh-thần trẻ con ở bình-diện ý-thức. Và đó không phải là dễ. Người lớn chúng ta có khi nhớ-tiểu thời thơ-ấu. Có thể chỉ là thương-tiểu cái duyên-dáng, cái ngây-thơ hồn-nhiên của tuổi trẻ. Nhưng có thể còn là nhớ-tiểu cái tinh-thần trẻ con; cái tinh-thần bao-hàm một số giá-trị, đức-tính luân-lý đích-thực: sự ngay thẳng, sự chân-thành, sự tín-nhiệm không vẩn-đục..... mà xã-hội người lớn đã bỏ mất. Cho nên những nhà cách-mạng, cách-mạng xã-hội hay cách-mạng tôn-giáo đều ghét cái xã-hội người lớn, và ngược lại, yêu-quí xã-hội trẻ thơ và yêu-quí tinh-thần trẻ con của cái xã-hội đó.

Tôi nghĩ tới câu chuyện trong Phúc Âm, khi các môn đệ hỏi chúa Ki-Tô, ai là người lớn hơn cả trên

nước Thiên Đàng? Ngài dẫn một trẻ nhỏ đến rồi đặt giữa những người lớn và nói: «Tôi nói thật nếu các ông không trở lại, và giống như những trẻ nhỏ này, các ông không được vào nước Trên Trời đâu». Câu nói chứa đựng một chân lý sâu xa. Đức Ki-Tô đòi hỏi người lớn phải trở lại thành trẻ con, không phải là trở về với cái ngây-thơ, hồn-nhiên lãng-mạn, nhưng là với tinh thần trẻ con mà người lớn đã bỏ mất khi thành người lớn. Tinh-thần trẻ con là lòng ngay-thẳng chân-thành, đôn-thực, tín-nhiệm, không tính-toán khôn ngoan; Tinh-thần trẻ con, đó là điều kiện tìm thấy chân lý giải-phóng, đồng thời cũng là con đường đưa tới giải-phóng đích-thực. Con đường giải-phóng đó, nhưng người lớn không thể thấy được, vì sự khôn-ngoa, sáng suốt của họ. Ở một dịp khác Đức Ki-Tô đã nói: Tôi đợi ơn Thiên Chúa vì Ngài đã che dấu những sự thực đó với những nhà hiền triết, kẻ khôn ngoan và đã chỉ bày tỏ cho những trẻ nhỏ. Lý tưởng làm người, mục-đích của giáo dục, của tu đức không phải là trở thành người lớn, mà chính là trở lại thời thơ ấu và duy-trì tinh-thần thơ-ấu.

N. V. T.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Nguyễn-Du và bộ chén trà mai hạc » của Ô. Vương-Hồng-Sên đăng trong B.K.T.Đ. số 209 (15-9-1965), xin sửa lại:

Trang 64 cột 2 hàng 14 : XVIII — XIV = XVIII — **XIX** ;
 — 65 — 1 — 21 : Liễu = **Lé** ;
 — 66 — 2 — 9 : đã = **há**
 — 67 — 1 — 11 : tôi biết = tôi **xin**
 — — — — 13 : tôi xin = tôi **biết**

và nơi trang 66, cột 1 hàng 18, tôi đã viết : « *Bùi quân chọn ở đất Bắc...* », đây là một lỗi rất lớn của tôi đối với vong linh người quá vãng và gia quyến : Ông Bùi Thế Mỹ mất tại Saigon.

H.V.S.

quốc-gia nào thực sự độc-lập mà lại có hai chương-trình giáo-dục song-hành : một của mình và một của nước thống trị mình ? Nguyễn-Thái-Học, Phan-Châu-Trình, Phan-Bội-Châu, Nguyễn-An-Ninh, Tạ-Thư-Thâu, những người đó đã chết để làm sống dậy ý thức dân-tộc. Nhưng ý thức dân-tộc Việt-Nam quả thực đã sống dậy chưa khi hàng vạn gia-đình thuộc giới thương-lưu và trung-lưu ở thủ-đô vẫn hành-diện thấy con em mình nói tiếng Pháp bằng một giọng rất đầm và tiếng mẹ đẻ như một môn phụ-thuộc ?

Tôi suy nghĩ như vậy trong lúc theo chân các học sinh chương trình Pháp qua các ngã đường Saigon. Họ đi về nẻo Tú Xương, Phan-Thanh-Giản, rẽ sang Mạc Đĩnh-Chi, xuống Nguyễn-Du, Nguyễn-Huệ, đến bến-Bạch-Đặng. Toàn những là tên Việt-Nam. Nghĩa là họ đi về lòng đất Việt-Nam, tưới bón bởi xương máu và mồ hôi của bao nhiêu thế-hệ người Việt...

...Mỗi người chúng ta chỉ sống dưới 100 năm, do đó chúng ta cũng chỉ đắn đo hơn thiệt, dự trù lợi hại cho trên dưới 100 năm. Đời sống quốc-gia vượt quá thời gian ấy rất nhiều cho nên việc dự trù lợi hại, đắn đo hơn thiệt cho toàn thể quốc-gia là công việc của những nhà lãnh-đạo có trách-nhiệm ý-thức và tiên-đoán hướng đi của lịch-sử. Riêng về phương-diện giáo dục hướng đi ấy không có gì là bí-ẩn : nó chuyển từ giai-đoạn không có quốc-học đến giai-đoạn kiến-tạo toàn một nền quốc-học duy nhất và tiến bộ, với những cánh cửa mở rộng cho

những văn-hóa ngoại-quốc trong tinh-thần trao đổi và hợp tác. Từ 10 năm nay, các chính-phủ nối tiếp nhau đã làm những gì để thúc đẩy nền giáo-dục Việt-Nam tiến theo chiều hướng đó ? Có nhiều khẩu hiệu rất kêu, nhiều lời tuyên bố rất hùng hồn, nhiều bài diễn văn rất tha thiết, song việc làm tích-cực thì chẳng có bao nhiêu. Chứng cứ là cách đây chỉ chừng nửa tháng hai ông Hồ-Hữu-Tường và Nguyễn-Đặng-Thục còn phải đăng đàn diễn-thuyết cổ võ cho chương-trình quốc học của viện Đại-học Vạn-Hạnh (1) Nhưng quốc-học không bắt đầu ở bậc Đại-học mà phải bắt đầu ở bậc Tiểu-học, đảm chỏi này lộc ở Trung-học sau cùng mới khai mãn ở Đại-học. Thật khó mà gây dựng quốc-học khi các phụ-huynh học-sinh tiểu-học và trung-học, mỗi năm vào dịp tựu-trường còn băn khoăn tự hỏi nên cho con em theo chương-trình Pháp hay chương-trình Việt, đề rồi kết-luận rằng nên theo chương-trình Pháp có lợi hơn nhưng bắt buộc đi phải theo chương-trình Việt là vì hoặc không xin được chỗ ở trường Pháp, hoặc muốn tránh tốn phí quá nhiều.

Dưới thời những chính-phủ trước, hầu hết con em các tổng-trưởng, bộ-trưởng và công-chức cao cấp đều theo học chương trình Pháp. Suy luận từ sự-kiện ấy nhiên bạn tôi đã kết-luận một cách ngán-ngẫm : « Con em họ có chỗ ăn học đàng hoàng rồi còn hy-vọng gì họ nghĩ tới việc cải-thiện chương-trình Việt, tổ chức lại thi-cử, xây cất thêm trường học, tuyển-dụng thêm giáo chức cho con em

(1) Xin xem BKTĐ số 209 ngày 15-9-65 mục Sinh-Hoạt trang 148 (L.T.S.)

bọn dân đen chúng mình*. Tôi không tin rằng khi đứng ở một cương-vị lãnh đạo người ta lại có thể ti-tiền, vị-kỳ đến độ ấy. Nhưng dù sao cũng phải công nhận rằng dân chúng hết tin tưởng nơi chủ-trương xây dựng một nền giáo-dục dân-tộc của chính-phủ. Một thành kiến chia rẽ phát sinh : Chương trình Pháp dành cho con em các nhà quyền-quí, thượng-lưu, chương-trình Việt dành cho con em các nhà hạ lưu, nghèo túng ; học-sinh chương-trình Pháp có căn-bản vững chắc hơn, học-sinh chương-trình Việt kém hơn... Sự kỳ-thị xâm-nhập cả hàng ngũ giáo-chức. Trong các kỳ thi Tú - Tài II ban Triết - học Văn - chương, tôi nhiều lần nghe những bạn đồng nghiệp vong-niên giám-khảo môn Triết, sau khi chấm một bài luận bị nghi là của một thí-sinh xuất thân trường Pháp vì có nhiều lỗi chính-tả hay vì có chú-thích bằng tiếng Pháp szu các danh-từ Việt, tôi nhiều lần nghe các bạn đồng-nghiệp ấy phê-bình những câu đại loại như : « Cho nó trượt để nó biết rằng không phải cứ học chương trình Pháp là có thể thi Tú-Tài Việt mà không cần sửa soạn kỹ càng » hoặc : « Kém quá !

Đúng là dân ban A, B trường Pháp nhảy sang thi ban C bên Việt đây » dường như để biện minh cho số điểm thấp kém mà họ đã cho. Nghe mà chua sót. Nhưng sự thật thường hay chua sót và bây giờ thiết-tưởng đã tới lúc phải nói lên sự thật. Sự kỳ thị của giám khảo trong những trường hợp ấy xét ra là chính đáng bởi vì không có gì lố-lịch và ngây thơ hơn niềm tin tưởng rằng chỉ nhờ chút vốn Pháp văn mà một học sinh thi trượt Tú-tài ban Khoa-học thực-nghiệm chương trình Pháp lại có thể đỗ ngay Tú Tài ban Triết-học Văn chương chương-trình Việt. Nếu chính các giáo-sư nhiều tuổi, vốn xuất thân chương-trình Pháp, còn nghi như vậy thì tình trạng chia rẽ, kỳ thị sẽ nghiêm trọng đến bậc nào ở nơi các giáo sư trẻ tuổi xuất thân chương trình Việt và nhất là giữa các học sinh, sinh-viên với nhau ? Chia rẽ là một sảo-thuật của thực dân dùng để hống-trị thuộc địa. Từ 10 năm nay thực-dân đã chính thức rút lui khỏi đất nước này, thế mà chúng ta vẫn tiếp-tục nuôi mầm chia rẽ dân tộc, cốt để cho ai thống trị đây ?

ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin chị BÙI-PHƯƠNG-KIM, trưởng nữ nhà thơ Bùi-Khánh-Dẫn, đẹp duyên cùng anh LÊ-ĐỨC-VỊ và hôn lễ cử hành tại Saigon vào ngày 21-11-1965, xin trân trọng chúc mừng tân-giai-nhân và tân lang trăm năm hạnh phúc.

LÊ - NGỘ - CHÂU

vũ dzũng

những
khung
trời
ngỏ

Saigon mùa thu 65.

Em,

Thế là Đoàn Văn-Nghệ đã chính thức giải tán. Đoàn chúng ta với hơn bốn mươi thanh niên, với hơn sáu mươi ngày tập luyện và hơn ba mươi ngày trình diễn cho đồng bào, bây giờ đã chấm dứt công tác.

Chúng mình trở về với đời sống bình dị hàng ngày. Đời sống với bốn phận, với thói quen, với giờ giấc, với với công việc, đều đặn tuần tự như vòng quay một bánh xe. Em trở lại với những ngày cắp sách, đóng khung bước chân trong ngưỡng cửa gia đình. Anh cũng trở lại với công việc, với những bài giảng, bài ghi ở lớp.

Những ngày tháng cũ qua đi. Những khung trời ngỏ khép lại. Chúng mình chẳng còn gì cả.

Saigon vẫn nắng, vẫn bụi, vẫn chật chội, gò bó. Những chiếc xe chạy qua vẫn nhả khói mù mịt. Mặt nhựa tiếp tục hắt trả lại sức nóng từ cao đồ xuống. Trong mồ hôi, trong ồn ào, trong ngẹt ngạt, bỗng nhiên chiều nay anh tìm lại những phút giây êm đềm. Khi soạn lại giấy tờ trong chiếc cặp da anh bắt gặp

những đồng tiền còn sót lại sau chuyến đi. Những đồng tiền bé bỏng mang bóng dáng của núi đồi, của thành phố, của bãi cát, của đại dương, của những khung trời ngát gió...

Bồi hồi, xao xuyến. Cầm những đồng tiền trên tay mà tưởng như níu lại được cả những tháng ngày vừa mất. Như một đứa trẻ làm rơi mất đồng tiền mừng tuổi, bỗng nhiên lại tìm thấy. Biết bao mừng rỡ.

Uyên ơi. Từ ngày trở về đời sống thường nhật, đã lần nào em có thì giờ đề nghị đến những thành phố mình đã qua, những khung trời mình đã gặp ? Anh tin là có. Dù phút cuối cùng em bảo « Rồi sẽ quên, quên hết ». Nhưng anh không tin rằng em có thể quên được. Cũng như anh, anh sẽ còn nhớ mãi. Hình như cái gì mình muốn quên đi thì lại càng thêm nhớ. Và, trong một ngày nào đó, sự nhớ nhung tưởng như đã vùi sâu trong dĩ vãng, bỗng nhiên thức dậy, thúc dục, vò xé, chiếm giữ tâm hồn. Khi đó nỗi nhớ nhung mới lại càng mãnh liệt.

Như hôm nay, những đồng tiền cũ đánh thức trí nhớ anh, gọi lại cho anh tất cả những ngày tháng thần tiên, đầy hân hoan, mà cũng đầy nước mắt, để cho luyến tiếc. Như giấc mơ chưa tròn, như niềm vui chưa vẹn, như nỗi buồn chưa nguôi...

Anh lại nhớ đến câu nói của em trong những ngày cuối : « Em cảm thấy như vừa mới bắt đầu thì đã hết ! ». Đôi mắt em xa vắng, nhìn về phía con đường đất đỏ chạy dài tới chân trời. Anh lại càng nhớ hơn lời tâm sự ngày nào : « Từ lúc sinh ra, em sống nhờ gia đình, làm phiền lòng mọi người, chưa giúp ích cho ai cả. Bây giờ người ta bảo tiếng hát của em sẽ đem đến cho mọi người niềm vui, tin tưởng. Em không biết có thật được như thế không ? Nhưng em cảm thấy yêu đời hơn, cảm thấy cuộc sống thêm ý nghĩa ».

Thật buồn Uyên nhỉ. Ngay sau khi em vừa biết là tiếng hát của mình có ích. Tiếng hát của em bắt đầu vang đi qua từng thành phố. Em vừa cất tiếng và người ta bắt đầu nghe. Các bạn bè em bắt đầu hát, bắt đầu nói, bắt đầu khóc, bắt đầu cười, để mọi người cùng khóc cùng cười. Thì đó cũng là lúc chúng ta sửa soạn khăn gói, thu xếp trở về. Kết thúc một chuyến đi. Chấm dứt công tác. Một công tác khó khăn đòi hỏi nhiều thời gian và cố gắng.

Mùa hè qua đi nhanh quá. Mùa thu đã đến thật sự rồi. Những buổi sáng mây phủ kín trời. Không gian màu xám, làm nhớ vu vơ. Mỗi buổi sáng anh đi học, còn nhảm hát những câu hát cũ. Đến trường, vào lớp, còn mãi nhìn ra ngoài khung cửa. Hàng cây cao làm tiếc tiếng ve kêu. Bây giờ, những con ve đã

Người thứ ba tiếp :

Mịt mù mê mải mưa mưa mãi

Rồi người thứ tư nhắc lại câu đầu :

Đường đã đưa đoàn đến đêch đâu ?

Và như vậy cả bọn, cứ đọc đi đọc lại cái bài thơ « liên hoàn » đi vòng tròn không bao giờ hết, để quên đi chiếc ba lô dè nặng trên vai, quên đi những bước chân không muốn bước, quên đi cái dạ dày trống không. Những câu chuyện cũ kể lại làm cho mọi người thêm xao xuyến băng khuâng trong buổi sinh hoạt, văn nghệ. Đó là hình ảnh của người trước làm văn nghệ. Bây giờ làm văn nghệ thì thế nào? Phải làm sao? Chúng tôi đều mong mỗi sẽ tạo được một cuộc sống văn nghệ tươi trẻ, đi vào lòng người bằng tình thương yêu đạt dào của người Việt...

Đêm về khuya. Buổi sinh hoạt văn nghệ kết thúc. Những bước chân lao xao trên sỏi, trở về. Hình như trong lòng mọi người đều mang một chút suy tư, kèm thêm một ít mơ ước và hy vọng.

Một lần gió chạy qua, đưa hương lan tỏa khắp không gian. Đêm lại trở về yên tĩnh.

2. Tôi bước vào phòng tập. Trời Saigon hồi này hay mưa vào buổi tối. Vừa treo chiếc áo mưa lên tường thì B. đã tiến tới bên tôi hỏi :

— Thời gian vừa qua mình bận thi. Có gì lạ không? Hôm thử giọng ra sao, lấy được bao nhiêu người?

— Sau khi có thông cáo trên Đài Saigon cho biết sẽ thành lập một đoàn Văn Nghệ Thanh Niên thì có khá nhiều người đến ghi tên. Hôm thử giọng, có chừng hai mươi người, mà nữ đã tới mười bốn người. Nói là thử giọng nhưng mà xem giọng cao thấp để xếp bè rồi lấy hết. Sẽ loại dần dần sau này. Vì hôm đầu ai cũng có vẻ e thẹn, « Con nhà lành » cả mà, các cô cậu học trò là hay e lệ lắm. Có nhiều người phải dỗ mãi mới chịu hát thử. À, mà trước đó cũng có hai buổi họp khá quan trọng để bàn về đường lối văn nghệ sao cho thích hợp. Nhiều người trong buổi họp nêu ra tình trạng mất an ninh ở các miền quê. Có nơi các cán bộ VC về dạy hát cho các em thiếu nhi, khiến các em rất thích. Nếu chúng không ta đem văn nghệ về thôn xóm, chúng ta sẽ chịu nhiều thiệt thòi. Và văn nghệ không lúc nào cần bằng lúc này.

— Thế các buổi họp đó đi đến kết quả nào?

— Đi đến kết quả là phải có một đoàn văn nghệ tương đối lớn. Có người đề nghị đoàn phải thật lớn và trình những màn vĩ đại như hồi trước phái đoàn Văn Hóa Đại Hàn sang Việt-Nam trình bày vở « Con Cọp » (Le tigre). Có ý kiến lại cho rằng muốn gần với đồng bào hơn, chỉ nên có những đoàn nhỏ, lẻ tẻ, như ngay xưa, thời kháng Pháp. Anh Phạm Duy cũng có mặt, anh có góp ý là ngày trước khác, bây giờ khác. Một đoàn bé nhỏ sẽ bị « nuốt sống » ngay tức khắc. Vì tình trạng mất an ninh, vì giữa

một cảnh đen tối dày đặc, một đốm lửa nhỏ nhoi sẽ không soi sáng được gì. Ý kiến đó có vẻ hợp lý chứ ?

— Và như vậy quyết định lập một đoàn lớn ?

— Nói là lớn thì cũng không đủ tài năng và phương tiện mà làm. Cho nên đã quyết định thành lập một Đoàn không quá 60 người. Kề ra như vậy cũng là quá to tát đối với các thanh niên làm văn nghệ. Và, đề cho vừa có tinh thần trẻ, vừa có giá trị nghệ thuật, Đoàn sẽ thu nhận một số nghệ sĩ chuyên nghiệp. Đây cũng là một phương pháp dễ đạt kết quả và có lợi. Các thanh niên hăng say, có tinh thần sẽ học hỏi ở các nghệ sĩ kinh nghiệm trình diễn. Các nghệ sĩ sẽ tập được tinh thần tập thể của bọn trẻ. Thành ra, trước khi cảm hóa người, phải cảm hóa ngay trong đoàn trước đã.

— Còn về nội dung chương trình, trước đây chúng mình đã quyết định sẽ hoàn toàn mang tính cách dân tộc và mỗi đêm có một chủ đề, bây giờ có gì mới lạ không ?

— Thì buổi họp đồng ý hoàn toàn trên nguyên tắc đó, sẽ chỉ trình diễn những màn có tinh thần dân tộc mà thôi. Sẽ cố gắng soạn 3 chương trình khác nhau cho ba đêm ở mỗi địa phương :

Đêm 1 : Thông cảm (Trình diễn các màn hợp với ý thích của địa phương để gây cảm tình trước)

Đêm 2 : Thực trạng (Nói lên cái

đau khổ, tang thương của đất nước hiện tại)

Đêm 3 : Vượt tiến (Trong đau khổ có hy vọng, có ước mong và tin tưởng một ngày mai tươi sáng)

Đó là ba chủ đề chính yếu của ba đêm. Cần nhất là làm sao có sự hợp tác của văn nghệ địa phương nữa thì mới thành công.

— Chúng ta sẽ đi hẳn về nông thôn hay là chỉ trình diễn ở thành phố, vì về nông thôn mất an ninh lắm. Chúng mình đi được, nhưng còn các ca diễn viên liệu họ có chịu đi không ?

— Đây là một vấn đề quan trọng. Sau khi bàn cãi, mọi người có mặt đã đồng ý không thể về nông thôn được. Mặc dù chủ trương của chúng ta là tạo niềm vui, xoa dịu nỗi đau khổ của đồng bào và đặt lại niềm tin quốc gia dân tộc trong lòng mọi người, nhưng công việc ấy quá khó khăn đòi hỏi nhiều thời gian và cố gắng. Trong một mùa hè, chúng ta không thể nào làm được dù chỉ một phần nhỏ. Và vì thế, đối tượng của các đêm trình diễn sẽ nhắm vào thị dân và thanh niên tỉnh. Gây một phong trào trước đã, rồi sau này, các thanh niên ở đó sẽ tiếp tục công tác của chúng ta để về tổ chức các đoàn đi nông thôn.

B. nghe xong có vẻ hơi buồn. Cả tôi cũng buồn. Trong lòng chúng tôi vẫn mang những ước muốn thật to tát.

Làm gì thì muốn phải thành công ngay phải nhìn thấy kết quả ngay. Đồng bào chúng ta đang chịu cảnh khổ sở, đói rách do chiến tranh gây nên. Những người thân yêu dần dần ra đi. Những người ở lại sống vất vưởng trong bom rơi đạn lạc.

Tôi nhìn ra một góc phòng, một số người đang cúi đầu xuống một bản nhạc. Đề bắt giọng, chỉ có một chiếc guitare gỗ. Chúng tôi sẽ phải làm gì với một phương tiện quá nhỏ, với tài năng yếu kém, trước một công tác to lớn chừng ấy. Nhưng mà cũng phải bắt đầu chứ biết làm sao. Nếu đã bắt đầu được thì rồi sẽ làm được. Chúng tôi nghỉ thể và cố gắng bắt tay vào việc.

Buổi tập đầu tiên vắng vẻ và thê lương quá. Những mái đầu chụm vào nhau chung tiếng hát. Họ cố gắng giữ bè, cố gắng hát đúng giọng đúng nốt. Bài hát đang tập là bài Hòn Vọng Phu hợp ca 4 giọng. Số người đến tập có hơn mười người. Có bè chỉ có một người giữ giọng. Tôi nhìn họ với nhiều cảm tình. Họ sẽ là những người bạn của tôi trong tương lai trên bước đường qua từng địa phương. Những người tôi mới gặp, chưa nhớ tên, nhưng sẽ thân thiết. Đề mọi người hăng hái, tôi, người chỉ biết tổ chức, không biết hát, cũng nhập vào một bè

đề cùng hát với mọi người. Thật buồn cười, giọng tôi lên cao cũng không nổi mà xuống thấp cũng không được. Một thiếu nữ đã nhìn tôi bật cười, thẳng thắn bảo tôi:

— Ông hát bè này không được đâu, ông Trưởng Đoàn ạ!

Tôi gật đầu cười và không hát nữa. Tôi lại lắng đi cho họ tập luyện. Ph. là người lo về huấn luyện ca nói với tôi:

— Cậu phải cố mượn gấp cái piano thì tập mới có hiệu quả, Cần lắm đấy nhé.

— Đã hỏi mượn ở QGAN nhưng Giám Đốc trường bảo lên hỏi ông Giám Đốc Mỹ Thuật Học Vụ. Đề sáng mai tôi sẽ chạy lên xem sao.

Ph. lại trở lại với chiếc guitare, bắt giọng cho từng bè một.

Ngoài trời, mưa đã tạnh. Vài vì sao hiện ra lờ mờ, không khí ẩm ướt. Tôi cho mọi người về sớm. Con đường ướt, bóng, hun hút, lạnh lẽo. Những lo lắng vẩn vơ, kèm thêm một ít thất vọng. Chúng tôi đã bắt đầu từ một số không to tướng. Tôi nhớ nụ cười của cô bé hồi nãy:

— Ông hát không được đâu!

Buồn vui lẫn lộn trên con đường trở về. Tôi thấy lạnh.

VŨ DZŪNG.

(còn tiếp)



triade
antirhumatismale

CORBUTYL

traitement prolongé
des formes chroniques
ou subaiguës
des **rhumatismes inflammatoires**

2 à 6 dragées par jour
au milieu des repas

Flacons de 20 dragées
dosées chacune à :

Propriétés	en mg
Acide acétyl salicylique	150 mg
Amodiaquine	20 mg

Tableau A

L.S.H.

Kinh-tế nước nhà bị bội thực ?

NGUYỄN NHƯ

Kinh tế Việt Nam lúc này có thể ví như một người gày ốm, bỗng dưng có người mang lại cho cao lương mỹ vị, nhưng vì chân thì còn yếu nên chưa nuốt khỏi cổ đã sinh ra bệnh tật.

Nhờ những sự chi tiêu của quân đội Hoa-Kỳ và của chánh phủ, nhiều tầng lớp dân chúng lúc này kiếm được nhiều tiền. Số hàng hóa khả dụng trên thị trường không ứng phó kịp với mãi lực và nhu cầu gia tăng.

Những sự chi tiêu của quân đội Mỹ đã đưa đến hai hậu quả. Hậu quả thứ nhất là sự sụt hối xuất của đồng bạc, khi chánh phủ ta phải nhận đổi một đô-la đỏ bằng 118 đồng bạc Việt Nam. Như thế là ta có thêm một hối xuất, phụ vào các hối xuất 35đ, 60đ, 73đ.5. Chúng ta không được biết rõ thành phần của mỗi hối xuất là bao nhiêu trong tổng số các vụ giao dịch với bên ngoài. Chi phí của quân đội viễn chinh hay quân đội ngoại quốc đồn trú trên lãnh thổ thường được coi như những xuất cảng vô hình của quốc-gia tiếp nhận. Đối với Việt-Nam, trong khi ta không còn gạo dư để xuất

cảng và việc xuất cảng cao-xu bị sút giảm, số đô-la đỏ đổi theo hối xuất 118đ có thể là nguồn ngoại-tệ quan trọng nhất.

Hậu quả thứ hai là sự phá giá toàn diện. Từ đi một cuộc xe, mua một ít trái cây, một thước đá vụn đến mướn nhân công, thuê nhà, người Mỹ và các hãng thầu Mỹ đều trả giá cao. Trong điều kiện hiện tại, đó là một yếu tố lạm phát, khi ta hiểu lạm phát như tình trạng khối hàng hóa và dịch vụ khả dụng không tương xứng với khối lượng tiền tệ.

Cần phải nói ngay rằng bản chất các sự chi tiêu của quân đội Mỹ không có hạn. Ta nhớ lại trong buổi lễ ra mắt của chánh phủ hiện tại, quốc-dân đã được thông báo mức nguy ngập của số dự trữ ngoại tệ và vàng. Số đô-la do quân đội Mỹ đòi cho chánh phủ sẽ giúp ta trong một thời gian ngắn bồi bổ lại mức dự trữ suy kém ấy.

Bao nhiêu chánh phủ kế tiếp đã đề ra mục tiêu hữu sản hóa lao động nhưng đã thực hiện được những gì cụ thể. Ngày nay, những nhân công làm việc tại các cơ quan Mỹ lãnh số lương cao gấp hai, gấp ba trước kia ; họ sẽ dư tiền để mua nhà, mua đất, mua si-cút-tơ.

Như vậy, quân đội Mỹ chẳng giúp họ vươn lên giai cấp hữu sản, đúng với đường lối của chánh phủ hay sao? Cho nên người ta không khỏi hoang mang thắc mắc khi có người đề nghị nên yêu cầu các cơ quan Mỹ chỉ trả lương phải chăng cho hơn viên của họ mà thôi!

Cách đây hơn mười năm, mỗi ngày quân đội viễn chinh Pháp sai lối 1 tỷ quan cũ tại Việt-Nam. Thế mà chúng ta hồi đó không phải đương đầu với những khó khăn như ngày nay, nhờ sự nhập cảng dễ dãi — có thể nói là quá dễ dãi — hàng ngoại quốc.

Nhật-bồn đã nhờ những sự chi tiêu của quân đội Mỹ trong trận giặc Triều-Tiên để phục hồi khả năng sản xuất, canh tân các nhà máy. Sự thịnh vượng hiện nay của Nhật-bồn nhờ đó mà có.

Vậy trách những sự chi tiêu của quân đội Mỹ đã tạo ra tình trạng khó khăn ngày nay là xét đoán bất công và che dấu sự thiếu sót một giải pháp thích ứng.

Như trên đã nói, sự chi tiêu của chánh phủ và sự thiếu hụt ngân sách là một yếu tố lạm phát. Đứng về phương diện kinh tế, ngoài các vụ chi tiêu không có tính cách sản xuất, như kinh phí quốc phòng, duy trì an ninh, ta phải kể các vụ chi phí có tính cách « tiêm tiền tệ. » Biện pháp « tiêm tiền tệ » rất có ích để thúc đẩy một tình trạng kinh tế tri triệ ngộ hầu tận dụng khả năng sản xuất. Nhưng khi sức sản xuất không gia tăng hay không thặng dư, việc tiêm tiền tệ, dù có lý do chánh trị, công bằng xã hội chánh đáng, sẽ gây thêm sự chênh lệch giữa khối tiền tệ và hàng hóa, dịch vụ khả dụng, khiến

cho giá cả lên cao. Việc tăng mãi - lực trở nên vô hiệu và còn làm hại lây những nhóm có lợi-tức không thay đổi.

Nguyên do của nó vẫn còn và còn tác động mạnh hơn trong nhiều tháng. Theo các báo, quân số Hoa-Kỳ tại Việt-Nam, tháng 6 năm tới sẽ lên 250.000 người. Người ta còn đưa ra con số 400.000. Nghĩa là số lượng đô la đỏ và các vụ chi tiêu cho quân đội Mỹ có thể gấp đôi mức hiện tại. Song không có triệu chứng gì cho phép tiên đoán mức chi tiêu của chánh phủ Việt-Nam sẽ sút giảm.

Chúng ta cần đặt rõ một kế hoạch chống lạm phát, và dùng mọi biện pháp chống lạm phát. Khoa học kinh tế đã phân tách nhiều biện pháp cổ điển. Kinh nghiệm cận lai của nhiều nước đã chứng tỏ nhiều biện pháp hữu hiệu. Gần đây, tại Dalat, Giáo-sư Vũ-Quốc-Thúc đã đưa ra một số biện pháp khả dĩ áp dụng cho Việt-Nam. Sự quan tâm của của giáo sư Thúc đối với tương lai của đồng bạc chứng tỏ rằng Ông không quan niệm « sau ta là nạn hồng thủy ».

Khi đồng ý rằng tình trạng lạm phát hiện thời đầy nguy hiểm và nguyên nhân của nó còn tồn tại nhiều tháng, chúng ta không thể tự mãn với một vài biện pháp vụn vặt đã được công bố.

Trong việc nghiên cứu các biện pháp chống lạm phát, ta nên thực tế và tạm xếp lại nếu cần một số thành kiến chánh trị hay đạo đức bề ngoài.

Cũng nên tránh những mâu thuẫn. Thí dụ, trong khi hạn chế tới mức tối thiểu việc xuất ngoại du lịch mà tăng thêm số ngoại tệ cho du khách được đổi, với hy vọng nhờ họ sài giùm ít đô-la theo hối xuất 118đ. thì chẳng đi đến đâu. Khi chưa chắc có ai đặt vấn đề dùng nước trong hay nước đục ?

Chúng tôi không bênh vực gian thương nhưng nghĩ rằng trong điều kiện hiện tại, có xử tử hàng trăm gian thương thì lại để ra hàng chục hình thức đầu cơ buôn lậu mới lạ.

Có lẽ giới hữu trách lúng túng về vấn đề hối xuất 118đ. và e ngại hối xuất này sẽ thành thông lệ. E ngại như vậy rất phải và rất đáng khen.

Nhưng cơ quan quản trị việc mua bán đô la đỏ, phải hoạt động trong một vòng luẩn quẩn. Ai cũng biết khi ngân hàng trung ương bán ngoại tệ ra bao nhiêu thì khối tiền tệ lưu hành giảm đi bấy nhiêu. Nhưng ngoài bất tiện chính-thức-hóa lần lần hối xuất 118đ, các nhà nhập cảng có thể nhập cảng những loại hàng gì với hối xuất ấy để làm giảm bớt áp lực và nhứt là hạ giá trên thị trường ?

Hoặc giả chánh phủ sẽ không đặt việc đổi đô la đỏ trên căn bản thương mại mà coi hối xuất tự do 73đ5 như hối xuất cao nhứt. Cứ mỗi đô-la do nhà đương cuộc Hoa-kỳ đổi ra bạc Việt-Nam, chánh phủ sẽ trợ cấp cho họ bao nhiêu đó, để chứng tỏ với nhân dân và chánh phủ Hoa-kỳ sự đóng góp của nhân dân và chánh phủ Việt Nam trong sự gởi quân đội Mỹ sang nước ta. Đóng góp vì các đô-la sẽ bán lại

cho người cần dùng ngoại-tệ theo hối-xuất tự do. Khoản đóng góp này sẽ được ghi trong một chương mục riêng và sẽ thanh toán bằng các thuế đặc biệt đánh trên lợi-tức của những người được liệt vào hạng thụ hưởng chiến tranh, hoặc một đảm phụ đặc biệt khi hòa bình trở lại.

Thề lệ nhập cảng chế phẩm ngoại quốc nên nới rộng. Ta không nên quên rằng lúc này tàu bè trên các đường giao thông quốc tế không dư giả, phương tiện rõ hàng tại các hải cảng của ta còn thiếu sót, khiến cho các nhà nhập cảng phải chịu nhiều phụ phí. Quan tâm che chở kỹ nghệ bản xứ lúc này không cấp bách lắm. Với sự khan hiếm nhân công, cung cấp điện lực khó khăn, kỹ nghệ nội hóa không thể thỏa mãn số cầu trên thị-trường ; do đó sự nâng đỡ bằng cách hạn chế nhập cảng kém phần cần thiết

Sự phân biệt giữa hàng xa xỉ và hàng thiết yếu nên được linh động và bớt khắt khe, chớ quá nặng về đạo đức. Người ta há đã nói tiền bộ kinh tế là biến cái gì được coi như xa xỉ thành cần thiết. Trong lúc nước Đức, sau thế chiến thứ hai, còn quần quai trong bao nhiêu khó khăn, ông Ludwig Ehrard đã không loại bỏ các kỹ nghệ xa xỉ vì ông lý luận rằng những kỹ nghệ này cũng góp phần vào việc tạo lợi tức cho quần chúng, tức là giúp vào sự thịnh vượng quốc gia.

Trong lúc chỉ có rất ít người được phép du-lịch để xử dụng ngoại tệ, Viện Hối đoái có thể nghĩ đến việc tăng mức chuyên ngân cho sinh viên du học, vì chính

tại các nơi du học, giá sinh hoạt đã lên và số tiền hàng tháng ấn định trước đây không thích ứng nữa.

Đồng bào ta khi có tiền dư dật thường nghĩ đến mua nhà đất, vàng. Việc tung vàng ra thị trường là một việc phức tạp, nếu không có sự giúp đỡ của một hay nhiều nước bạn, chính phủ rất khó đơn phương hành động.

Nhưng chính phủ có thể bành trướng rất nhiều hoạt động của các cơ quan như Kiến-ốc-cục, Gia-cư-liêm-giá cuộc. Ai cũng biết giá đất lúc này rất cao và không ngừng lên. Những người mua đất cất building cho Mỹ mướn, những người kiếm được nhiều tiền quá dễ dãi lòng mua đất với bất cứ giá nào, khiến cho bao nhiêu chủ gia đình cần cù dành bắt lực nhìn theo hy vọng xây, tậu một căn nhà nhỏ biến thành mây khói. Cơ quan Gia-cư nên chỉnh trang những khu rộng lớn, có tiện nghi tối thiểu, phân lô, cung cấp kiểu nhà, xin cho nhập cảng dôi dào nguyên liệu xây dựng để thỏa mãn đòi hỏi của dân chúng. Cơ quan gia cư có thể thực hiện một số lời phải chăng. Giá đất hạ xuống tức là giá trị đồng tiền lên. Sự hạ giá trong nhiều khu vực, dù nhỏ bé, cũng sẽ có một ảnh hưởng tổng hợp rất tốt.

Sau hết, ta cần xử dụng những lợi tức mới và những số ngoại tệ to tát do sự hiện diện của quân đội Hoa-kỳ mang lại cho chúng ta để thực hiện những công cuộc đầu tư cần thiết, mang lại một sức sản xuất gia tăng và tân tiến, theo gương nước Nhật cách đây 15 năm.

Viết bài này, chúng tôi không nhằm mục đích duyệt lại tất cả các biện pháp chống lạm phát mà chỉ mong nêu rõ tính cách khẩn-trương khả dĩ kéo dài của tình thế cùng đả thông một vài bện rịn khả dĩ ngăn cản các quyết định chống lạm phát. Kinh tế Việt-Nam lúc này có thể ví như một người gầy ốm, bỗng dưng có người mang lại cho cao lương mỹ vị, nhưng vì chân tí còn yếu nên chưa nuốt khỏi cổ đã sinh ra bệnh tật. Thầy lang cần phải lựa chọn món ăn thích hợp trong khi chữa cho bộ máy tiêu hóa được cường tráng. Khi ấy, cao lương mỹ vị ăn sẽ ngon lành, con người sẽ phương phi, mạnh khỏe. Trái lại, nếu cố chấp tham lam ăn cho lấy được thì có thể nguy đến tính mệnh.

Coi thường sự hiềm nghèo là một thái độ nguy hại chẳng kém gì khoanh tay trước tình thế khó, hay dùng thuốc lang vườn khi mắc bệnh nặng. Trận mưa đô-la sẽ không tiếp tục mãi mãi. Chúng ta cần có kế hoạch vẹn toàn để nắm lấy thời cơ rất thuận tiện đương đến với chúng ta. Người Mỹ sang Việt Nam chắc không phải chỉ nhằm sự thắng lợi tại chiến trường. Chúng ta và những người bạn Mỹ chỉ thực sự thắng Cộng sản khi nào tái lập hòa bình, xây dựng một xã hội dân chủ và một nền kinh tế phong phú có khả năng cung cấp an lạc cho mọi tầng lớp. Nếu chúng ta bị ngộp vì nước lũ đô-la thì làm sao đạt được những mục tiêu tối hậu cao đẹp trên đây ?

NGUYỄN NHƯ

● DUY

MỘT GIẢI-PHÁP KINH-TẾ

Vật-giá càng chạy đua, các chuyên-viên kinh tế tài-chánh, trong và ngoài chính-quyền, càng nát óc để tìm những biện pháp chặn-đứng giá-cả điều - hòa thị-trường, chống đối gian thương.

Pháp trường cát, đô-la-đỏ, phiếu tiếp tế, giải-tòa ngoại-tệ để nhập-cảng, lập thí điếm để phân phối trực tiếp cho người tiêu thụ, không phải là những biện pháp vô-giá-trị, nhưng chỉ có hiệu lực hạn chế hậu quả của sự tai hại, chứ không diệt trừ được căn bệnh. Vì chúng ta chỉ giải-quyết đơn-phương trong khi có tới hai yếu tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng kinh-tế : Chính quyền Quốc-gia và Viện trợ Mỹ.

Mười năm trước, Viện-trợ Kinh-tế Mỹ lên tới 300 triệu Mỹ-kim một năm. Qua năm 1960, số lượng giảm đi một

nửa. Mức sinh hoạt khởi sự leo thang. Cuối năm 1963, Mỹ hứa sẽ viện trợ 600 triệu mỹ-kim một năm. Nhưng qua 1964, viện trợ thương mại chỉ tới mức 208 triệu mỹ-kim. Năm nay nếu có viện trợ hơn, cũng không hơn là bao. Và qua năm 1966, chúng ta lại được nghe viện trợ thương mại sẽ tăng lên 500 triệu mỹ kim.

Tóm lại, viện-trợ Mỹ còn thua 10 năm trước. Trong khi đó, vì tình hình chiến tranh, ngân-sách quốc-gia lên gần 50 tỷ bạc VN một năm, so với mức 15 tỷ bạc 10 năm qua. Sự hiện diện của quân đội Đồng-minh đã tạo ra biết bao nguồn lợi tức cho người dân Việt Nam. Tất nhiên có tiền thời phải tiêu thụ nhiều hơn. Nhất là những người thuộc tầng lớp lao-động, xưa nay vẫn thiếu thốn, không đủ ăn, không đủ mặc.

Ngân sách Quốc-gia thiếu hụt, chính phủ phải vay tiền của Ngân Hàng Quốc Gia. Dân chúng xài đồ mà không đủ đồ bán, tất phải mua đắt. Lợi dụng tình trạng này, Cộng sản lại cắt đứt đường giao thông, cô lập thị thành, đánh thuế hàng hóa vận chuyển từ vùng này qua vùng khác, khiến cho giá cả càng tăng lên gấp bội.

Nếu cơ quan viện trợ Mỹ, thông-cảm từ năm 1964, cho nhập cảng 400 hoặc 500 triệu mỹ-kim một năm, hoàn cảnh sẽ ra sao? Nói theo giọng một nhà văn quen thuộc trên báo hàng ngày thì Việt Cộng sẽ phải « khóc thét » lên.

Tất cả kế hoạch phá hoại kinh tế của Việt Cộng là làm cho nhân dân nghèo đói, bần-cùng khốn khổ, đi đến chỗ phá sản mà theo sang Cộng-sản. Nhưng các sự tiến triển về kỹ nghệ và nông nghiệp, sự chi phí của quân đội Đồng-minh, đã khiến cho lợi tức nhân dân VN tăng cao. Mãi lực tăng thời bốn hoặc năm trăm triệu mỹ-kim hàng hóa nhập cảng cũng được tiêu thụ hết. Quỹ đối-giá sẽ có gấp đôi tiền và Ngân sách Quốc-gia có tăng lên bao nhiêu, Chính-phủ cũng quân bình được Ngân sách. Các tầng lớp nhân dân không tầng lớp nào thiệt thòi cả. Giá cả đứng vững, thời các người có nguồn lợi tức không thay đổi, như công-tư-chức, cũng vẫn phong lưu, và các người lao động, các người cung-cấp sự-vụ, hàng hóa cho quân đội Đồng-minh, tất nhiên sung-sướng hơn. Với ảnh hưởng giầy chuyễn, một khi nền lợi tức Quốc-gia tăng cao tất cả mọi người đều được hưởng-thụ.

Đa số được sung túc, tức là kế-hoạch của Việt-cộng đã thất bại.

Giá cả không đứng vững, mà trong nhiều khu vực còn có thể hạ hơn mức năm 1962-63. Trong khi thiếu ngoại tệ nhập cảng, hàng hóa không bán được theo giá chính thức. Một thước vải nhập cảng 20 đ. thường bán tới 40đ. Thậm chí đến đệ-tứ quyền là báo-chí, có khi cũng phải mua giấy báo theo giá chợ đen (trường hợp báo Thần Chung chẳng hạn) và tệ đoan này không sao trừ-kử được.

Do đó, có những nhà nhập-cảng chỉ bán môn bài lại cho hoa-thương, mỗi năm cũng có vài triệu đồng chi tiêu, mà không phải làm việc. Nếu ngoại tệ dồi dào, không còn có chợ đen, thời giá cả sẽ hạ xuống ngay. Và cũng không có gian-thương nữa. Và những người có thiện chí, lương thiện, muốn hoạt động trong ngành thương mại, cũng có cơ hội để phát động hành nghề. Hiện nay không một nhà buôn nào được cấp thêm môn-bài nhập cảng. Giới nhập-cảng trở thành một giới độc quyền, và đằng sau họ là cả một hệ thống gian thương. Đã có một ông Tổng-Trưởng Kinh-Tế, lấy làm hành diện mà tuyên bố, trong nhiệm kỳ của ông, không một thương gia nào được cấp môn bài nhập cảng hay xuất cảng. Nếu một ông Tổng-Trưởng Y-Tế mà tuyên bố trong nhiệm kỳ, ông không cho phép thêm một y-sỹ, dược-sỹ mới nào hành nghề, chắc chắn người ta sẽ gán ông vào loại « cù không cười ». Nhưng

một ông Tổng-Trưởng Kinh-Tế mà không cho phép thêm người nào được hành nghề xuất nhập cảng, lại có vẻ thanh liêm lạ khác !

Nếu cơ quan Viện-trợ Mỹ cho đủ ngoại tệ để nhập cảng hàng-hóa, thỏa mãn nhu cầu của dân chúng, thời làm gì có chợ đen, có « đặc ân » và có những câu tuyên bố «cù không cười» trên đây. Mà anh Việt-cộng cũng hết giờ những trò, đòn cân, nã phá hoại vặt ra. Không cho gạo lên tỉnh ư ? Thì nhập cảng gạo. Không cho đem thịt rau trái cây thì nhập cảng thịt, rau, trái cây.

Với giá tiền 35 đồng V.N. một Mỹ kim, nhập cảng thứ gì, cũng có thể rẻ hơn hàng sản xuất trong nước. Và khi anh Việt cộng thấy phá hoại không ăn thua gì, tất nhiên anh sẽ không dám hãm sản phẩm ứ đọng ở thôn quê nữa. Nếu không nông dân không bán được hàng hóa, sẽ căm thù anh đến mức dám bỏ thuốc độc anh như bỏ bả chuột vậy.

Có đủ ngoại tệ, Bộ Kinh-tế sẽ cách mạng được lễ lối nhập cảng. Ngoài việc đã phá được tổ chức độc quyền môn bài nhập cảng, mà « quota » lớn nhất thường thường ở trong tay ngoại kiều, Bộ Kinh tế còn có thể làm mềm dẻo thủ tục nhập cảng, tránh cho nhân dân khỏi qua những thời kỳ giáp tiếp, thiếu hụt hàng hóa. Tỷ dụ như sữa, không bao giờ quá thiếu ngoại tệ. Nhưng mỗi kỳ giải tỏa, qua một tam-cá-nguyệt là có lúc khan hàng. Nếu bất chợt, nhu cầu tăng lên, Bộ Kinh - tế có giải tỏa thêm ngoại tệ, cũng phải bốn năm tháng sau mới có hàng qua. Thế là chỉ béo

mấy anh gian thương đầu-cơ tích-trữ. Nếu thừa thãi ngoại tệ, có thể cấp ngay một lần, trong một năm, một số ngoại tệ cho nhà nhập cảng vì sự cạnh tranh, vì không thể làm chợ đen, các nhà nhập cảng phải theo sát tình hình thị trường. Hàng sắp khan hiếm, họ phải lo nhập cảng hàng qua ngay để tung ra thị-trường. Do đó hàng hóa lúc nào cũng đủ cung ứng cho nhu cầu, và dân chúng hết lâm vào nạn « giáp hạt ».

Hàng hóa đầy đủ, giá-cả hạ, giá sinh hoạt hạ, mặc nhiên đồng bạc V.N. lên giá. Vậy «không đánh mà thắng», không cần bảo vệ giá trị đồng bạc Việt Nam, hóa ra đồng bạc Việt Nam cao giá. Việt Cộng lại thua thêm một trận đau đớn nữa. Phá hoại Kinh-tế thời làm cho thị trường tràn ngập hàng hóa. Định phá giá đồng bạc, lại khiến cho đồng bạc lên giá.

Bạc Việt Nam đã có giá trị, giá chợ đen sẽ xuống tới mức 75 đồng một Mỹ-kim. Khi đó, Chính phủ khỏi cần trợ cấp thêm cho đô-la đỏ nữa. Cứ cho trôi theo giá tự do, Công quỹ khỏi tổn thêm tiền đài thọ. Hiện nay, nếu mỗi tháng Chính phủ mua vào 10 triệu Mỹ kim đỏ, tức là phải trợ cấp thêm 345 triệu bạc V.N. Ấy là chưa kể nạn phải chạy kiếm cho ra 1 tỷ 180 triệu VN để đổi lấy đô la đỏ, và đổi rồi, thời không biết xử dụng ra sao. Bán lại cho dân chúng trên thị-trường chuyên-ngân tài chánh, theo giá 118đ. một Mỹ kim, thời chẳng tiêu thụ được bao nhiêu. Mà đem nhập-cảng hàng hóa theo hối xuất 35đ, thời phá sản hay sao ? Nếu đánh thuế cho cao để bù lại, thời giá-cả lại tăng.

Các sự lúng túng này sẽ tiêu tan hết nếu cơ-quan viện-trợ Mỹ, chịu thực hiện lời hứa giúp viện-trợ thương-mại 5 hay 600 triệu Mỹ-kim một năm.

Không những vấn đề đô-la đở được giải quyết, mà còn giải quyết thêm được vấn đề mặc cảm giữa binh sỹ Việt Nam và binh sỹ Đồng-minh. « Huynh đệ chi binh » mà mức sống khác biệt nhau quá xa, làm sao tránh khỏi những sự tủi hận, làm giảm bớt tình thương mến giúp đỡ lẫn nhau? Bạc Việt Nam lên giá sẽ có lúc đồng đô-la chỉ còn đổi được 60 đồng Việt-Nam và các người bạn ngoại quốc cũng đở phung phí tiền bạc, tiêu sài quá độ khiến cho chiến-binh quốc-gia phải ganh ghét.

Chỉ cần bà tiên già « Cơ quan Viện trợ Mỹ » gõ chiếc đũa thần, thực hiện đúng lời hứa viện trợ, là chúng ta sẽ thắng địch trận giặc Kinh-tế. Tại sao « bà tiên già » có phản ứng chậm trễ quá vậy? Lý do thứ nhất là một điệp-khúc mà dân Việt-Nam đã phải nghe từ nhiều năm nay: « Chúng ta sống trên các phương tiện của chúng ta », hay là « nghèo mà ham », đã lạc hậu, chậm tiến, lại cứ đòi xài rẻ xài sang. Lý do thứ hai là trong thời kỳ chiến tranh, phải hy sinh khắc khổ, phải thất lưng buộc bụng chứ. Sao đòi sống sung túc hơn, sao đòi tiêu thụ nhiều hàng hóa hơn?

Tội nghiệp cho chúng ta, thiếu sót cả một lý-thuyết kinh-tế trong chiến tranh chống du-kích. Nếu cứ áp dụng

Kinh-tế chiến-tranh thường, thời sao thích hợp với thể chiến chống du-kích?

Chúng ta cần phải quan niệm đứng đắn, về một lý-thuyết kinh-tế chống du-kích, rồi từ lý-thuyết đề ra những nguyên tắc căn bản đề tổ chức Kinh-tế trong các khu vực xuất cảng, nhập cảng, tiền tệ, hối đoái, vận chuyển, phân phối, kỹ nghệ, nông nghiệp. Khi nào chưa thống nhất được đường lối, thời hoạt động của Chính quyền và cơ quan Ngoại viện không thể phối hợp chặt chẽ, tình hình Kinh tế phải sáo trộn và chuyên viên Kinh-tế tài, chánh tài giỏi đến đâu chẳng nữa, cũng chỉ đưa ra được những biện-pháp vá vuiu, chớ không thể đem lại sự an lạc cho nhân dân, yếu tố cần thiết để trấn-tĩnh nhân-tâm và chiến thắng trận giặc Kinh-tế.

DUY

KỶ TÀI: Kinh Tế Du Kích Chiến

SÁCH MỚI

BÁCH KHOA vừa nhận được:

— **Xã hội và con người** của Trần-văn-Toàn, do Nam-Sơn xuất bản và gửi tặng Sách dày 290 trang, trong Tủ-sách Nghiên-cứu xã hội do G.s. Nguyễn-Văn-Trung chủ trương. giá 68đ.

— **Triết-học hiện-đại** của Trần Đức-Huynh do Tủ sách Ra Khor xuất bản. L.M. Trần-văn Hiên-Minh đề tựa và gửi tặng. Tác giả, L. M. Trần-đức-Huynh phóng tác theo cuốn « Les thèmes actuels de la Philosophie » của E. Bréhier gồm 14 chương, Sách dày 70 trang, giá 30đ.

Thanh - Tâm - Tuyên

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LẬY

PHẦN THỨ HAI

3 | Những buổi sáng ấy lạnh giá, sương mù. Dưới cửa sổ lũng thấp rừng thông trắng xóa mờ mịt không một tiếng động khe ; trong thình không sự di chuyển nặng nhọc của từng lùm gió dầy ướt. Những buổi sáng lúc nào cũng cũ xỉn, bất động, chết Hơn bao giờ tôi hiểu rõ cái đích của trí tuệ không ràng buộc là cõi chết, cõi chết. hun hút không cùng như sự mở rộng ngoài giới hạn của một ý thức chồn vờn không đối tượng. Cái ý thức tự ôm lấy mình, quay tròn theo một xuất ly tâm, muốn hút nhập mọi sự vật, sẽ hiện tuyệt đối một tự do trong một tự do trong suốt kỳ cùng ; nổi cảm nín xao xuyên như những cụm sóng găm gào giữa biển khơi, những đùn mây bay biển trên lưng trời. Tôi nhìn diện mạo của ý thức ấy qua Diệp đang kết thành. Gương mặt đắm thắm và hốt hoảng, nụ cười mơ màng che dấu ý nghĩ, cử động buông thả theo cảm xúc, những cơn thịnh nộ đột ngột của yếu đuối, bất lực và khao khát. . Diệp chính là hiện thân của ý thức ngông cuồng lúc khởi thủy sự sáng rõ muốn rút bỏ mọi ràng buộc, rút bỏ quá khứ để thực hiện nhưng bị đè nặng, trấn áp vì những sức lực vây quanh. Diệp chính là tôi, thân thể nàng là một phần của tôi, linh hồn nàng tôi đã quyến rũ để chứa chấp tôi. Tôi nhìn rõ buổi mai ấy, buổi mai chết lặng như từng mơ ảo tưởng, như một vết thương vẫn ngấm ngấm làm độc, buổi mai chết chứa trong nó cả một đời sống phải sống, một

tình yêu phải nhận. Chỉ còn hai chúng tôi nhìn thấy nhau như soi trong một tấm gương. Tôi nhìn cả cái bóng dáng tình yêu của chúng tôi.

Tình yêu của chúng tôi ? Không đúng, không thể gọi được như thế. Đó không còn là tình yêu, nó là một cái gì hơn thế nữa. Nó là một mối ràng buộc chỉ thất lại trong cõi chết, mối ràng buộc vô lý ở ngoài những giới hạn, nhưng ở cõi chết đó không có tình yêu và không thể có tình yêu phải không Diệp ?

Chúng tôi xuống tới Sài Gòn, trời vẫn chưa sáng hẳn. Phố xá như nhớp bần thiu. Tôi ghé về nhà trọ nhặt ít bộ quần áo, nghe tiếng còi xe lửa khởi hành trong ga. Tôi tự hỏi : Chúng tôi đi đâu đây ? Chúng tôi đang làm gì ? Diệp cũng không biết, nàng chỉ biết trong túi sách của nàng mạng theo hai chục ngàn đồng lấy trộm của gia đình, tiền để nàng sắm sửa đám cưới. Trong cái ánh sáng bần của buổi mai dưới mái hiên bên lề đường, Diệp đợi tôi với gương mặt thất thần bệnh hoạn. Nàng cười dơ tay vẫy, gắt gỏng, cắn nhần, chảy nước mắt thờ dài, ngó tới ngó lui ngoài phố, thúc dục :

— Đi đâu giờ ? Trời sáng rồi... Ở đây thế nào cũng có người ngó thấy.

Tôi buồn ngủ muốn chết và tôi nghĩ chúng ta nên đi xa. Và chúng tôi lại lên xe. Ngồi giữa người tài xế và tôi, Diệp gục đầu vào vai tôi thiếp đi, còn tôi không thể ngủ được. Tôi dương cặp mắt mỗi một nặng trĩu, ngó con đường sáng lặn trước mặt nhiều lúc bị rút sâu vào giấc ngủ nhưng vẫn trôi lên thoát. Xe đỗ lại trạm nghỉ, hành khách xuống hết, chúng tôi vẫn ngồi im tại chỗ. Bắt đầu từ đây, chúng tôi sẽ leo dần lên cao. Trong cánh rừng dài mát mẻ trước khi lên đèo bướm đại bay nhớn như trước mũi xe ngã đập lả tả vào mặt kính, Diệp tỉnh vậy, chúng tôi cùng ngó xuống những thung lũng sâu thẳm xanh rờn dưới chân đèo, những dốc núi dựng choáng tầm mắt cây cối nhỏ ly ty. Diệp mỉm cười xanh tươi như cây lá. hỏi: Chúng ta đi đâu đây ? Tôi bảo : Bây giờ đến phiên tôi ngủ. Diệp quàng tay đỡ lấy đầu tôi. Con đường lên xuống, ngoằn ngoèo, qua hết cả buổi sáng. Tôi nghĩ lặng lẽ dịu dàng : Thuận vẫn còn ngủ trong nhà, đợi Hiệp trở về. Buổi sáng này Hiệp cũng thức dậy sớm, trong một buồng lữ quán không kỷ niệm, nhìn qua cửa sổ thấy bãi biển vắng hoe và nghĩ đã đến lúc phải về với Thuận. Hiệp mở cửa vào nhà đứng nhìn Thuận thiêm thiếp trong cơn sốt, tôi vẫn nhắm mắt hỏi : Chị Thuận không chết phải không Diệp ? Có lẽ Diệp không nghe thấy, rồi tôi ngủ quên hẳn. Khi tôi tỉnh dậy, tay bắt đầu lạnh, nghe hơi nóng tỏa trong thân Diệp truyền sang, xe đang bắt đầu leo con đèo cuối lên thành phố và trời âm u như trong buổi chiều. Tôi ngó lên dòm mấy nét mặt Diệp sững sờ như một tượng đá. Chúng tôi đang đi đâu ?

Có phải chúng tôi bắt đầu một cuộc tình ? Thuận đã nói với Diệp : người đàn ông tìm một điều gì khác qua tình yêu. Lúc này tôi nghĩ với tôi, tôi tìm chính tình yêu, tình yêu đích thực như một sự lựa chọn khởi đầu. Nhưng trong khung cảnh đời sống quen thuộc nhàm chán, cái người ta gọi là tình yêu chỉ là một sự níu kéo trở lại những gì muốn rút bỏ, từ chối. Tôi muốn một đời sống khác. Có phải chúng tôi đang đi tới đời sống ấy chăng ?

Không mục đích, chúng tôi đặt chân xuống thành phố chưa một lần nào nghĩ tới. Tôi tự hỏi : Tại sao lại chọn nơi này ? — thành phố nghĩ mát sang trọng và trường giả. Cái chết cũng là một thói trường giả chăng ? Tôi chỉ có ý nghĩ bỏ đi thật xa. Và đây là nơi xa xôi nhất trong trí tôi ư ? Thành phố hợp với Diệp, với những ý nghĩ lãng mạn của nàng. Diệp được chết làm kẻ tình nhân say đắm, nằm lại trên một ngọn đồi nghe gió trong những rừng thông xa gần và những đôi trai gái tới thăm mang theo hoa phủ lên mộ nàng mà thề thốt. Diệp được sống những ngày rũ bỏ sạch quá khứ và tương lai, sống trước cái chết của mình trong mộng tưởng ở giữa cảnh vật đồng lỏa, Diệp dẫn tôi vô chợ, mua áo lạnh cho hai đứa. Nàng ngửa cổ cười, mắt khép nhỏ, ngắm thử áo cho tôi, nói :

— Anh biết chúng mình lên đây làm gì không ? Anh biết chứ...

Con người đen lầy của Diệp tia ra những ánh sáng tiết lộ ý định thầm kín của nàng. Tôi rùng mình gập lạnh, cái chết vẫn ấp ủ thần trí tôi từ ngày lớn lên nhưng chưa lúc nào nó mở tay choàng siết tới như thế. Chưa đầy tuần lễ, chúng tôi dời ba chỗ ở. Đầu tiên là một lữ quán, một biệt thự hai tầng có vườn rộng um tùm, đêm Diệp nghe tiếng chân bước ngoài hành lang, tiếng lá rụng lán dưới sân và sợ hãi. Nàng dong đèn ngồi bó gối trong chăn, bắt đầu nói chuyện. Tôi kể lại những cảm tưởng khi nhìn thấy nàng lần đầu tiên trong hành lang nhà giam qua hàng rào sắt, tôi đã nằm áp mặt trên nền si năng nhấp gần cửa để được ngó nàng; tôi hỏi nàng còn nhớ những ngày ấy không và nàng lắc đầu bảo không thích nghe những chuyện ấy. Tôi lại hỏi hỏi ấy vì sao nàng có ý định bỏ ra Bắc, nàng đáp : « Em không có ý định nào hết. Em nghe lời ông Hoanh. » « Bây giờ em nghe lời ai » « Ông Hiệp và một người nữa.. » « Không khi nào em nghe lời anh sao? » « Không khi nào ». Chiều bữa sau ngoài phố trở về nhà trọ, chúng tôi gặp dưới buồng khách một đôi vợ chồng mới cưới. Họ làm quen hỏi chuyện, làm tưởng chúng tôi cũng đang hưởng tuần trăng mật như họ. Người chồng cười khi nói : « Lạnh quá há. Chúng tôi lên đây gần tuần lễ rồi. Đi chơi hoài 2 đứa bắt đầu buồn. Gặp anh chị có bạn may ra tụi tôi ở thêm được vài bữa nữa.. Ngay khi lên phòng Diệp nhất định bỏ đi mượn chỗ khác.

— Em không muốn gặp ai hết.

Chúng tôi tới một khách sạn sang ở trung tâm thành phố. Hành lang dài thẳng bí bùng ảm áp; khách sạn lớn rộng ba tầng nên khách trọ chỉ trông thoáng thấy nhau xa xa. Đóng cửa phòng lại, cả ngày không nghe một tiếng động nhỏ. Liệp sợ cái không khí im lặng rình rập đầy bất trắc. Suốt ngày chúng tôi bỏ đi trong thành phố, đứng bên hồ xem người câu cá, cưỡi ngựa, vào quán ăn cơm. Buổi chiều chúng tôi lạc đến những vùng xa trung tâm, đứng trên các mô gò cao nhìn xuống những vực sâu, thành phố lạ mặt lỏ xô khi quay mặt lại. Đêm đến Diệp cũng vẫn không ngủ được, nàng sợ ánh đèn sáng tinh như trong nhà thương, sợ những bóng ma ở bên ngoài. Tôi không còn chuyện gì để kể, tôi chỉ còn những câu hỏi. Và tôi hỏi Diệp như tra vấn. Diệp khóc, tức giận, gầy gò, cào cấu :

— Anh tàn nhẫn. Anh khốn nạn Vô nhân đạo.

Tôi cũng la lên, gây tiếng động, đôi lúc tôi muốn đánh đập nằng. Nhưng tôi bình tĩnh lại được. Diệp khóc, nói một mình tưởng tượng cảnh ba má nàng đang nhao nhác tìm kiếm nàng khắp nơi và nàng nguyên rủa tôi ác độc. Tôi nói :

— Không phải tôi. Chính cô, cô muốn như vậy. Cô nhận lấy. . . đừng đổ vấy trách nhiệm.

Và tôi tới mở cửa sổ đứng nhìn rừng thông tối xò xạc, nhìn bầu trời kín gió mờ mờ. Cho đến khi Diệp kêu lạnh, bảo tôi đóng cửa, Diệp mệt và ngủ thiếp. Tôi thức đợi sáng, nhìn Diệp ngoan ngoãn yếu đuối úp mặt vào vai tôi, thấy tất cả cũng chỉ là trò chơi của cái ý thức ngông cuồng tự bôi xóa bởi đã nhận dạng được mình. Tình yêu cũng chỉ là sự toa rập với nỗi chết lớn lao trong đáy cùng của hữu thể. Vậy thôi.

— Tại sao anh không yêu em ? Đến chừng nào. . . đến chừng nào nữa. . . Trí.

Thân thể Diệp như phủ đóng một lớp băng mỏng trong tay ôm nhưng không ngăn nổi hơi ấm thắm thì cửa đục tinh Buổi sáng trắng bệch trên khung cửa kính như một nụ cười dài mệt mỏi. Tôi ôm Diệp, nghĩ đến Thuận; tôi lại nghĩ chị đang đi trong buổi sáng trong mát hơn bên bờ sông trông sang xóm làng bên kia bờ nơi đó chắc chắn trong những ngày tới sẽ lại đầy động những tiếng súng nổ; tôi đã bảo với chị, tôi ở đó từ ngày nhỏ và tôi lớn lên, tôi muốn bỏ đi, Hiệp cười bảo ; Làm thế nào hơn được ? Phải không Trí ? Thuận đã chết, chết thật, và Diệp cuốn tròn trong tay tôi.

— Tại sao anh không yêu em ?

— Anh yêu em. Và cũng không hơn gì...

— Chúng mình sẽ chết, chết ở trong hạnh phúc.

Không phải, đó là chuyện của người khác, người khác sẽ cảm động mà nói như vậy: Còn anh ? Anh biết rõ, không phải. Thân thể của Diệp mở ra như một vòm cửa tối đón tôi vào. Vòm cửa đó dẫn đến một khúc sông lặng lẽ tuyệt mù dưới một bầu trời nhạt không chuyển động, nơi đó chúng tôi kêu gọi tên nhau và nhìn thấy nhau.

Chúng tôi lại đi đến một khách sạn khác ở một khu vực xa hẳn trung tâm thành phố. Tòa nhà nằm rải rác trên một ngã ba dốc, trong một đoạn phố với mười nhà ở và những biên thực lùi sâu tận mác trong rừng cây. Theo con đường ngắn dốc sạo, chúng tôi xuống tới một cái hồ hoang vu có đường đi quanh dưới chân các ngọn đồi rải rác cát biệt thự. Mặt hồ sáng dưới một bầu trời như một lỗ hồng giữa vùng cây cối bao quanh. Buổi mai từ trên cửa sổ nhìn xuống phố thấy một vài đứa trẻ nhỏ đùa giỡn trong hiên, những người cơ ro đi tới bến xe đậu gần đấy lên phố. Diệp bắt đầu quen với cảnh khuất tịch, chúng tôi ăn cơm ngày tại khách sạn

Đề chờ bữa ăn và đêm tối, chúng tôi xuống hồ hoặc đi quanh vùng trên những bãi cỏ, giữa các gốc thông, trong vườn hoa sắc sỡ của cái biệt thự hàng rào lỏng lẻo không lo gặp người. Tôi nghĩ chúng tôi đang giống như Hiệp và Thuận : hai cái bóng lạng lẽ trong một thành phố lạ.

— Chị Thuận, hừ Chị Thuận, Anh không biết gì hết. Chuyện đó có thật. Chị Thuận. Cô ta là vũ nữ, vũ nữ đó anh rõ chưa ? Cô ta lấy một người bạn thân của ông Hiệp... Chồng bị bắt, cô ta theo luôn ông Hiệp. Ông Hiệp ở chung một nhà. Ba người ở chung nhà với nhau. Thứ đàn bà đó ... anh mê lắm. Em, em cũng không ngờ đó. Nhưng chính anh Hai em bữa đó về chơi gặp nói em mới tin Anh Hai em đã một lần mê cô ta ở Saigon Hải, tại sao bọn đàn ông ưa mê những người đàn bà như vậy ? Ông Hiệp đứng đắn, đàng hoàng chứ... Người ta kính nể ông. Ai ngờ ông lấy vợ khác mà lại lấy vũ nữ.

— Vũ nữ. Chuyện đó đâu quan hệ gì.

— Sao lại không ? Anh cũng bị mê hoặc mà ... Thứ đàn bà đáng sợ. Em tiếc chưa nói với cô ta : tôi biết hết rồi, đừng giả bộ, không che mắt được ai đâu. Cha, trông người thiệt không ai dám ngờ.

— Em có tin chắc không ?... Mà dầu thiệt, em cũng vẫn không thề... Chị ấy vẫn tốt với em mà...

— Tại sao vậy ? Tại sao lúc nào anh cũng chỉ kiếm cách buộc tội em thôi... Không ai có lỗi hết, chỉ mình em gây chuyện thôi phải không ? Phải, chị ấy vẫn tốt nhưng vẫn là vũ nữ... Vũ nữ anh nghe rõ chưa ?

Diệp tái xanh mặt, môi lay bầy, nước mắt đầm đìa. Nàng ngồi xuống bờ cỏ, ôm lấy hai đầu gối, người run rẩy, một cách bất thường. Một lát, nàng gục đầu xuống ụm đất, rồi nằm ngửa lên cỏ, ngực giật từng nhịp như động kinh, mắt nhắm khít. Tôi hãi sợ ngồi xuống cầm lấy bàn tay nàng lạnh ngắt như đã chết và gọi : Diệp, Diệp em có sao không ? Buổi chiều còn sáng trên mặt hồ nhưng trên đồi cây xa đã mờ tối thoáng hiện khung cửa sổ sáng đèn.

— Thật không anh ? Anh có biết chút gì không ? Nói em nghe...

— Không. Anh không biết gì cả. Anh cũng chỉ nghe nói nhưng anh không tin: Anh cho là không quan hệ.

— Tại sao ? Anh có tin rằng em đã chạy mua thuốc cho chị ấy, em đã rót nước đã dặn dò chị ấy đừng làm bậy, và em đã khóa trái cửa, liệng chìa khóa vô nhà ? Anh có tin không ? Cái đó có quan hệ không ?

Diệp vẫn nhắm chặt mắt, phờ phợt trên cỏ ướt. Sau lưng chúng tôi có tiếng gọi của trẻ nhỏ ở trên cao, và tiếng kêu gọi của con chim đêm vỗ cánh bay lên.

— Phải chị ấy vẫn tốt mà emỡ hại chị. Dù sao cũng chính tay em đã nhúng vào trong cái chết ấy. Em không thề chối cãi được. Em không thề nói khác được.

Mà tại sao chị ấy lại tốt? Một người vũ nữ... Anh biết chứ... làm sao có thể tốt được. Em nhớ có lần chị ấy đã tỏ ý nghi em với anh Hiệp. Chị ấy nghi em yêu anh Hiệp cũng như anh nghi vậy. Em quý anh Hiệp, em chỉ quý trọng ông thầy của em thôi...

— Có thể chị ấy không chết... Biết đâu đấy. Có thể lắm chứ.

— Em tin là chị ấy chết. Trừ phi anh Hiệp về kịp. Cả đêm anh ngồi canh chừng ở đó mà, Chị ấy chết. Không có cách gì làm sống lại được Chính em, em cũng muốn cho chị ấy chết bởi em cũng thương,.. Tại sao em lại thương. Trước sau anh Hiệp cũng bỏ chị, chị ấy nói với em như vậy. Không thể giữ được. Chị ấy không nói với em là chị ấy là vũ nữ...

Diệp thở hơi hóp, từ từ hé mắt. Tôi cúi mặt xuống nhìn, chính tôi cũng đang nhìn Diệp chết, không hề tìm cách ngăn cản. Tôi mỉm cười. Những tiếng chó sủa ran chạy đuổi trong đám cỏ cao. Đôi mắt của Diệp sẫm đen, bất động. Gió thổi lao xao, Diệp ho bật nảy người dậy. Tôi bật cười thành tiếng kéo mạnh Diệp đứng lên. Trò chơi quá mệt, chúng tôi đã biết nơi hò hẹn của mình mà còn mãi trững rỡn.

— Em còn gì phải lo sợ nữa...

— Không, em không sợ. Em nghi thương ba má em.

Chúng tôi trở về, lạc trên các đường mòn bị bóng tối bữa vậy, len lỏi giữa đám cỏ, càng lúc càng sâu trong rừng cây chi chít và phải tìm hướng có ánh đèn tiến tới. Chúng tôi leo lên mãi và khi thoát khỏi đám cây cối, chúng tôi đứng ở sau lưng khách sạn.

Diệp ngã bệnh, khi về đến buồng sau bữa ăn. Cơn sốt nóng như lửa đốt hành nằng trọn đêm. Tôi không biết làm gì hơn là ngồi canh chừng nằng, xung quanh, không có tiệm thuốc. Tôi đã xuống dưới đường, dò dẫm mấy căn nhà hai bên đóng kín cửa thấp đèn, nghe gió lùa từ những lũng thấp tối đen tê buốt mặt mũi. Không còn xe đê lên phố, con đường không thể nào đi chân. Tôi xin được mấy viên thuốc cảm của gia đình chủ nhân khách sạn cho Diệp uống nhiệt độ cũng không thuyên giảm. Tôi đành ngồi nhìn, ủ chắng kín cho Diệp, lâu lâu rờ lên trán nằng nóng như một lò than. Diệp mê man, rên rĩ, nói sảng; tôi kêu Diệp nhưng nằng không hay không biết. Nửa đêm, cơn sốt thuyên giảm. Diệp tỉnh lại được đòi uống nước — Chai nước chín lạnh như trườn đá. Mồ hôi vã ướt làm tay chân Diệp giá băng, và tôi phải xoa bóp cho nằng, Diệp mỉm cười ngủ thiếp, tôi nằm xuống bên cạnh nhưng vẫn đề đèn sáng. Một lát tôi giật mình choàng thức, ngó sang Diệp. Cơn sốt lại trở nên dữ dội hơn. Tôi nhìn đồng hồ mới chỉ ba giờ sáng và bước đến bên cửa kính nhìn ra ngoài. Tôi đứng mãi nhìn đêm tối, đợi sáng. Một lúc tôi phân biệt được màu trời và rừng cây, trời tưởng như mặt đất và cây tối sâu như vực thẳm. Dưới vực thẳm dần dần hiện lên những hình thù quái dị,

màu nhạt hơn : những mái nhà không đều hàng, cái cao cái thấp. Con đường dốc giữa màu cây thấp xa như một con suối đứng im. Trên mặt kính, bụi nước bám mờ, chảy thành giọt. Hơi thở của tôi tỏa thành khói trắng, da tay và mặt căng như muốn nứt. Đèn trong phòng sáng rực như ánh thủy tinh. Sương rơi xuống lúc nào trắng mịn cả một vùng.

Tôi quay vào, sờ trán Diệp thấy mát mẻ lạ thường. Bàn tay lạnh khiến Diệp tựa mình quẩn quại nhưng không thức dậy. Tôi khép cửa phòng đi lên phố. Tôi leo lên một chuyến xe chưa có khách ngồi đợi, ngủ gà gật. Xung quanh không nghe tiếng động, sương phủ im cảnh vật. Lâu lắm tôi nghe tiếng cửa xe mở, người tài xế già người phòng đầy quần áo và khăn lên ngồi trước tay bánh hút thuốc. Tiếng chân bước lạo xạo, vài ba câu nói ngắn im trong màu trắng đục. Tiếng máy nổ mười phút để đuổi bớt hơi lạnh. Vài ba người khách nối nhau lên xe, im lặng. Hai thiếu phụ mang giỏ đi chợ, bốn đứa học sinh, hai người đàn ông thì thầm bàn chuyện to nhỏ... Xe phải bật pha chạy. Xuống đến chợ, tiệm thuốc chưa mở cửa, tôi lang thang kiếm chỗ điểm tâm. Trong tiệm thuốc tôi hỏi cô bán hàng thứ thuốc cảm nào mạnh nhất, uống công hiệu ngay. Cô kể mấy tên thuốc để tùy tôi lựa chọn, tôi nhờ cô chọn dùm theo kinh nghiệm chuyên môn của cô. Ra khỏi tiệm thuốc tôi phải đi chân trở lại bến xe. Và tôi nghe như có người gọi sau lưng : Anh, Anh. Tôi quay ngoắt lại nhìn người thanh niên lạ mặt đang tươi cười chạy tới. Hắn mang mắt kiếng đen vận âu phục, nói tiếng Bắc :

— Anh để tôi nghỉ một phút. Tôi sẽ nhớ ra tên anh. Huỳnh văn Trí phải không?

— Huỳnh minh Trí. Anh Minh, à, anh Minh. Tôi đã gặp anh ở...

Minh sung sướng hả hê một cách lạ lùng, hắn ôm lấy tôi như một người bạn thân và rủ đi uống nước nói chuyện ăn mừng. Từ chối bảo bận việc phải về gấp. Hắn không chiu, nói trong ngày như hôm nay không thể còn việc gì gọi là bận. Tôi ngỡ ngác không hiểu nổi thái độ của Minh. Hắn nắm cánh tay tôi nói : Phải ăn mừng cách mạng, anh chưa biết cách mạng rồi sao. Tôi nghĩ Minh điên, người qua đường ngoắt chúng tôi bằng cặp mắt tò mò. Hắn kéo tôi đi, nói luôn miệng, chắc tôi không nghe ra đi ô, hai giờ sáng hôm qua dưới Sài Gòn, quân đội đã vây dinh Độc lập, cả ngày hôm qua quân đội đã làm chủ thành phố... Tôi đưa mắt nhìn quanh cảnh phố xá, vẫn chỉ thấy người qua lại, mua bán, không có vẻ gì khác.

— Tôi đã nói với anh ngày ấy... không hiểu anh còn nhớ không ?

Chúng tôi tin tưởng thế nào cũng phải có ngày hôm nay... Tôi không rõ anh đã thay đổi ý kiến chưa, nhưng anh phải nhận rằng chúng tôi không phải chỉ là những người như anh tưởng.

Minh đưa tôi vào trong quán cà phê các bàn đều chật toàn thanh niên. Mọi người đều đang bàn tán đến cuộc đảo chánh dưới Sài Gòn và chờ nghe tin tức ở máy phát thanh. Minh nói với tôi hắn đã mua vé xe về Sài Gòn và hỏi tôi có về cùng không, hắn nói lúc này cần phải có mặt ở Sài Gòn. Tôi hoang mang không

nói được tiếng nào, ngồi ngây mặt nghe những tiếng hỗn độn vây quanh. Minh vẫn nói huyền thuyên với tôi về những chuyện đã nói ngày gặp nhau trong trại giam. Một thoáng tôi nghĩ không hiểu Hiệp đang ở đâu, tôi có thể bắt đầu làm được cái gì chẳng? Diệp đang chờ tôi trong khách sạn, nàng uống thuốc và sẽ khỏi... Chúng tôi sẽ... Bỗng dưng tôi nghe rớt vào giữa một khoảng nín lặng kỳ lạ. Từ trong máy phát thanh, một giọng nói nặng nề quyền uy đè dần trên đầu Minh cúi xuống thấp, tiếng nói lao xao quanh các bàn. Tôi muốn cười lớn phá cái không khí ngột ngạt đặc khói thuốc. Minh đứng lên đi ra cửa trong lúc điệu quân chặc trời lên lạnh nhạt. Tôi ngó xuống bàn, nhặt gói thuốc mua cho Diệp, thấy chúng tôi chưa kịp uống gì. Minh đón tôi ngoài hè, cười gương, gương ngưng. Tôi nghe tội nghiệp cho hẳn và bảo: Bây giờ chúng ta có thể đi uống cái gì cho đỡ buồn. Chúng tôi lại bước vào quán kế cận, gọi rượu uống, tôi nhắc lại câu của một đứa bạn học cũ ở tỉnh: Uống rượu buổi sáng mới thấm thía đã đời. Ngày sau, Minh mới hỏi tôi:

— Anh lên trên này làm gì? Lấy vợ rồi hả?

— Không. Tôi đi tìm cái chết với người yêu.

Minh cười khà khà vì câu nói hài của tôi.

— Đến khi nào chúng mình có thể gặp lại nhau?

— Chừng nào hả?... Tôi ghé tai Minh thì thầm. Chừng nào có một cuộc cách mạng nữa.

— Thế thì còn nữa...

— Sợ lúc ấy, tôi chẳng còn...

Minh bá lấy vai tôi cười sặc sụa chảy nước mắt. Minh kêu thêm rượu hoài, tôi phải cố kềm giữ cho tỉnh, tôi nhớ Diệp đang đau nằm đợi tôi trong phòng. Tôi phải trở về với nàng, cuộc hẹn hò của chúng tôi không thay đổi. Ồi, sì, cách mạng. Sự thất vọng này làm thành tuyệt vọng cũng chỉ thêm một cái có của cái ý thức đang rã mướt. Tôi trở về với Diệp chứ. Tội nghiệp. Tội nghiệp tất cả mọi người. Thuận, Hiệp, Diệp này, Minh này... Tội nghiệp cả tôi nữa. Tôi chưa hề bao giờ thương tôi cả. Thật là khốn kiếp. Ngoài trời nắng đang già trên nóc chợ. Người bứt rứt như kiến cắn. Bước ra khỏi quán, Minh còn nhất định không buông tha tôi:

— Anh về với tôi. Chốc nữa mình lại uống nữa...

— Không. Tôi không thể để nàng chết cô độc được...

— Anh sướng hơn tôi rồi. Bao giờ gặp lại nữa?

— Lần cách mạng sau hay không bao giờ?

Minh lại cười ngoặt ngoẹo và tôi bỏ đi bằng qua đường xuống bến xe. Chuyển xe trở về chạt ních, không chỗ ngồi, tôi đứng níu cửa sau xe nhiều lần tưởng muốn

nhào lặn xuống các vực dốc, nhờ nước miếng tung tóe vào trong gió. Anh lơ choàng tay giữ lấy tôi và cười bảo : **Khỏi lo. Tôi vào đến phòng : không còn Diệp trên giường. Tôi lắng nghe tiếng nước chảy trong bồn tắm, lên tiếng gọi Diệp. Rồi tôi không giữ được nước, ngã xuống giường, mửa thốc ra sàn, thở hào hển và ngủ vùi. Lúc tôi tỉnh lại được, miệng khô đắng, đầu nặng nhức, tôi tìm nước uống. Nhìn qua cửa Kính trời đã hết nắng, cây đứng im dưới một màu trời thiếc xỉn không rõ giờ giấc. Vẫn không có Diệp. Tôi ra khỏi phòng xuống đường, đi theo lối dốc men xuống hồ, cất tiếng gọi : Diệp ơi. Tôi nghe tiếng khàn của tôi vang lên một cách vô lý. Tôi thôi kêu, ngồi xuống ven hồ, đầu óc trống rỗng. Diệp đi đâu ? Diệp đã tới nơi hẹn trước tôi rồi. Giờ đang vào chiều và nàng lạnh biết mấy. Người ta sẽ tìm thấy nàng. Tôi có chạy kiếm cũng không kịp nữa. Tôi trở lên đường, ghé tiệm tạp hóa mua hộp dao bào, trở về khách sạn. Người trong khách sạn dòm tôi bằng cặp mắt dò xét thấy tôi đi trơ trọi. Trong phòng, ngọn điện thắp từ đêm trước vẫn còn cháy. Cái sắc tay của Diệp còn trong tủ. Tiền chúng tôi tiêu mới hết một nửa. Chai nước chín đã cạn sạch. Trên gối còn vương mấy sợi tóc rối của Diệp và hơi nồng trên dấu trứng. Diệp đã đi xuống những lối dốc gai góc một mình, nhìn ngọn thác đổ ào ào trên các phiến đá nhẵn. Làm sao Diệp đã tới được nơi ấy ? Ở đó Diệp đứng cho đến khi run rẩy, biết không thể nào còn sức leo ngược dốc để trở về. Diệp đứng đó cho đến trời tối... Phải không Diệp ? Người ta sẽ tìm ra Diệp, tôi, tôi phải đến nơi hẹn với nàng.**

Tôi sách chai vào buồng tắm, hứng nước trong vòi, uống hết ống thuốc mua cho Diệp. Những viên thuốc nghệt vướng trong cở và ngực khó chịu. Rồi tôi nằm trên giường, kéo chăn đắp, mở lưỡi dao bào. Lưỡi thép mềm mỏng, mát lạnh. Tôi mím môi, nhắm mắt, nói trong đầu : Trí, đây là trò chơi cuối cùng của ý thức. Mà không điên, không bao giờ điên cả. Tội nghiệp,

Xong tôi nằm ngửa, đầu tay vào trong chăn mím cười. Trí, ngọn đèn vẫn còn cháy sáng và hình như cửa phòng chưa đóng. Người ta sẽ tìm thấy Diệp như đã tìm thấy Thuận. Và Trí này không điên, không điên...

(còn tiếp)

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin chị PHẠM-THỊ-SÂM sẽ làm lễ thành hôn với anh PHẠM-HẢI-NAM vào ngày 8-12-1965, xin chân thành chúc mừng tân giai nhân và tân lang trăm năm hạnh phúc.

**Ông Bà Lê-Ngô-Châu,
Bà Nguyễn-Đình-Dung,
Cô Nguyễn-Thị-Tuyết
và Nguyễn-Danh-Sơn.**

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hội nghị lần thứ ba của Cộng-đồng các nhà văn châu Âu, tại Roma tháng 10-65

Trong ba ngày liền trung tuần tháng Mười 1965, Cộng-đồng các nhà văn Châu Âu, gọi là COMES (tiếng Ý : *Communita Europea degli Scrittori*), đã triệu tập đại hội hàng năm, và đồng thời, luôn cả hội-nghị lần thứ ba, của Cộng-đồng, ở Roma (Ý). (1) Hơn hai trăm nhà văn, nhà thơ, kịch tác-giả nổi tiếng của hai mươi bảy nước châu Âu (2) đã tham dự đại-hội và trong hội-nghị lần này, người ta nhận thấy nhiều tay kiến tướng trong làng văn Ý như Alberto Moravia, Salvatore Quasimodo, trong làng văn Pháp như Jean-Paul Sartre, Maurice Nadeau, trong làng văn Liên-xô như Victor Slovxki, Alexandrei Tardovxki và cả Vaxili Akxionov, trong làng văn Tây-dan-nha như Rafael Alberti, Carlos Barral, trong làng văn Hung như Tibor Dery, và trong làng văn ngoài châu Âu như Miguel Angel Asturias, Elias Venezis, v.v... không làm sao kể xiết.

Về đại-hội thuộc nội-bộ của Cộng-đồng, xét ra không liên quan đến độc-giả Việt-Nam, chúng tôi xin được phép chỉ ghi lướt qua mấy sự kiện cần thiết mà thôi. Sự kiện thứ nhất là đại-hội đã bầu nhà thơ lớn nhất của Ý hiện-đại, Giuseppe Ungaretti, vào ghế chủ-tịch, nhà văn hiện-sinh Pháp Jean-Paul Sartre vào ghế phó chủ tịch, và nhà văn Ý Giancarlo Vigorelli vào ghế tổng-thư-ký (trong số này chỉ có Jean-Paul Sartre là giữ một chức vụ mới). Sự-kiện thứ hai là phái đoàn
(xem tiếp trang 82)

(1) Về sự thành lập Cộng-đồng này, bạn đọc có thể xem Thu-Thủy : **Lại chuyện văn-ngệ và chính-trị** (tạp chí Bách-Khoa số 182, ngày 1-8-64). Nhưng chúng tôi không đồng ý với ông Thu-Thủy về một số điểm trình bày trong bài trên đây mà chúng tôi cho rằng thiếu vô tư. Có lẽ vì tài liệu ông dùng để tham khảo không được thực khách quan chăng.

(2) Nếu không kể một số nhà văn Châu-Mỹ La-tinh.

Nhà xuất bản Sáng - Tạo

ĐÃ CHO PHÁT HÀNH

quỳnh hương

của DOÃN - QUỐC - SỸ

Có huyền - thoại

người lớn không ?

Qua mục « Diễn đàn tự do » ở đài phát thanh người ta được nghe ông Nguyễn Văn Trung nói về trẻ con và cái huyền thoại người lớn phổ biến ở trong xã hội.

Ông Nguyễn Văn Trung đã đòi hỏi rất chính đáng « sự trả lại cho con trẻ quyền được sống đầy đủ trọn vẹn tuổi trẻ của chúng » cũng như ông đã chỉ lý ở một mức độ nào đó khi nhận định rằng « xã hội người lớn thường là xã hội bần thiù, lường gạt, gian lận, giả-hình và do đó xấu xa, sa đọa, kém hơn con trẻ » rất xa.

Phát khởi từ nhận-định này, ông quan niệm rằng « thực ra không có người lớn » như là một thứ lý tưởng tốt đẹp, mà chỉ có kẻ lớn xác mà thôi. Nói một cách khác, chỉ có danh từ người lớn ở trên hình thức mà không hề có người lớn về mặt nội dung, và tiếng người lớn xưa nay được đem ra làm tiêu chuẩn cho sự giảng dạy, đối xử thường ngày, vốn chỉ

là một huyền thoại, một hình-tượng giả, một chuyện hoang-đường cốt để lung-lạc bịp lừa.

oOo

Thiết tưởng, nghe lập luận ấy, cả lớp trẻ con cũng như lớp người được xem là lớn, thấy đều cảm thấy bùi ngùi. Bởi vì con trẻ từ đây mất hẳn hy vọng được làm người lớn như chúng vẫn hằng mơ tưởng xưa nay. Và những người lớn phải thấy uy-quyền vốn có của họ, giá-trị sẵn có của họ, đang bị chối từ để quay trở về làm .. con cái họ.

Tuy vậy, sau phút bùi ngùi dễ dãi, trẻ con cũng như người lớn vẫn thấy yên lòng.

Bởi lẽ, trước hết, ai cũng nhận rằng người lớn là một thực tế không thể chối cãi. Giới hạn của thực tế ấy không phải chỉ căn cứ vào thói quen « vãng tục, nói nhảm hàng ngày » như giáo sư Trung nhận định, hoặc căn cứ v. o luật

pháp, dựa theo điều kiện tuổi tác phải đi quân dịch, hay là có quyền dùng thẻ căn cước, mà chính là dựa vào hai tiêu-chuẩn căn bản sau đây : một là *khả năng thực tế*, hai là *tinh thần trách nhiệm*.

Khả năng thực tế là cái dấu hiệu đầu tiên để phân định người lớn và trẻ con. Lúc ấy con người phần nào đã thoát khỏi mình và thoát khỏi sự ỷ lại, lệ thuộc vào những kẻ khác, bắt đầu tiến vào thực tại để tự chế-hóa cuộc sống cho mình và cho đồng-loại. Do đó khi một đứa trẻ còn ở độ tuổi đi chơi, đi học mà đã xông-pha vào đời, làm một nghề nghiệp, ta vẫn thấy nó vững vàng, có *cái tác phong người lớn* hơn là những người lớn tuổi thực sự mà còn ăn bám gia đình, lười biếng, nhõn nhợ. Nhưng đầu có những trẻ con bị bắt phải làm người lớn quá sớm như vậy, ta vẫn không quên khả năng thực tế là cái thuộc tính của những con người đã có một độ tuổi lớn, nghĩa là có những khả năng thể chất, trí tuệ nào đó thích hợp cho sự làm việc. Một số luật lệ xã hội đã phải can thiệp vào những trường hợp cưỡng ép trẻ con lao động quá sớm cũng gián tiếp xác nhận rằng *có loại người lớn thực sự, đó là người lớn của sự làm việc, người lớn của sự biến đổi thực tế*.

Chính khả-năng này mở cửa cho những người lớn bước vào thế giới của một tinh-thần trách-nhiệm. Bây giờ đã hết cái điều bắt buộc giữ lấy đồ chơi cho bền, thừa gửi cho rõ, ăn mặc cho sạch, mà phải ý-thức được cái thái độ tự mình bảo vệ mạng sống và danh dự mình, cũng như bảo vệ sinh mạng, danh dự kẻ khác, đó là gia-đình, dân-tộc và cả nhân loại. Tinh thần trách nhiệm đặt

rõ tất cả những mối tương quan cần có giữa người và các đối tượng lớn lao của nó, để xác định cho đầy đủ vị trí mà nó phải giữ ở giữa cuộc đời, cho đến phút chót chặng đường mà nó phải đi giữa sự sống này. Bởi vậy mới có những lớp con trẻ phi thường — như Trần Quốc Toàn khi bị coi rẻ giá trị của mình, bèn gánh lấy cái trách nhiệm người lớn một cách vẻ vang — hoặc hoang đường hơn — nhưng cũng thực tế xiết bao — như người trẻ con ở làng Phù Đổng, tự biến mình thành người lớn sau bữa cơm no đề mà đuổi giặc... Ngược lại có những người lớn ăn nói nông nổi, hồ đồ như là con trẻ, vô ý vô tứ như là con trẻ, hồn nhiên vì vô trách-nhiệm như là con trẻ.

Như thế, người lớn có cái vị trí cụ thể và cái giá trị lớn lao của mình mà không ai phủ nhận được. Tất nhiên, cái vị trí ấy, cái giá trị ấy có thể không được một số người lớn giữ gìn. Chúng ta vẫn thấy người lớn giả-dối, người lớn lưu - manh, người lớn tàn - ác... Nhưng không thể nào vì cái số lượng người lớn xấu xa mà từ chối cái thực tại hiển-nhiên của những người lớn xứng đáng với vị - trí mình giá - trị mình. Cũng có thể nói *hiện nay một số người lớn đang tự biến cái tuổi tác của mình thành một giá trị huyền thoại*, nhưng không làm sao nhất quyết được rằng người lớn chỉ là huyền thoại, người lớn thực ra không có bao giờ.

Trong sự bất bình đối với *một số kẻ lớn không ra kẻ lớn*, người ta thường quay về với trẻ con để tỏ một ý phản ứng

Và con trẻ chính là sự khởi đầu, một sự khởi đầu mới mẻ, nguyên vẹn, tốt lành cho ta khá nhiều hứa hẹn. Chính trong những ý tình ấy mà chúng ta nghe cán nhà cách mạng xã hội, các nhà tôn giáo đề cao tinh thần con trẻ. Tinh thần con trẻ ở đây còn là một thứ biểu tượng nói lên đức tính trong trắng vô tư, và chúng ta không thể làm sự kiếng biểu-tượng với một sự kiện hiện thực. Ông Nguyễn Văn Trung cũng đã xác nhận điều ấy khi ông nghĩ rằng phải «duy trì những đức tính của tuổi ấu thơ không phải ở trên bình diện vô thức hồn nhiên mà là ở trên bình diện ý-thức, tự giác». Không ai có thể đòi hỏi con trẻ phải có ý thức, phải biết tự giác và các giá trị tinh thần của mình, bởi vì đòi hỏi như thế là muốn có sự phát triển lộn ngược. Cho nên ta chỉ có thể quan niệm được rằng *đề cao tinh thần con trẻ giữa cái xã hội người lớn* chỉ là một cách phát biểu, một kiểu lối nói mà thôi.

Chỉ tiếc trong kiểu lối nói như thế ông Nguyễn Văn Trung đã có khá nhiều giận dỗi nên ông tuyệt đối đòi quay về với trẻ con, tuyệt đối chỉ trích người lớn, tự một luôn cả vai trò giáo sư Đại Học của mình. Những giận dỗi ấy đã khiến ông tạm thời cách biệt chúng ta, bởi vì chúng ta quan niệm không chỉ «trả lại con trẻ quyền sống đầy đủ tuổi trẻ của nó» mà còn phải gắng chuẩn bị chu đáo, thực sự, cho nó trở thành người lớn. Tuổi ấu thơ là một cái thực-tại hiện nhiên, nhưng không phải là thực trạng cố định. Nó đòi hỏi sự chuyển tiếp và chính sự

chuyển tiếp ấy làm cho nó có ý nghĩa trọn vẹn. Người ta ươm mầm, tưới cây là để cho nó đâm hoa, kết trái. Không vì một số hoa hư trái thối mà cứ giữ cây làm mãi chiếc mầm. Thực ra, cũng không làm sao giữ được, nếu chẳng phải là biến cây thành loại già non làm cầm, buồn cười.

Do đó, dù giáo sư Nguyễn Văn Trung có quan niệm rằng chức vị của mình là một nguy - tín chúng ta vẫn tin tưởng ở chức năng của các giáo sư Đại Học như là một cái thực tại cao quý cần được củng cố, phát huy để cho sinh viên yêu kính thực lòng và các phụ huynh, và cả xã hội nhiệt thành trông cậy. Và dù ông có cho rằng càng giỏi «đóng trò giả dối bao nhiêu càng là người lớn bấy nhiêu», thì ta vẫn nhất quyết rằng những bọn giả dối lưu manh chỉ là một lớp cặn bã không đủ tiêu biểu cho mọi người lớn đã sống, đang sống và đã hoặc đang đóng góp mồ hôi, xương máu cho cuộc đời này. Chúng ta hãnh diện vì chúng ta có không biết bao nhiêu danh nhân, anh hùng lịch-sử là những người lớn thực sự — chứ không phải là huyền thoại — và chúng ta cũng tự hào vì mình là những người lớn, lớn cả về xác lẫn hồn, dù còn có những thiếu sót, khuyết điểm chúng ta vẫn không hề ngừng vươn tới giá trị người lớn chân thực cần được hoàn thiện của mình.

Mèo đêm

NGUYỄN-THỊ THỤY-VŨ

Tặng chị L., người không bao giờ đọc văn

Từ lúc Hùng, con trai Loan đau nặng, Loan bắt đầu trở thành cô gái bán Snack-bar. Bây giờ nàng trở thành một gái bao hạng sang của một Mỹ kiều sau cái chết của Hùng.

Hùng gầy đét. Gương mặt xanh-xao của nó cũng đủ nói lên mặt một đứa trẻ nhiều bệnh-hoạn. Vì bận việc, Loan giao con cho một người vú em. Loan chỉ trả công cho ả ta ba mươi lít gạo hàng tháng. Hùng uống sữa hộp lẫn nước cơm pha đường. Thiếu sữa mẹ, ăn uống thiếu bổ dưỡng, Hùng lại còn mắc chứng bệnh cam-tích. Bụng nó to, da nó vàng và tay chân nó gầy như que củi. Trông Hùng giống như một con ếch-ương. Chỉ uống thuốc truyền-khẩu của các bà hàng xóm, dần dà Hùng bình phục. Từ lúc khỏi bệnh nó thèm ăn đủ thứ và món ăn thường nhật của nó là cơm trắng chan nước mắm trong.

Một buổi sáng mùa thu năm ấy, Hùng không dậy sớm để đòi ăn như mọi bữa. Nó lên cơn sốt nặng. Thiếu tiền, gặp lúc thất nghiệp, Loan nhảy vào xin đi bán bar để chạy thuốc cho con. Uống mấy gói thuốc tán mà bệnh Hùng không thuyên giảm chút nào. Hôm thứ bảy, nó lịm dần rồi tắt thở. Bà vú vội lấy cái thùng sữa bằng ván thông ghép lại thành một cái hộp nhỏ vừa đủ đặt Hùng vào. Một chiếc lá môn đắp lên mặt nó. Loan để vào chiếc hòm ấy hai cái áo vải xiêm và hai chiếc quần đùi sờn cả mông. Cái gia sản cuối cùng của bé Hùng chỉ có thế. Làn không khí đè nặng lấy gia đình Loan, Bà vú ngồi khóc nức-nở.

Chiếc quạt máy xoay tít. Bóng quá khứ mờ dần ..

Tại sao Loan cứ thao-thức và cứ lăn trở. Giấc ngủ trưa không chịu đến. Sau một cơn mưa buổi trưa bớt nóng. Tiếng quạt máy chạy xè xè. Căn

phòng tinh mịch. Cô gái trên tấm lịch hướng về phía nàng mà nụ cười hình như rạng rỡ hơn bao giờ. Chiếc gối mềm quá. Mỗi khi Loan lăn trở, chiếc giường đệm lò-so như nghiêng rặng ken-két.

Bây giờ nàng muốn buông thả cho trí óc trôi vào cái lười biếng dễ chịu. Nàng không muốn ai gần nàng ngay lúc này. Fred đã đi làm từ hai giờ chiều. Chiếc áo ngủ của gã còn vắt lên đầu giường.

Bây giờ, không ai còn thấy Loan lúi thủi đi làm về trong những đêm khuya vắng nữa. Loan đã bỏ lớp son phấn để lo việc bếp núc. Ngoài những giờ nhàn rỗi, nàng đan áo cho Fred. Sau những giờ làm việc ở sở, Fred giúp Loan trang trí nhà cửa, dạy Loan học. Nàng cảm thấy an ổn trong mỗi tình tạm bợ này. Những ngày cuối tuần, Fred đưa nàng đi ăn hay đi xem hát. Gã thường bảo nàng nên mặc áo dài mà từ lâu Loan đã đề yên một chỗ. Fred thường bảo :

— Anh thích em mặc áo dài hơn là mặc những chiếc váy bó sát lấy người.

Từ đó trở đi, Loan luôn luôn mặc chiếc áo dài màu sậm khi có dịp sánh vai với Fred đi ngoài phố. Ngoài những công việc lặt vặt ở nhà, Loan thường đọc tiểu thuyết nhằm-nhí để lấp những giờ nhàn rỗi. Hôm nào Fred phải ở lại sở làm đêm, nàng mời một vài người bạn gái đến nhà đánh bạc. Nàng sợ cô đơn vào những đêm không có Fred.

Tuy có chút ít máu đen-đỏ, nhưng Loan sợ Fred bắt gặp mình đang ngồi trên chiếu bạc và nàng luôn thu xếp cuộc chơi lại trước giờ Fred trở lại nhà. Cuộc đời đầy đủ vật chất quá làm nàng sinh ra tật phiền muộn không đâu.

Loan ngồi dậy, đi đến bàn phấn chải lại mớ tóc kể lại đôi mày mà nàng đã cạo gần một nửa để vẽ xích lại theo chiu mắt lá răm. Nàng soi bóng mình trong gương rồi mỉm cười lat-lẻo. Hôm nay, mặt nàng có vẻ mệt nhọc sau một đêm trắng đánh tứ sắc. Căn phòng vắng ngắt. Tiếng tíc-tắc của chiếc đồng hồ treo đội khô-khan. Loan nhìn lên làm bầm : « Hai giờ rưỡi rồi ! » Loan thở phào. Bốn giờ chiều Fred mới về. Loan co rút người vào chiếc mền len mơ màng rồi ngủ thiếp đi.

Có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Có lẽ Fred đã về. Loan ngồi phắt dậy, nhảy xuống giường, vuốt lại mớ tóc chạy đến ngăn kéo đem chiếc áo len đan dở đề lên ghế xích đu, rồi nhanh nhẩu tiến lại cửa.

Fred đẩy cửa bước vào. Loan chồm lên bá lấy cổ Fred. Trông gã cao lớn đến khiếp. Fred hỏi :

— Em không ngủ à ?

Loan nũng nịu :

— Em cố nhưng không làm sao được. Không có anh, em sợ...

Fred dìu Loan vào phòng. Đôi mắt xanh thăm thẳm của gã dừng lại trên chiếc ghế xích đu. Gã cầm chiếc áo len, trách yêu :

— Em không ngủ, cứ đan mãi...

Loan cười tinh nghịch. Nàng nghĩ thầm : Nếu gã đề ý một chút thì thấy chiếc áo chẳng thêm được một mũi nào. Loan lấy chiếc áo ngủ mỏng và nhẹ cho Fred trong khi gã đi rửa mặt, rồi bưng một ly sữa tươi ướp lạnh. Khi Fred ngồi trên ghế xích-đu thông thả uống sữa thì Loan mang lại cho gã đôi dép Nhật Bản. Nàng ngồi xuống tháo giày cho Fred, rồi ôm lấy chân gã :

— Anh có mệt lắm không ?

Fred tươi cười lắc đầu. Loan giục gã :

— Uống mau lên anh ! Rồi còn đi ngủ chớ. Anh phải ngủ trọn đêm để bù lại lúc làm đêm mệt nhọc.

Fred tiếp lời :

— Cung của anh cũng phải ngủ thật nhiều để bù lại một đêm thức đan áo.

Loan quay vào bóng tối, lấy tay che miệng ngáp. Fred bế nàng vào lòng thì thầm :

— Cung ạ, anh được lệnh dời về Mỹ.

Loan ôm chặt lấy gã. Tin đột ngột làm nàng muốn tê điếng.



Chiếc quạt máy trên trần lại xoay tít. Kỷ niệm trở về xoáy vào đầu óc Loan. Fred đã theo phái đoàn Chí Nguyên sang Việt Nam làm cố vấn quân sự ở phi cảng Tân Sơn Nhất. Gã đến Saigon hơn một tuần lễ thì vào một chiều thứ bảy, một vài người bạn đưa gã đến một snack bar đầu đường Thái Lập Thành. Fred nhìn vào quán. Đèn màu đỏ ló-lét như ánh mặt trời sắp tắt. Bức màn màu Đỏ thắm làm tăng thêm vẻ huyền-ảo. Fred cùng lũ bạn đẩy cửa nhẹ nhàng bước vào. Đây là lần đầu tiên gã muốn tìm một thú vui lạ trên dải đất mà gã vừa đặt chân đến. Cửa vừa hé mở. Bao nhiêu là cô gái VN ăn mặc đủ kiểu ulla ra đón. Trông các cô trang sức diêm dúa như ở trên sân khấu. Chàng Fred nghĩ đến những khuôn mặt trong sáng của phần đông các cô gái ở ngoài phố mà gã đã gặp hơn một tuần nay. Gã tìm một chỗ tối nhất trong quán và gọi một chai Coka. Có lẽ các bạn của gã đã đến đây nhiều lần nên có vẻ thạo việc. Mỗi người kéo tay một cô gái. Họ dìu nhau đến chỗ trống uống trà, nói chuyện tâm-tình vớ-vẩn trong khi tay họ phiêu lưu khắp thân thể các cô.

Đang lúc Fred còn bỡ ngỡ thì một thiếu phụ tiến về phía gã. Nàng nhỏ nhắn, mặc chiếc áo dài VN thuần túy, óng ánh như tơ ngân nhũ. Nàng đưa tay cho Fred bắt, rồi ngồi xuống cạnh gã, tự giới thiệu bằng một cái tên giả mà các bạn nàng ưa gọi từ khi nàng đi bán Snak bar ;

— Tôi là Dorothy. Còn ông tên gì ?

— Fred. Gã nói ngắn-ngủn. Còn họ ? (thiếu phụ mỉm cười tinh nghịch) Tên tiểu bang của ông là gì ? Ông sang đây được bao lâu ? Ông đến đây lần đầu à ? Ông handsome lắm, thực vậy, trông giống như kép hát bóng (thiếu phụ cười ngất, vui-vẻ hồn nhiên). Nàng quàng tay qua lưng gã.

— Fred này, ông có thích cho tôi uống trà nói chuyện khào với ông không ?

Fred thản nhiên gật đầu. Loan vẫy tay gọi người hầu bàn.

— Này cho tôi một ly trà.

— Người hầu bàn mang lại một ly trà không to hơn ngón chân cái, và một cái vé tính tiền. Loan ngừng mặt lên khẽ mời chàng :

— Mời anh cạn ly để đánh dấu cuộc gặp gỡ này.

Nàng bưng ly trà uống cạn. Fred chăm chú nhìn vào đôi mắt nàng. Loan lim dim như say rượu. Fred nói :

— Mắt em xinh lắm. Về đẹp phương Đông bao giờ cũng dịu dàng.

Loan cười đùa :

— Anh có đôi mắt mèo xanh thăm.

Rồi nàng nói :

— Chúng ta là hai con mèo đêm. Cái Snack bar này là cái máng xối, nơi hò hẹn của con mèo cái và con mèo đực.

Fred cười rồi hỏi :

— Em thích uống whisky không ?

Loan gật đầu, mắt hướng về người bồi bàn. Sau một cái vẫy tay, hắn đem hai ly whisky kèm theo cái vé tính tiền như lần trước. Uống một hơi 16 ly, mặt Loan không đổi sắc. Fred mỉm cười tinh quái :

— Tửu lượng em khá đấy.

Loan cười thành thật :

— Nãy giờ em chỉ uống trà. Có lẽ anh ngạc nhiên khi anh mời em ly rượu em cũng chỉ uống trà. Nhưng anh phải trả tiền một ly whisky. Đó là mảnh khóc ở đây.

Fred bảo :

— Em đâu có uống trà xoàng, em uống Saigontea đấy chứ. Number one đấy.

Ở quầy rượu, tiếng vi cầm trời lên the-thé.

Sau vài tiếng đồng hồ ngồi nói chuyện bên Loan, Fred cảm thấy đôi chút thú vị. Đôi khi gã không hiểu Loan nói gì vì giọng Loan còn cứng, nàng chỉ nói tiếng Mỹ bập-bẹ, và gặp nhiều khó khăn lúc diễn tả một ý nghĩ hơi dài. Tuy vậy Fred cảm thấy vui tai. Chàng gọi hàng mấy mươi lần cho Loan uống trong khi chuyện vãn. Loan không ngớt cảm ơn nàng. Fred kéo Loan vào lòng thì thầm :

— Em gọi cảm lắm. Anh mến em ngay từ lúc này.

Nàng ngả người lên ngực gã, thỏ thẻ :

— Anh tử tế quá.

Rồi nàng kề môi sát môi gã. Một phút im lặng trôi qua. Đôi mắt Fred thu nhỏ ánh đèn màu. Ngực gã đánh phập phồng nghe rõ từng tiếng một. Đôi tay to lớn và gân guốc của gã siết chặt lấy cái thân bé nhỏ của Loan. Chiếc đồng hồ treo trên tường buông một tiếng khô khan. Gã nhìn Loan ra chiều tiếc rẻ.

— Anh phải về. Ngày mai lại gặp em.

Fred bưng một ly bia còn lại màu vàng sẫm uống cạn. Gã vuốt má Loan. Đôi mắt gã say đắm nhìn vào thêu thùa của Loan trong khi đó vòng tay của gã vẫn quấn chặt lấy tay Loan. Nàng rút tay ra khỏi của gã rồi vẫy người bồi.

Rảo bước ra xa những tiếng nhạc ồn-ào ở quầy rượu, Loan tiễn Fred ở bậc cửa. Gã gửi lại cho nàng một cái hôn gió rồi lui thủi bước vào bóng tối của một góc phố.

Loan trở vào chỗ cũ ngả người lên ghế thở dài. Nàng cảm thấy mệt mỏi và mơ màng ôn lại những cảm giác vừa trải qua với người khách hàng mới lúc nãy.

Một bàn tay nhẹ nhẹ đặt trên vai Loan. Nàng ngoảnh lại. Ly, cô bạn đồng nghiệp mà Loan thân nhất khen ngợi :

— Chà ! Hôm nay may có gió to rồi đó.

Loan tươi cười đáp :

— Gió đủ mát thôi. Sơ sơ được 25 ly rồi em ơi. Nàng kéo bạn ngồi xuống, vỗ thình thịch lên lưng Ly :

— Sao ? còn may kéo được mấy cái trong đêm nay. Ly biu môi rồi kể lể ;

— Cái tên Mỹ cáo già « mờ hàng » tao ể bỏ mẹ. Đầu hôm đến giờ chỉ có ba ly rồi đánh bài. Ngày mai lại đói rồi đó. Quân trời đánh thánh vật thiệt !

Cả hai cùng cười

Ly ngàng lên chiếc đồng hồ nheo mắt lại, rồi đứng phắt dậy kéo Loan và giục :

— Sắp đến giờ về rồi. Sửa soạn đi Loan. Bây giờ có ma nào đến nữa đâu!

Tiếng nhạc tắt hẳn. Tiếng cười nói của những nàng tiên đêm lao nhao lên. Họ lũ lượt ra về.

Ly bảo :

— Tụi Mỹ trẻ tuổi đẹp trai đi quân dịch nghèo lắm. Còn mấy lão bụng bự đầu sói, hôi nách thì bảnh lắm. Nếu họ mua giấy tích kê đề ngủ với mình thì mình được nhiều tiền.

Loan ngẫm nghĩ. Nàng nói băng quơ :

— Đêm nay lạnh. Sắp Noel rồi

Ly gật gù :

Saigon ngày...

Kính gửi Ông Minh,

Thế là ước vọng của tôi không thực hiện nổi. Tôi định viết chuyện dài, nhưng lười lắm. Đầu óc tôi từ lâu đã khô. Truyện ngắn này được hoàn thành ngoài ý muốn của tôi. Dưới đôi mắt khoan hồng, ông cứ coi đó là ba chén nước để đổ vào một thang thuốc rồi sắc lại chỉ còn tám phân (lời em tôi thường bảo).

Tên nhân vật chính trong truyện này khởi đầu bằng chữ L. giống như tên tôi. Ông đã dặn tôi đừng có đại dốt đem cuộc đời mình kể lể, mà cần phải tìm kiếm những kinh nghiệm sống thực, ghi chép, rồi xây dựng thành cốt truyện, nhân vật. v.v...

Nhưng tôi thắc mắc một điều : nếu tôi nói quá tỉ mỉ cái đời sống phù phiếm, rồi ren ở Snack bar, có thể người ta cho mình là một cô chiêu đãi, hay một me Mỹ hay không ? Mình có ăn mắm dầu mà chịu khát nước. Ông thường cho rằng đàn bà chỉ bịa đặt được trong lúc ngồi lê đôi mách để nói xấu bạn bè. Nhưng trong văn chương họ thiếu cái tài bịa đó, và chỉ có thể cưa năm xẻ bảy cuộc đời của mình ra bày trên giấy mực.

Loan là học trò của tôi (tôi dạy Anh Ngữ) dù chị ấy lớn hơn tôi mười hai tuổi. Bây giờ chị ấy giàu lắm và vẫn tiếp tục làm gái bao. Đã bốn mươi tuổi rồi xem chị ấy còn mướt lắm. Có một lần tôi chứng kiến chị ấy nằm lỏa lồ để cho một bà già tầm quất. Có lẽ nhờ tầm quất mà mình-mẩy của người đàn bà thon đẹp cũng không biết chừng. Da thịt chị đi ngược lại sự tàn phá của thời gian, mịn màng và hồng hào lạ.

Sau khi ông Fred về nước, chị lại đi bán Snake bar. Ít tháng sau, chị ấy làm gái bao cho ông thiếu tá Mỹ già, bụng bự, đầu sói, nhưng rộng rãi lắm, khi ông ấy đổi về Mỹ thì Loan cắn thai. Chị phải nhờ ông thầy lang trục hết thang thuốc tổng thai ra. Chỉ mới có một tuần sau, chị lại đi bán bar và miệt mài trong các cuộc hành lạc. Sau ba lần phá thai, tử cung của chị trầy trụa rồi các vết lở loét lan rộng ra. Sợ đi thầy bị mờ xẻ. Loan tìm thầy châm cứu. Những vết phỏng trong lúc châm cứu trong rất dễ sợ. Chúng kết chùm, kết cụm với nhau như nhà cửa trong một xóm trù mật làm tôi đau buốt khi nhìn đến cái bụng của chị. Sau cùng, chị phải đến nằm nhà thương Saint Paul và bị lật mất tử cung.

Ông có biết hậu quả sự thiến đó ra sao không ? Khờ người phì nộn thêm ra. Về nữ tính dài các mắt đi. Tánh nết càng khó chịu, chanh chua thêm. Bây giờ Loan đã biến thành một người khác mất rồi.

Loan có gửi thư cho Fred, kể lại sự bất hạnh của mình. Fred gửi cho chị ấy 150 đô la với một bức thư và một câu mà tôi với chị ấy nhớ mãi : « Em phải xin một đứa con nuôi, Trăm rưởi đô la này chỉ giúp em đỡ túng lúc bây giờ. Còn đứa bé sẽ bảo đảm đời em lúc tuổi già. »

Loan nghe theo Đứa con gái nuôi lai Mỹ của chị ấy bây giờ đã được bốn tuổi nó đã biết đi lẫm lẫm, trông mũm mĩm dễ thương lắm.

Đạo này vào Tết Trung thu, ông có dự định gì không ? Tôi rất cảm ơn ông đã tặng tôi tác phẩm của ông vừa xuất bản. Giữa lúc đầu óc tôi trống rỗng, tiếp được quyển sách đó, không hiểu sao tôi thích cầm bút trở lại.

Tôi lại nghĩ đến Loan, và đến thăm chị ấy vào một chiều thứ bảy. Loan đang ngồi trang điểm. Mái tóc uốn bồng ngược ra, màu son thật dợt, chiếc vòng kim cương đeo ở cổ tay làm cho chị vẫn giữ vẻ quý phái như xưa. Nhưng cái thân hình phì nộn, ánh mắt không còn gì nồng nàn thiết tha làm cho chị biến thành một bà Loan khác rồi. Chị bảo tôi : « Cô giáo ! cô coi tui có giống con đào Lạc Đẻ không? » Tôi mỉm cười không đáp vì đang nghĩ đến một con chó cái bị thiến đi. Chị lại tươi nét mặt : « Tui mới chuộc được cái bùa Thiên linh cái. Bùa linh lắm cô. Đêm qua tôi dụ khị được một thằng Mỹ mới có hai mươi tuổi. Nó cho tui uống hai mươi ly. » Rồi chị buồn rầu vuốt tóc đứa con nuôi, thân thờ nói : « Cô xem, con Jane có xinh không ? Đòi tui chưa đến nỗi nào. Fred bày chuyện cũng hay có nhớ ».

Tôi, một khán giả cầu an nhất nên không có cảm tưởng gì xuất sắc cả. Việc ggi lại mẫu chuyện trên đây làm tôi e thẹn lắm vì nhân vật của mình thiếu chiều sâu.

Đó ! Ông xem. Tôi chỉ có thể nói đến chuyện của tôi, rồi bịa đôi chút gút mắt để cho câu chuyện đỡ buồn ngủ. Tôi cũng hơi ngại rằng nếu mình bịa nhiều quá câu chuyện sẽ trở nên quá đần dị kỳ. Thật khó khăn biết bao khi đi tìm kinh nghiệm sống. Quyển sổ tay của tôi đây chỉ chit những câu ngờ ngẩn, lẫn những câu viết tắt làm tôi không hiểu mình đã nói gì khi đọc lại.

Kính thư

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

Cuối thu 65

NHÀ XUẤT BẢN THỜI MỚI :

VỌC NƯỚC GIỖN TRĂNG

của SƠN NAM — 40đ.

ĐÃ CÓ BÁN :

NGỒI LẠI BÊN CẦU

Truyện TRẦN PHONG GIAO

GIAO ĐIỂM XUẤT BẢN

S. H. : CỘNG ĐỒNG CÁC NHÀ VĂN ÂU - CHÂU

(Xin xem từ trang 70)

Liên-Xô báo cho đại-hội hay rằng nhà thơ Yoxip Brodski vừa được chính quyền Liên-xô phóng-thích (Yoxip Brodski bị tù vì tội « vô công rồi nghề » và « ăn không ngồi rồi » (3).

Tiếp theo đại-hội, là hội nghị lần thứ ba của Cộng đồng, với đề-tài: ý-niệm tiên-phong, hôm qua và hôm nay (nguyên-tác Pháp-ngữ là: *L'avant-garde, hier et aujourd'hui*) đem ra thảo luận. Rất nhiều nhà văn đã lên diễn-đàn tham-luận sôi nổi về đề tài khá khô khan này, hay ít ra, cũng là khô khan hơn mấy đề-tài đã được đưa ra thảo-luận trong hội-nghị lần thứ nhất vào năm 1963 ở Leningrad và trong hội-nghị lần thứ hai, tháng trước đây, ở Marienbad (4).

Trong số các bài tham-luận rất nhiều, như vừa nói trên, về đề-tài này, một đề-tài ẩn ngụ hàm chứa bao nhiêu khía cạnh cần thiết cho óc suy-luận, người ta chú ý tới mấy diễn-văn quan trọng của giáo sư Tiệp-Khắc Goldstucker (mới ra tù vài năm trước, và là người vừa tổ-chức một cuộc hội-thảo rất mực can đảm về nhà văn Frank Kafka ở Praha, thủ-đô Tiệp-Khắc) bàn về khía cạnh tiên-phong trong sự nghiệp Kafka; của nhà văn tiên phong già Liên-Xô Victor Slovkki bàn về văn-nghệ tiên-phong ở Liên-Xô thời 1910-1920, đồng thời nhắc đến một vài kỷ-niệm về nhà thơ Maiakovski; của nhà xuất-bản sách Tây-ban-nha Carlos Barral, bàn về tình-hình thiếu tự-do ở nước mình khiến không thể có được một dòng văn-nghệ tiên-phong; của nhà phê-

bình văn-nghệ Pháp Maurice Nadeau, cố gắng đặt định giới-hạn và lực-tuyển cho nội-dung của khái-niệm tiên-phong: Ông khẳng - định rằng tiên - phong là một quan niệm mới có về nghệ-thuật, nó được thành-hình dưới thế kỷ XIX, kể từ lúc giới trường giả tư-sản một mực khăng khăng chống lại và ngăn cấm mọi thể-cách phát-biểu mới, mọi lối diễn đạt mới mà giới này không theo kịp; và nhất là của nhà văn kiêm triết-gia hiện-sinh Pháp hiện-đại Jean-Paul Sartre.

Jean-Paul Sartre chấp nhận giới-hạn và lực-tuyển của nội-dung khái-niệm tiên-phong do Maurice Nadeau vạch ra, nhưng không ngừng lại ở đây, mà là đề-rút ra từ đó nhiều kết-cấu khác.

Trước hết, Jean-Paul Sartre khẳng-định rằng, bất-chấp cả ý-nghĩa toát ra từ khái-niệm tiên-phong, khái-niệm tiên-phong vẫn cứ là một hiện-tượng bị qui định, nằm trong bao nhiêu mối giây liên-

(3) Về vụ án Yoxip Brodski, bạn đọc có thể xem Trang-Thiên Vụ án Yoxip Brodski, (tạp chí Bách-Khoa số 192, ngày 1-1-65). Riêng chúng tôi về vụ án này, chúng tôi có ý muốn đặt ra một câu hỏi: Trong một xã-hội là trên nguyên-tắc bất cứ người nào cũng tay làm hàm nhai cân xứng với số lượng sản-xuất của mình thì chánh quyền lấy tiêu-chuẩn nào để đánh giá, chẳng hạn một bài thơ?

(4) Hội nghị lần thứ nhất do Cộng-đồng triệu tập ở Leningrad (Liên-xô) vào năm 1963 với đề tài **Tiểu-thuyết hiện-đại**. Hội-nghị lần thứ hai do Cộng-đồng triệu-tập ở Marienbad (Cộng-hòa Liên-bang-Đức) vào tháng 9 năm 1965 với đề tài **Nhà văn kịch-tác-gia Tiệp Karal Capek (1890-1938)**.

hệ xã-hội và văn-hóa đã có. Mà bản-chất và yếu-tính của khái-niệm tiên-phong là *sáng tạo một thế-giới mới xuyên qua ngôn-ngữ*, ý chí sáng tạo một thế-giới mới xuyên qua ngôn-ngữ này từ xưa đã là mục-đích của nhà văn. Nhưng người ta chỉ có thể làm vậy, trong một thế-giới còn hỗn độn, chưa phong-phú, chưa đi tới thời kỳ sung mãn toàn diện.

Mục-đích của nhà văn tiên-phong, trước hết là tháo cởi mọi mối giây "ràng buộc" mình vào nền-tảng xã-hội và văn-hóa đã có, nghĩa là đề vượt ra khỏi các liên-hệ qui-định mình; sau đó là đưa thế-giới con người đi đến tinh-chất sung-mãn toàn-diện.

Nay ở châu Âu, tình trạng sung mãn, đã tới mức cao độ về mọi mặt, kỹ-nghệ,

xã-hội, văn-hóa, chính vì vậy mà, ở châu Âu, không thể còn có được những phong-trào tiên-phong *dịch thực* nữa, bởi lẽ, tiên-phong là đi tới trước, mà ở đây, con đường này đã mắc nghẽn rồi.

Sự-kiện này giải-thích được tại sao các phong-trào gọi là tiên-phong ở châu Âu đều thâu mình vào trong những trường phái trong những bè nhóm, trong những trào-lưu bùng bít, kín mít, bí hiểm — họa chăng lâu lâu mới sản sanh ra được một cuộc bộc-phát (5) như trường-phái siêu-thực vào nửa đầu thế-kỷ XX này chẳng hạn, nhưng đây cũng chỉ là công-cuộc đả-phá một ngôn-ngữ đã có, chứ không phải là công cuộc *sáng-tạo* một ngôn-ngữ mới. Vậy thì ở châu Âu, khái-niệm tiên-phong được qui-định bởi những yếu-

(5) Nguyên tác: explosion.

VỎ RUỘT XE ĐẠP, XE GẮN MÁY.

- CHỞ NẶNG
- LÂU MÒN
- GIÁ RẺ



TAM MÃ



HIEM WHALES



MYLIEM

DUTACO

tổ mà nó phủ-nhận hơn là những yếu-tố mà nó sáng tạo.

Cũng bởi lẽ châu Âu ngày nay buộc phải tư-tưởng và hành-động xuyên qua một ngôn-ngữ đã có, đã sung mãn, thì những phong-trào tiền-phong đích thực chỉ có thể thành-hình ở ngoài Châu-Âu, nghĩa là ở các nước hậu-tiến vốn chưa bị quy-định bởi một ảnh-trạng đóng khuôn, đặc biệt là ở các nước đang ngoi lên cùng với cuộc-diện thế-giới hiện-đại. Ý-kiến trên đây, đã được trình bày nguyên văn như sau trong bản tham-luận của vị tân Phó Chủ Tịch COMES:

«... Nếu buộc phải trình bày những đặc-tánh chánh-xác của một đội tiền phong đích thực, tôi sẽ bảo rằng một đội tiền phong xác thực giả-thiết việc nhà văn không chỉ vận-dụng ngôn-ngữ, mà là sáng tạo nó trong khi viết. Sáng tạo ngôn ngữ chứ không phải là chơi giỡn với nó, sáng tạo nó và như vậy là hiến dâng nó cho đất nước xứ sở. Cái công trình của ngôn-ngữ tôi luyện ngôn-ngữ nhằm mục-đích phong-phủ hóa ngôn từ ngõ hầu phát-biểu một thị kiến mới mẻ về thực tại, cái thị kiến mà nhà văn san sẻ cùng với toàn thể đồng bào mình, nhưng vốn thiếu từ-ngữ để trở thành ý thức. Điều này giả-thiết một thế giới mới mẻ, một thế giới hẳn là còn ở trong tình trạng hỗn độn. Một nhà văn «tiền phong» kiểu này có những mối tương quan biện chứng với nhiều nền văn hóa vốn mâu thuẫn với nhau, và vì vậy nên họ buộc hoặc phải giải tỏa mình một cách bạo

động, hoặc phải quyết định sáng suốt nhận lãnh các nền văn hóa đó. Một nhà văn kiểu này không còn được qui-định bởi những biến dịch có tính cách phân số nữa, mà là bởi những mâu thuẫn đích thực. Họ phải biết tạo cho mình một quần chúng. Họ có trước mặt một số người sẵn sàng nhận thức được chính Weltanschauung (6) của họ, xuyên qua chữ viết.

Trải qua bao nhiêu khó khăn trọng đại, các điều kiện này thường được qui tụ dưới hình thức nhiều vấn đề, nhưng mà là những vấn đề được nhận thức rõ rệt, và như vậy, ở ngoài biên giới Châu Âu (7).

TRẦN-THIỆN-ĐẠO

6. Weltanschauung : vũ trụ quan. Tiếng Đức trong nguyên tác của J. P. Sartre.

7. Nghĩa là ở các nước chậm tiến, và như thế là ở các nước mới vừa được giải thoát và độc lập.

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Vọc nước giỡn trăng** tập truyện ngắn của Sơn-Nam, do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách gồm 10 truyện, dày 122 trang. Giá 40đ.

— **Toán quang-học** của G. Dévoré do Phạm Long-Điền dịch, Việt-Nam Đại-Học tùng-thơ ấn hành và gửi tặng. Sách dày trên 70 trang, in ronéo rất rõ ràng, trình bày sáng sủa khổ 20×26-Giá 30đ.

KỶ NIỆM 200 NĂM NGUYỄN-DU

Sau bộ Giáo - dục, hội Việt-Nam nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á-châu và Phân Khoa Văn khoa khoa học Nhân văn viện Đại-học Vạn-Hạnh có tổ chức ba buổi nói chuyện kỷ niệm 200 năm Ng. Du tại thính đường trường Quốc-gia Âm-Nhạc và Kịch-nghệ SaiGon, vào buổi tháng ba ngày chủ nhật : 7-II, 14-II và 21-II-1965.

Ông Nguyễn-Đặng-Thục chủ tịch hội Việt Nam nghiên cứu liên lạc văn hóa Á-Châu khai mạc cuộc kỷ niệm với đề tài : **Cảm hứng của Nguyễn - Du**

với thiền học.

Rồi đến ông phó Chủ-tịch của hội, ông Đào đấng-Vỹ, nói về « **Thúy-Kiều và định mệnh** »

Và sau cùng Thượng-Tọa Thích-thiên Ân, Khoa trưởng Văn Khoa và Khoa học nhân văn Đại-Học Vạn-Hạnh xét về « **Giá trị triết học Tôn giáo trong Truyện Kiều** » đề bế mạc cuộc kỷ niệm

Sau đây là tóm tắt những ý chính của ba buổi nói chuyện :

oOo

I. — Nguồn cảm hứng của Nguyễn - Du với Thiền-học

Diễn giả : Ô. NGUYỄN-ĐẶNG-THỤC 7-11-65

Muốn tìm xem nguồn cảm hứng trong thi ca của Nguyễn-Du, người ta phải đọc đến văn thơ chữ Hán của tác-giả, vì ở thời ấy, đối với một Nho sĩ, chữ Hán vẫn còn là một cách thức diễn tả trung thực cho cảm nghĩ của thi nhân hơn là chữ nôm. Mà quả vậy, văn thơ chữ Hán của tiên sinh thực là nơi mà tiên sinh bộc-lộ tha thiết sâu xa tâm hồn phong-phú của mình.

Trong bài thơ vịnh động Tam-Thanh ở Lạng-Sơn của Tiên sinh có câu :

Mãn cảnh giai không hà hữu tướng

Thử tâm thiền định bất ly Thiền

Nghĩa là : « tràn ngập con mắt vẫn là chân — không, chẳng có hình tướng chi cả. Tâm này luôn luôn yên định, không dời trạng thái ý-thức Thiền.

Cái tâm « thường định bất ly thiền »

ở đây mà Nguyễn Du đã lấy ở Phật-giáo Thiền tông chính là cái ý thức tâm-linh-siêu lên trên ý-thức cảm-nghĩ, khiến cho thi sĩ quên đời thực tế, như nhập vào giấc mộng Trang-Chu để nhìn sự-vật mà sáng tạo nghệ-thuật. Qua văn thơ chữ Hán của Nguyễn-Du chúng ta quả nhiên thấy tác-giả Truyện-Kiều đã đạt tới tâm thiền trong khi sáng tác, vì thế mà hồn thơ của Nguyễn Du ở văn thơ chữ Hán cũng như chữ Nôm có tính cách đại-dồng, vượt lên trên biên giới xã-hội, giai-cấp, chủng-tộc hay dân tộc để rung động mọi người.

Cái tâm thiền nghệ-thuật của Nguyễn-Du hay mượn hình ảnh của *Trăng*, để biểu tượng cái nguồn yêu sáng tạo vì hình ảnh « Nguyệt chiếu vạn xuyên » : một vầng trăng chiếu ra muôn ngàn bóng trăng khác nhau ở muôn ngàn đôn

nước khác nhau đã ngụ tất cả tâm lý nghệ thuật ở tư tưởng truyền thống Đông-Phương là « l'unité dans la diversité » « Đồng qui nhi thù đồ » vậy. Bởi thế mà trong các bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du, thi sĩ thường bị luôn luôn ám ảnh bởi hình ảnh chữ *Nguyệt* = *Trăng* để tả hoặc cảnh thiên nhiên như Phong Nguyệt, hoặc ngụ ý tượng trưng cho tâm hồn như Minh Nguyệt, hoặc ngụ ý cho tình yêu sáng tạo một mà hai, hai mà một như trong Truyện Kiều :

Vầng trăng ai xẻ làm đôi

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Hay là nói thơ chữ Hán :

Lưu thủ Giang-Nam nhất phiến nguyệt

Đạ lai thường chiếu lưỡng nhân tâm

Đây là tâm thiền của Phật giáo Việt-Nam đã đem lại cho nhà thơ Hồng-Sơn Lam-Thủy nguồn cảm hứng bất tuyệt, cho những vần thơ bất hủ, tràn ngập một hồn thơ nhân-bản Đại-Đồng vậy.

oOo

II. — Thúy - Kiều và Định - mệnh

Diễn-giả : Ô. ĐÀO-ĐĂNG-VỸ : 14-11-65

Khác với nhiều nhà phê bình xưa nay, diễn giả cho rằng Kiều đã luôn luôn muốn chống cự với định mệnh oái oăm. Định mệnh này rất đổi khắt khe, và Thúy Kiều đã tranh đấu một cách thật là đau khổ.

Thầy tướng số, rồi cả Đạm Tiên, kẻ ngoài đời, người trong mộng. đã gieo vào lòng người con gái có học, có sắc, có tài ấy một nỗi âu lo vắng vặc, nó không ngớt ám ảnh đời nàng. Nhưng nàng cũng không ngớt chiến đấu để thoát khỏi cái Định mệnh độc ác nọ. Gặp cơ hội là nàng không bỏ qua.

Cơ hội đầu tiên đến là chàng Kim. Nếu được cùng chàng trăm năm tơ tóc, thì sẽ giải được cái mệnh bạc đang đe dọa đời nàng. Nhưng nghiệp chướng không dễ gì buông tha người tài nữ .. Chàng Kim vừa cùng nàng nặng lời thề thốt, thì phải về quê chịu tang người thân thích. Tai họa tày trời đến cho gia đình, nàng phải bán mình để chuộc tội

cho cha. Rủi lọt vào tay bọn bán thịt buôn người, Định mệnh ra sức dày dọan nàng trong bề trăm luân nàng vẫn cố ngoi mình lên để tìm một tấm ván cứu nguy. Cho nên nàng đã cùng gã Sở-Khanh đi trốn, và sau này dựa vào chàng Thúc để già từ cảnh thanh lâu. Nhưng Hoạn Thư hiện ra ; sau những hồi nhục nhã, đau đớn, chua xót nàng xin gởi thân cửa Phật để thoát cảnh náo nê. Song lại lọt vào tay phường họ Bạc, trở lại lầu xanh. Gặp người khách biên đình Từ-Hải, Kiều « nằm » lấy người tri kỷ này để thoát kiếp đoạn trường. Nhưng rồi vì nông nổi, lại phụ kẻ anh hùng, phải để họ Hồ lợi dụng tấm thân. Sóng Tiền Đường vỗ mạnh, nàng lấy cái chết để « kết thúc Định mệnh của nàng ».

Nhưng bao nỗi chịu đựng, lòng hiếu hạnh, tình nhân ái của Kiều đã cho nàng một lối thoát — vì đã động tới Trời Phật — và nàng được rút tên ra khỏi sổ đoạn trường.

Rồi diễn giả, nói đến cái "đẹp" của Kiều trong hội tái ngộ chàng Kim và chống lại dư luận cho Kiều là con đi, truyện Kiều là một áng dâm thư.

Xin ghi lại một đoạn bình vực nàng Kiều, người thiếu nữ đã có ý niệm về trách nhiệm, đã có óc phụng sự và thi sinh.

"Kiều lại còn có can đảm luôn luôn chống đối với Định mệnh khắt khe, luôn luôn cố thoát khỏi những nỗi đoạn trường mà một nghiệp chương nào đã ràng buộc, đã dắm đời nàng, nàng chống đối, quyết phản nghịch lại với cuộc đời phi lí, với xã hội oái oăm và bỉ ổi đã làm nàng phải nếm bao nhiêu

cay đắng nhục nhằn; những vụ tư tư không thành, những cuộc vào tu không trọn, và cho đến cả những cuộc tình duyên, dang dở với chàng Thúc-Sinh hèn yếu, với một Từ-Hải anh dũng... đều là những hành động chứng minh sự chống đối quyết liệt của nàng với nghịch cảnh."

Diễn giả có đem ra so sánh quan niệm Định mệnh có buộc mà cố mở của Nguyễn-Du và quan niệm Định mệnh cay độc có buộc mà không có thoát của các nhà văn xưa Hi Lạp, các nhà văn cổ điển Pháp và các nhà văn hiện đại có tiếng của Âu Tây.

oOo

III. — Giá trị triết học tôn giáo trong truyện Kiều.

Diễn giả: T.T. THÍCH-THIÊN-ÂN: 21-11-65.

Con người không thể tách rời tôn giáo được, vì tôn giáo phụng sự loài người. Ta thử nhớ lại: Phật Thích-Ca, Chúa Giê-Su lấy Từ bi, Bác ái để xây dựng hạnh phúc cho nhân loại.

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau.

Tại sao chữ Tài và Mệnh lại ghét nhau?

Đạo Phật cho ta thấy con người đam mê vì thất tình và ở trong vòng tham, sân, si. Giàu thì muốn giàu hơn, đẹp thì muốn đẹp hơn; tài thì muốn tài hơn. Muốn, mà không được, nên càng dắm trong biển khổ. Sinh, lão, bệnh, tử đã là cái gốc của sự Khổ, mà Tạo hóa dành cho con người, lại còn vương thêm tham, sân, si nữa... Cho nên đạo

Phật mới tìm cách giải cái nghiệp căn ấy.

Người ta thường nói: Nho đổ Phật, nhưng xét kĩ, thì giới nho gia từ Trung Hoa qua Nhật Bản đến Việt Nam đều cố dung hòa đạo Nho với đạo Lão, đạo Phật để tạo cái triết lí cá biệt của Đông Phương: trong số nhà Nho này có thi hào Nguyễn Du đã rút tinh hoa của tam giáo để tìm lấy nghĩa lí cao thượng của nhân sinh.

Nguyễn Du, dòng họ đời khoa bảng, vốn là một nhà Nho chân chính, nhưng ông lại am hiểu nhiều về Phật giáo và Lão giáo.

Có vô vi (Lão) mới có cái thanh nhã, cao thượng của Á Đông.

Có từ bi, kiêm ái (Phật) mới có cái nhân, cái đức của người phương Đông

Có vị thế, có hành động (Nho) mới có tinh thần ái quốc, phụng sự cho dân tộc. Ta thành công trong việc ngăn Trung-Quốc xâm lăng, trong cuộc Nam tiến, chống thực dân, ta luôn luôn đá phá bao áp bức, đều do tinh thần tam giáo mà ra.

Con người đứng dính với nghiệp căn, nếu muốn có một đời sống thanh thản và hạnh phúc. Còn một khi:

« Đã mang lấy nghiệp vào thân !!!

Thì « Hết nạn ấy đến nạn kia », hay « Khư khư mình buộc lấy mình vào trong ».

Tuy vương nghiệp căn, mà biết phản

NHU CẦU MỘT ĐƯỜNG

Đây là đề tài buổi nói chuyện có thảo luận thứ ba (1) do Hội đồng bảo vệ tinh thần Thanh Thiếu Nhi tổ chức, trong khuôn khổ cuộc vận động bảo vệ tinh thần Thanh Thiếu Nhi chống làn sóng sa đọa và những ấn phẩm đồi trụy. Sau một nhà luật xét « Vấn đề Thiếu Nhi lâm nguy » (2) và một nhà văn bàn việc « Phát huy văn hóa dân tộc chống văn hóa đồi trụy » (3), giờ đến một nhà tân giáo dục, ông Thiên Giang, nói lên « Nhu cầu một đường hướng Giáo dục mới ».

Thuyết trình viên đặt ngay hai câu hỏi quyết liệt để mở đầu phần thứ nhất buổi nói chuyện: Hiện nay giáo dục có theo một đường lối nào không? Đường lối giáo dục thích hợp phải như thế nào? Để trả lời, thuyết trình viên lần lượt xét qua bốn điểm:

— xác định lại sự liên quan giữa giáo dục và giáo huấn.

(1) Ngày 22-1-1965, lúc 21 giờ tại thánh phòng hội Văn hóa bình dân, 7 đường Phan-Kế-Bính, Đa-Cao.

(2) Ông Trần-Thúc-Linh.

(3) Ông Vũ-Hạnh.

tình, thì cũng thường « nhân định thắng thiên ». Nàng Kiều tên tuy có ghi trong sổ đoạn trường rồi đấy, nhưng biết bán mình vì hiếu, biết thương người, ấy là nhân, thì « Đoạn trường sổ rút tên ra » và « còn nhiều phúc trách về sau. »

Con người đã cư xử theo Nho, theo Phật, thì có thể tìm lại cái hạnh phúc đã mất. Vì trong không gian, bao giờ cũng có những sức mạnh vô hình cầm cân nảy mực... cho những ai tuy chịu phải cái nhân xấu, nhưng lại gây cái quả tốt. Đó là trường hợp của Kiều. Và vì thế mà Kiều sau được hưởng cảnh đoàn viên.

HƯỚNG GIÁO - DỤC MỚI

- đặt vấn đề giáo dục trong khung cảnh xã hội hiện tại,
- hoàn cảnh giáo dục của thanh thiếu niên ta hiện nay như thế nào?
- hướng đi cần thiết của giáo dục.

oOo

Giáo huấn dạy trẻ em các môn học trong chương trình Giáo dục xây dựng trẻ em thành người đặc lực cho bản thân, cho gia đình, cho quốc gia và xã hội. Giáo dục hướng dẫn giáo huấn và cả hai liên quan mật thiết với nhau. Hoàn cảnh giáo dục gồm có hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh học đường và hoàn cảnh xã hội và nó có ảnh hưởng quyết định đến sự hay, dở của giáo dục, tùy theo nó tốt hay xấu. Ba hoàn cảnh này lại liên quan mật thiết với nhau và bồi bổ cho nhau.

Tính chất giáo dục ngày nay ở nước ta đã khiến nhiều người phàn nàn, vì nền giáo dục hiện giờ chứa lắm khuyết điểm; thuyết trình viên tìm nguyên nhân của chúng: khách quan thì vì chiến tranh đã hai chục năm rồi và trở nên khốc liệt

chủ quan thì do cấp lãnh đạo giáo dục chưa tỏ ra có đủ khả năng.

Thực trạng này bất lợi cho Thanh Thiếu Nhi ta vốn ở trong thời chịu ảnh hưởng qu ết định của hoàn cảnh, mà hoàn cảnh giáo dục cần thiết hiện nay chưa tạo được. Gia đình, học đường và xã hội cả ba cấu tạo một hoàn cảnh nguy hiểm cho trẻ.

Phải tạo hoàn cảnh giáo dục cho trẻ mới giải quyết được vấn đề, nói một cách khác, phải tìm đường hướng cho giáo dục. Mà làm việc này không phải là công trình của một nhóm chuyên viên văn phòng làm theo ý mình và theo sách vở mà giáo dục phải do chánh trị tốt lành hướng dẫn.

Những nhược điểm về chương trình giáo dục hiện tại : bản chất nô lệ hóa con người của chương trình thực dân Pháp để lại, nó nhằm đào tạo con người trù tượng, biết nhiều và không làm được gì, nó vốn do sự kết hợp lỏng lẻo của các môn được đem vào một cách độc đáo tùy theo sở thích của người làm chương trình noi theo lối cũ không dựa theo một nguyên tắc nào và quên thực tế trước mắt, chớ không căn cứ vào nhu cầu tiến bộ cấp thiết của dân tộc. Thuyết trình viên đưa ra mấy nguyên tắc chính tối thiểu đề dựa theo khi soạn thảo chương trình :

— giáo dục phải dính liền với xã hội vì do xã hội quyết định ; chương trình phải giúp học sinh tiến bộ không ngừng và đúng

mức ; điều hòa chuyên môn và văn hóa ; xây dựng ý thức.

Trong phần kết luận, thuyết trình viên bàn về vấn đề thiếu bản tượng và thiếu triển vọng ngày mai. Ông muốn đem cái triển vọng ngày mai thế cho thần tượng mà ông Trần Thúc Linh đã nêu ra trong buổi nói chuyện «Thiếu nhi lâm nguy», bởi có triển vọng, thanh thiếu niên mới cầu tiến, mới lạc quan, mới vươn lên được. Và đây là những lời cuối cùng của ông :

« Thật ra, thì trong hoàn cảnh chiến tranh hiện tại, dầu có một đường lối giáo dục tốt, một chương trình giáo huấn tốt cũng khó mà thực hiện được. Nhưng không phải vì không thực hiện được mà vấn đề giáo dục không được đặt ra. Sự mất còn của dân tộc, của quê hương buộc chúng ta đòi hỏi một đường lối giáo dục mở những triển vọng ngày mai cho con em chúng ta vậy ».

oOo

Một giờ thảo luận sau đó giữa cử tọa và chủ tọa đoàn không đưa đến một kết quả cụ thể nào. Ai nấy cũng nhận rằng vấn đề nêu lên vừa rộng lớn, vừa phức tạp, thời giờ bàn xét lại có hạn định, nên chưa thể giải quyết được gì. Nhưng buổi thuyết trình và thảo luận đã làm cho thính giả thấy tầm quan trọng và sự cấp bách của vấn đề. Lại nữa, có nhiều bậc lão thành trong giáo giới, vài vị từng có trách nhiệm trong ngành giáo dục đến dự và sốt sắng phát biểu ý kiến, tưởng đó cũng là điều mà ban tổ chức có thể tạm hài lòng.

ĐÍNH CHÍNH VỀ BÀI CỦA Ô. TẠ TRỌNG HIỆP

(Xin xem từ B.K.T.Đ. số 213)

Nơi cần cải chính	Thoại BK	Thoại cải chính
BK 206		
— trang 14 :		
A/13	+ (tả hình	(tả tình
B/7	Bibliographie annamite	Bibliographie annamite
18	tài liệu đề phủ-nhận	tài-liệu đề phủ-nhận
22	Nourng ta thấy	Nhưng ta thấy
— trang 15 :		
c (1)	+ Hanoi 1912	Hà Nội 1962
— trang 16 :		
B/19	trong sách nữa sau thế-kì	trong sách nữa sau thế kỉ
cuối c (3)	không đáng kể	không đáng kể
— trang 17 :		
B/8	— rời lại tiến vào trong tranh	rời lại biến vào trong tranh
c (1)	— sách đã dẫn ở cước-chú số 9	(sách đã dẫn ở kì trước, BK 205, trang 22 cước-chú 2),
c (4)	(đã đính-chính ở BK 207, tr. 30)	
— trang 18 :		
A/tiêu tiết d)	— chuyện Bả Khố, tồ-tích Thái	chuyện Bả Khố, cồ-tích Thái
tiêu tiết d)	— Thiết-nguru-hành	Thiết-nguru-thành
B/6	— theo ý-nghĩ	theo ý-nghĩa
— trang 19 :		
A/6 và 7	đền những năm	đến những năm
16	trên triết-lí, Phật-giáo	trê triết-lí Phật-giáo
23	để thực-hiện	để thực-hiện
— trang 20 :		
A/15	— Nhục-bồ-đoàn	Nhục-bồ-đoàn
B/-12	— truyện Mạn-lục	truyện trong tập Mạn-lục
	chuyện Chúa Thao	truyện Chúa Thao
— trang 21 :		
B/14 và 15	không còn thấy cần	không còn thấy cần
c (3) dòng 8	lại châu sông-Phân	lại châu sông Phan
— trang 22 :		
cuối c (1)	— và các tập Tiền-đăng	về các tập Tiền-đăng
từ B/6 trở xuống		
(Còn một đoạn dài nữa đáng lẽ phải in tiếp để kết-thúc đoạn bàn về triết-lí truyện Bích-câu ; vì một lí-do kĩ-thuật, đoạn ấy không kịp đăng ở đây, mà phải dời sang BK 208, tr. 74-75. Về lỗi in ở đoạn ấy, xin xem cải chính ở cuối Bảng này).		
BK 207		
— trang 19		
B/2	gỡ được một phần nào một mối	gỡ được phần nào một mối
9	— đã quên một tai-nạn	đã quên đi một tai-nạn
13	lỗi-in	lỗi in
cuối c (1)	(in mờ)	46
— trang 20 :		
A/-16	Beth-Saida	Beth-Saida
-7	— Học cho vài chữ lem-nhem	Học cho vài chữ lem-nhem
-5 và -5	— chuyện buồn cười do ta thấy	chuyện buồn cười như ta thấy
B/ c (9)	— (chữ nho bị xếp đảo lộn)	(đảo chữ thứ tư, mã , thay chữ thứ hai, yên) X. cải chính ở BK 208, tr ng 75, cột phải.
— trang 21 :		
A/-7	— trong khi kinh Thi	trong kinh Thi